



KỂ CHUYỆN
BÁC HỒ

vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

NHIỀU TÁC GIẢ

Kể chuyện

BÁC HỒ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Phần I

TỪ BẾN CẢNG NHÀ RỒNG ĐẾN QUẢNG TRƯỜNG BA ĐÌNH

Ham học để hiểu biết

Bác Hồ lúc mới sinh tên là Nguyễn Sinh Cung⁽¹⁾ (gọi theo tiếng địa phương là Coong), lớn lên gọi là Nguyễn Tất Thành. Thành là con cụ Nguyễn Sinh Sắc. Thuở bé, cụ rất thông minh và ham học. Là một trẻ mồ côi nhà nghèo không có tiền ăn học, cụ đã tìm cách học bạn, vừa chăn trâu vừa học mà giỏi chữ. Sau nhờ nhà nho Hoàng Xuân Đường biết đến, giúp đỡ cho ăn học, cụ đỗ Phó bảng. Nhưng cũng như nhiều người có chí hướng, đỗ đạt xong, cụ về làng dạy học, không muốn ra làm quan. Sau buộc phải vào Huế làm Thừa biện bộ Lễ, cụ thường than thở: "Quan trường là nô lệ trong đám người nô lệ, lại càng nô lệ hơn!"⁽²⁾

1. Theo nhà văn Sơn Tùng là Nguyễn Sinh Côn (*Búp sen xanh*).

2. Nguyên văn chữ Hán: *Quan trường thị nô lệ trung chi nô lệ, hựu nô lệ.*

Chuyện lại kể rằng: Thuở nhỏ, Thành cũng đi học. Cậu đã học qua ba ông thầy. Thầy nào cũng nhận thấy cậu học rất thông minh, hiểu rộng, nhớ lâu. Có một thầy ở làng Ngọc Đình, sau ba tháng dạy Thành liền tìm cách từ chối khéo, không dạy nữa. Ông ta lấy cớ là: "Thành học giỏi quá, tôi hết cả chữ để dạy rồi!". Một ông thầy dạy một chú bé mười một tuổi học mà lại kêu là "hết cả chữ" thì thật không ai nghe được! Sự thật là tại Thành rất chăm học nhưng lại hay muốn hiểu nghĩa từng câu, từng chữ, học hỏi cho đến khi thật hiểu.

Thành ham đọc sách để hiểu biết thêm. Từ bé Thành đã có suy nghĩ học không phải để làm quan... mà cốt để hiểu biết.

Đây, tiền từ đôi tay ta

Hai thanh niên cùng đi trên đường phố Sài Gòn. Họ trạc tuổi nhau. Một anh là Thành. Anh kia tên là Lê. Họ là đôi bạn thân. Hôm nay anh Thành được người bạn Sài Gòn đưa đi dạo chơi trong thành phố, lại được bạn thết một bữa kem. Lần đầu tiên trong đời, anh Thành biết mùi kem.

Tất cả những cảnh tượng của cái thành phố xa hoa, đầy rẫy những bất công đập vào mắt họ. Đột nhiên anh Thành nhìn thẳng vào mắt bạn, hỏi:

- Anh Lê, anh có yêu nước không?

Câu hỏi đột ngột khiến anh bạn ngạc nhiên, lúng túng trong giây lát. Anh trả lời:

- Tất nhiên là có chứ!
- Anh có thể giữ bí mật không?
- Có.

- Tôi muốn đi ra ngoài xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta. Nhưng nếu đi một mình thật ra cũng có điều mạo hiểm, như khi đau ốm... Anh có muốn đi với tôi không?

- Nhưng bạn ơi, chúng ta lấy đâu ra tiền mà đi?

- Đây, tiền đây! - Anh Thành vừa nói vừa giơ hai bàn tay - Chúng ta sẽ làm việc. Chúng ta sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi. Thế thì anh cùng đi với tôi chứ?

Bị lôi cuốn vì lòng hăng hái của bạn, anh Lê đồng ý. Nhưng sau khi suy nghĩ, Lê cảm thấy phiêu lưu, không đủ can đảm giữ lời hứa nữa. Vài ngày sau, Lê mới biết tin người bạn rất đổi thân thiết của Lê đã rời Sài Gòn ra đi.

Người phụ bếp Văn Ba

Con tàu "Đô đốc La-tút-sơ Tô-rê-vin-ơ" của hãng Vận tải hợp nhất cập bến Sài Gòn để lấy hàng và đón khách. Một buổi trưa, một người trai trẻ lên tàu. Sau giây phút ngập ngừng, anh ta hỏi xin việc. Máy nhân viên và thủy thủ cười vì thấy chàng trai có vẻ một anh học trò hơn là một người lao động. Họ nói nhỏ với nhau: "Một người như thế có thể làm được việc gì trên tàu?". Nhưng trong số đó có một người có lòng tốt đưa anh thanh niên đến gặp chủ tàu.

Chủ tàu nhìn người đến xin việc suốt từ đầu đến chân rồi hỏi:

- Anh có thể làm việc gì?

- Tôi có thể làm bất cứ việc gì!- Chàng trai trả lời rất rần rỏi, vẻ tự tin.

- Được, tôi sẽ nhận anh làm phụ bếp. Sáng mai đến đây nhận việc.

Chàng trai ấy xưng tên là Văn Ba. Công việc trên tàu thật là vất vả mà lại hoàn toàn mới mẻ đối với anh. Làm phụ bếp trên tàu, mỗi ngày anh phải dậy từ bốn giờ sáng, quét dọn sạch sẽ nhà bếp lớn trên tàu rồi đốt lửa trong các lò. Sau đó, đi khuân than rồi xuống hầm lấy rau, thịt, cá, nước đá, v.v... Công việc khá nặng nhọc vì dưới bếp rất nóng và trong hầm rất rét. Nhất là khi phải vác một bao nặng leo lên những bậc thang trong lúc tàu trôi trên sóng dữ.

Xong công việc ấy, phải dọn cho chủ bếp Pháp ăn rồi lại nhặt rau, rửa nồi chảo và tiếp tục cời lò. Công việc kéo dài suốt ngày.

Nhà bếp lo ăn cho hàng trăm người, cả nhân viên và hành khách. Có nhiều cái chảo đồng lớn và nặng quá, đến nỗi anh Ba phải kéo lê trên sàn. Còn những cái nồi thì cao quá, anh phải leo lên ghế để chùi. Luôn luôn anh nghe tiếng:

- Ba, đem nước đây!

- Ba, dọn chảo đi!

- Ba, thêm than chỗ này!

- Ba, thêm than chỗ kia!

Suốt ngày người anh Ba dầm nước, hơi và mồ hôi, mình đầy bụi than. Người ta thấy anh phải mang hết

tin thần và sức lực để làm cho xong công việc. Vì chưa quen công việc nên càng vất vả. Một lần phải gọt măng tây. Lần đầu tiên anh thấy măng tây. Anh gọt trượt suýt nữa thì tai vạ, may nhờ có anh Mai (nhân viên trên tàu đã giúp anh đến gặp chủ tàu xin việc ngày đầu) trông thấy, vội trút đồ xuống biển cho mất tang rồi bày cho cách gọt măng.

Mỗi ngày chín tiếng, công việc mới xong, anh Ba mệt lử. Nhưng trong khi anh em nghỉ hoặc đánh bài thì anh đọc sách hay viết đến mười một giờ hoặc nửa đêm. Về thứ bậc, anh Ba là người dưới, một người phụ bếp. Nhưng vì anh hiểu biết, hay giúp anh em viết thư cho gia đình và tỏ ra là một người đứng đắn, không hề nói tục, nên được tất cả mọi người yêu mến.

Con tàu vẫn lướt sóng ra khơi vượt đại dương bao la. Bỗng một hôm trời động, biển nổi sóng to. Sóng biển như những quả núi chồm lên, đổ xuống. Hầu hết mọi người say sóng. Như mọi ngày, anh Ba đi lên đi xuống từ bếp đến hầm. Không thể vác những rổ rau lên vai vì tàu tròn trành, anh phải buộc dây sắt để kéo đi. Thình lình, một ngọn sóng lớn ập tới và cuốn phăng xuống biển mọi vật trên sàn tàu, cả những rổ rau và anh Ba nữa. Anh bị đẩy vào giữa đám dây xích, nhờ vậy mà thoát chết.

... Trời yên bể lặng, vài ngày sau, tàu cập bến Mác-xây (Pháp). Nhân viên, thủy thủ đều được lĩnh lương, từ một trăm đến hai trăm quan, thêm vào đấy là tiền thưởng của hành khách. Anh Ba là phụ bếp chỉ được vài chục quan. Lương ít, nhưng anh đã học được nhiều điều mới lạ. Anh hiểu rằng: Ở Pháp cũng

có người nghèo như bên ta. Không phải tất cả những người Pháp đều xấu... Đây chính là suy nghĩ đầu tiên của một thanh niên yêu nước, giàu chí khí, muốn đi ra ngoài "xem các nước làm như thế nào để rồi trở về giúp đồng bào".

Anh Ba đến châu Phi

Chiếc tàu rời Lơ Ha-vơ-rơ (Pháp), đỗ lại ở Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, An-giê-ri, Tuy-ni-di và những cửa biển miền đông cho đến miền nam châu Phi. Đến đâu anh Ba cũng để ý xem xét. Mỗi lần cập bến, thế nào anh Ba cũng kiếm cách đi thăm thành phố. Khi trở về, anh có những ảnh và những hộp diêm đầy túi. Anh Ba thích thu thập những thứ ấy.

Đến Đa-ca, biển nổi sóng dữ. Tàu không thể vào bờ. Cũng không thể thả ca nô xuống vì sóng rất to. Để liên lạc với tàu, bọn Pháp trên bờ bắt những người da đen phải bơi ra tàu. Một, hai, ba, bốn người da đen nhảy xuống nước. Người này rồi người kia đều bị sóng biển cuốn đi. Cảnh tượng ấy mọi người coi là thường. Nhưng điều đó làm cho anh Ba hết sức xúc động. Anh khóc. Anh nói với một người bạn:

- Những người Pháp ở Pháp phần nhiều là tốt. Song những người Pháp thực dân rất hung ác, vô nhân đạo. Ở đâu chúng nó cũng thế. Ở ta, tôi cũng thấy chuyện như thế xảy ra ở Phan Rang. Bọn Pháp cười sặc sụa trong khi đồng bào ta chết đuối vì chúng

nó. Đối với bọn thực dân, tính mạng của người thuộc địa, da vàng hay da đen đều không đáng một xu...

Chiếc tàu này chở rượu ngon của Boóc-đô đưa sang bán ở An-giê-ri và những thuộc địa khác. Các thủy thủ đều say khướt vì họ chỉ cần dùng một lỗ nhỏ vào thùng rượu, ấn một ống cao su nhỏ vào đấy là tha hồ uống. Nhưng anh Ba không bao giờ uống rượu, anh khuyên mọi người không nên làm như thế. Mỗi ngày, anh dậy thật sớm để xem mặt trời mọc. Và trong những đêm trăng, anh hầu như không ngủ. Anh đi đi lại lại trên tàu, ngắm trời, ngắm biển. Tàu đậu lại ở Tê-nê-rít-pho vào lúc hoàng hôn. Bể lặng sóng, hòn đảo giống như một cái chụp đèn khổng lồ đặt trên mặt biển, phía trên xanh xanh, phía dưới lóng lánh. Anh Ba ngậy người nhắc đi nhắc lại với người bạn đứng bên: "Bạn ơi, anh nhìn kìa. Đẹp quá! Hùng vĩ quá!".

Anh Ba ở Luân Đôn

Sau chuyến đi châu Phi, anh Ba sang Luân Đôn, thủ đô nước Anh, khi làm nghề quét tuyết trong một trường học, khi làm nghề đốt than dưới hầm lò. Có lúc anh Ba vào làm phụ bếp tại khách sạn Các-lơ-tơn. Điều khiển nhà bếp là ông vua đầu bếp Ét-côt-phi-e người Pháp. Về tài nấu bếp của ông ta, cả thế giới đều biết. Ông đã được thưởng huân chương danh dự. Lần vua Đức sang thăm Luân Đôn, vua Anh mời ông phụ trách làm bữa tiệc và hứa sẽ trả ông một số

lương rất hậu. Nhưng ông già Ét-cốt-phi-e đã kiêu hãnh trả lời: "Tôi là người Pháp, tôi không nấu ăn cho kẻ thù của dân tộc tôi!".

Ở khách sạn Các-lơ-tơn, mỗi ngày có một người dọn dẹp dưới bếp. Những người phục vụ, sau khi dọn cho khách ăn, phải dọn bát đĩa, bỏ tất cả chén bát và thức ăn lẫn lộn vào trong một cái thùng to đưa xuống bếp. Lúc bấy giờ người dọn dẹp phải để bát đĩa riêng ra một bên, để người ta đem đi rửa. Đến lượt anh Ba, anh làm rất cẩn thận. Đáng lý vớt thức ăn thừa vào một cái thùng, đôi khi cả một phần tư con gà, những miếng bít-tết to tướng, v.v... thì anh lại giữ gìn sạch sẽ, và đưa cho nhà bếp. Chú ý đến việc này, ông già Ét-cốt-phi-e hỏi anh:

- Tại sao anh không quẳng thức ăn thừa vào thùng như những người kia?

- Không nên vớt đi. Ông có thể cho người nghèo những thứ ấy. - Anh Ba trả lời.

- Anh bạn trẻ của tôi ơi, anh nghe tôi! - Ông vua bếp Ét-cốt-phi-e vừa nói vừa cười có vẻ bằng lòng. - Tạm thời anh hãy gác ý nghĩ cách mạng của anh lại một bên để tôi dạy cho anh cách làm bếp, làm thật ngon và anh sẽ được nhiều tiền. Anh bằng lòng chứ?

Và ông Ét-cốt-phi-e không để anh Ba phải rửa bát nữa mà đưa anh vào chỗ làm bánh, với một số lương cao hơn.

Thật là một "việc lớn" xảy ra trong nhà bếp, vì đó là lần đầu tiên ông "vua bếp" làm như thế.

Giọt nước mắt cảm phục

Anh Ba rất giàu tình cảm. Một hôm bạn anh là Nam thấy anh cầm một tờ báo và chảy nước mắt. Anh Nam hỏi thì anh Ba đưa tờ báo và giải thích: "Anh xem đây. Đây là tin tức về ông thị trưởng Coóc, một nhà đại ái quốc Ái Nhĩ Lan. Ông ta bị bắt và bị người Anh bỏ tù. Ông ta tuyệt thực. Không những ông không ăn uống mà còn không nói năng, không cử động nữa. Ông nằm nghiêng một phía im lìm như thế hơn bốn mươi ngày. Da thịt và áo quần phía ấy thối hết, và ông chết, chết vì Tổ quốc. Can đảm biết bao! Dũng cảm biết bao! Một dân tộc có những người như ông Coóc sẽ không bao giờ đầu hàng. Chúng ta cũng thế, chúng ta cũng có những người can đảm như ông thị trưởng Coóc. Anh có biết chuyện cụ Tống Duy Tân không? Tôi kể cho anh nghe: Cụ Tống Duy Tân là một nhà đại trí thức đã đấu tranh dũng cảm chống bọn xâm lược Pháp. Cụ bị bắt và bị nhốt trong một cái cũi để gửi đến Bộ Tổng tư lệnh Pháp. Ngồi trong cũi, cụ vẫn làm thơ yêu nước. Khi hết giấy, cụ bẻ gãy quản bút, lấy cật tre làm dao và mổ bụng, cắt ruột tự tử. Trong những tờ giấy tìm được trong cũi, cuối những bài thơ, người ta còn thấy những dòng chữ: "Thà chết còn hơn đầu hàng!". Tôi tôn kính tất cả những người như Tống Duy Tân. Tôi sùng kính tất cả những thị trưởng như ông Coóc. Cái chết của họ làm cho Tổ quốc họ sống lại, lòng can đảm của họ là bất diệt".

Tại hội nghị Véc-xây

Tháng Giêng năm 1919, bọn đế quốc họp hội nghị Véc-xây⁽¹⁾ để chia nhau thuộc địa. Ông Nguyễn Ái Quốc⁽²⁾ thay mặt những người Việt Nam yêu nước gửi đến hội nghị bản yêu sách tám điểm đòi quyền tự do dân chủ và quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam. Người Pháp gọi đó là một quả bom. Còn người Việt Nam gọi đó là tiếng sấm, tiếng sét. Giữa thủ đô nước Pháp, ở ngay giữa cái hội nghị "cường quốc" ấy lại có một người Việt Nam ngang nhiên đứng ra đòi quyền lợi cho cả dân tộc mình, làm dư luận thế giới xôn xao bàn tán rầm rầm. Độ ấy người Việt Nam ở Pháp gặp nhau đều nói đến độc lập, tự quyết, đều nói đến Nguyễn Ái Quốc. Cái tên "Nguyễn Ái Quốc" có sức hút kỳ lạ. Nói đến tên người đó, ai nấy như thấy có cái gì đang thúc giục trong lòng. Chuyện như thế này:

Chủ nghĩa đế quốc Mỹ làm giàu trong Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, lúc này bắt đầu cần thuộc địa. Uyn-sơn, tổng thống Mỹ, đưa ra mười bốn điều đề nghị về quyền tự quyết dân tộc, hòng lừa bịp dư luận thế giới, tranh giành ảnh hưởng và mua chuộc nhân

1. Cung điện ở một thị trấn gần thành phố Pa-ri. Bọn đế quốc thắng trận (Anh, Mỹ, Pháp...) họp nhau ở đây để chia nhau thuộc địa của các đế quốc bại trận (Đức, Áo).

2. Lúc này Bác đã đổi tên là Nguyễn Ái Quốc, có nghĩa là người yêu nước.

dân thuộc địa các nước đế quốc khác. Nhiều đoàn đại biểu các nước bị áp bức như Trung Quốc, Ấn Độ, Triều Tiên, Ả-rập, Ái Nhĩ Lan v.v... tới tập đến Véc-xây đưa nguyện vọng tự trị của mình. Trong số đó, người ta thấy có ông Nguyễn Ái Quốc. Ông Nguyễn Ái Quốc liên lạc với đoàn đại biểu Triều Tiên, Ái Nhĩ Lan và các đoàn đại biểu khác. Ông Nguyễn tổ chức nhóm người Việt Nam yêu nước ở Pa-ri và ở các tỉnh khác. Với danh nghĩa của tổ chức này, ông đã đưa những yêu cầu ra trước hội nghị Véc-xây. Yêu cầu này gồm tám điểm. Những điểm chính là:

- Việt Nam tự trị.

- Tự do hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do báo chí, tự do đi lại, đại xá chính trị phạm.

- Quyền lợi bình đẳng giữa người Pháp và người Việt Nam.

Lần đầu tiên, người ta nghe dân tộc Việt Nam cất cao tiếng nói. Đó là tiếng nói của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, người Việt Nam đầu tiên và cũng là người Việt Nam duy nhất lúc đó anh dũng đứng lên ngay giữa Pa-ri đòi quyền lợi dân tộc trước mắt bọn cá mập thực dân. Với ý nghĩa đó, đồng chí Nguyễn Ái Quốc - tức là Bác Hồ của chúng ta ngày nay - đã trở thành người dẫn đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam.

Chủ bút báo "Người cùng khổ"

Tại một phố cổ đường Mác-sê Pa-tơ-ri-ác-sơ, thành phố Pa-ri vào năm 1922 xuất hiện tòa báo "Người

Kể chuyện Bác Hồ[15]

cùng khổ". Tòa báo ở tầng dưới cùng một ngôi nhà có gồm hai gian nhỏ, đằng trước trông ra một cái chợ nghèo.

Để mở rộng việc tuyên truyền đến các thuộc địa, Bác cùng các đồng chí ra tờ báo "*Người cùng khổ*", do Bác làm chủ bút kiêm chủ nhiệm. Những người yêu nước Man-gát, An-giê-ri, Mác-ti-ních là những luật sư, thầy thuốc, nhà buôn hoặc sinh viên. Họ có công việc và gia đình của họ. Họ không thể để nhiều thì giờ cho tờ báo. Mỗi người chỉ có thể góp một số tiền nhỏ và một bài báo mỗi tuần. Bác được mọi người cử ra để làm cho tờ báo chạy. Vì vậy Bác kiêm cả viết, chủ nhiệm, chủ bút, chữa bài, thủ quỹ, xuất bản và liên lạc.

Lúc đầu, Bác gửi báo bán tại những cửa hàng nhỏ. Nhưng bán không chạy lắm vì ở Pa-ri có vô số báo, người ta không thể đọc tất cả và mua tất cả. Bác tìm ra một cách là đến những cuộc mít tinh để phát báo. Bác lên diễn đàn và kêu gọi:

- Các bạn thân mến! Báo "*Người cùng khổ*" phát không, nhưng tôi hết sức cảm ơn, nếu các bạn vui lòng quyên giúp ít nhiều để chúng tôi trả tiền in. Một xu, một quan, nhiều ít cũng tốt...

Và thế là tờ báo "*Người cùng khổ*" lại được tiếp tục xuất bản tung đi năm châu bốn biển, đến với những ai bị áp bức cùng khổ ở trên đời...

Suốt trong thời gian dài, Bác bị mật thám ngày đêm theo dõi không rời một bước. Mặc dầu đời sống nghèo nàn, lại bị rầy rà về chính trị, Bác vẫn không nao núng. Vào những năm 1920 - 1921, Bác trọ ở

một nhà tại ngõ hẻm Công-poăng - một khu công nhân nghèo. Buồng Bác trọ chỉ vừa đủ để đặt một cái giường sắt và một cái bàn con. Trên bàn có một cái thau, trong thau có một bình nước để rửa mặt. Khi muốn viết lách, Bác phải đút thau và bình nước xuống gầm giường. Anh em công nhân khu này sống rất eo hẹp. Bác còn sống eo hẹp hơn. Hàng ngày, vào buổi sáng, Bác đi làm thuê cho một xưởng phồng rửa ảnh. Trưa về, Bác nấu cơm trong một cái xoong nhỏ bằng sắt tây đặt trên bếp đèn dầu, trên cơm hấp một tí thịt hoặc một con cá mắm. Bác ăn một nửa, còn một nửa để dành đến chiều. Có khi một miếng bánh mì với một miếng pho mát là đủ ăn cả ngày. Cả buổi chiều Bác xem sách ở thư viện hoặc hoạt động cho báo "*Người cùng khổ*" và "*Hội các dân tộc thuộc địa*". Còn tối, Bác đi hội họp hoặc đi dự các buổi mít tinh.

Mùa đông giá lạnh, không đủ chăn đắp, trước khi đi làm, Bác đặt một viên gạch nhờ trên bếp bà chủ nhà, tối về Bác gói viên gạch đã được hơi nóng ấy vào một tờ báo rồi đặt vào giường nằm cho đỡ rét.

Mặc dầu nghèo túng, Bác luôn luôn vui vẻ. Bác cố gắng học hỏi để hiểu biết các vấn đề. Bác tham gia hội nghệ thuật và khoa học, hội những người bạn của nghệ thuật, hội du lịch, v.v... Bác thường nói: "Trong những ngày nghỉ, không nên tiêu phí tiền bạc, mất thì giờ, mà nên đi du lịch, học hỏi được nhiều".

Con đường cách mạng vô sản

Bác vào Đảng Xã hội Pháp. Ấy là người Việt Nam đầu tiên vào một chính đảng Pháp. Người ta hỏi Bác tại sao. Bác trả lời: "Vì đây là tổ chức duy nhất ở Pháp bên vực nước tôi!"...

Lúc này, tổ chức của phong trào công nhân quốc tế do Ăng-ghen thành lập (gọi là Quốc tế thứ hai) đã bị bọn phản động lũng đoạn và biến chất. Lê-nin đã thành lập một tổ chức mới (gọi là Quốc tế thứ ba). Trước tình hình đó, Đảng Xã hội Pháp sôi nổi thảo luận vấn đề ở lại Quốc tế thứ hai hay là gia nhập Quốc tế thứ ba, hoặc là nên tổ chức một Quốc tế thứ hai rưỡi. Ở Đại hội Tua (1921), những cuộc thảo luận diễn ra không ngừng trước buổi họp, trong buổi họp và cả sau buổi họp. Trên báo chí của các phái thì đầy những ý kiến khác nhau. Bác nghe nhưng không hiểu lắm, và nhiều khi nhức đầu vì những ý kiến khó hiểu.

Một hôm, trong cuộc họp, Bác đứng lên phát biểu: "Các bạn thân mến! Các bạn đều là những người xã hội, rất tốt! Tất cả các bạn đều muốn giải phóng giai cấp công nhân? Vâng. Như thế thì dù Quốc tế thứ hai, thứ hai rưỡi hay thứ ba phải chăng cũng thế cả. Những Quốc tế ấy đều không là cách mạng cả sao? Dù các bạn gia nhập Quốc tế này hay Quốc tế nọ, các bạn cũng phải đoàn kết nhất trí. Tại sao tranh luận nhiều thế? Trong khi các bạn tranh luận thì đồng bào chúng tôi đang rên xiết ở Việt Nam..."

Mọi người cười, nhưng là tiếng cười thông cảm với một đồng chí còn non trẻ, chưa hiểu hết vấn đề.

Rô-dơ, một nữ chiến sĩ trẻ, nói với Bác: "Anh Nguyễn, cũng hơi khó giải thích cho anh rõ, vì anh là một người mới. Nhưng tôi chắc rằng sau này anh sẽ hiểu tại sao chúng tôi thảo luận thế, vì nó quan hệ đến tiền đồ của giai cấp công nhân".

Ý kiến của Bác được nhiều người đồng tình, vì Bác là người đại diện duy nhất của các nước thuộc địa và cũng là lần đầu tiên trong lịch sử, một chiến sĩ cách mạng Việt Nam tham gia một đại hội đại biểu của một chính đảng Pháp. Phóng viên báo "*Buổi sáng*" đã chụp và in ảnh Bác trên báo. Bọn mật thám và cảnh sát tức tối đến tìm Bác. Những nghị viên Đảng Xã hội can thiệp nên bọn chúng không dám vào phòng họp. Bác cứ đàng hoàng yên trí dự Đại hội.

Cùng thời gian đó, báo "*Nhân đạo*" đăng *Đề cương của Lê-nin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa*. Đọc đi đọc lại nhiều lần, Bác sáng tỏ được nhiều điều mà trước đây chưa hiểu, Bác rất cảm động, tin tưởng và vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong phòng mà Bác nói to lên như đang đứng trước quần chúng đông đảo: "Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!".

Từ đó, Bác hoàn toàn tin theo con đường Lê-nin đã vạch ra. Và ở Đại hội Đảng Xã hội Pháp, đến lúc biểu quyết về việc gia nhập Quốc tế thứ ba hay ở lại Quốc tế thứ hai, thì thiếu số do Bơ-lom cầm đầu bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ hai, đa số do Ca-sanh lãnh

đạo bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ ba. Bác bỏ phiếu cho Quốc tế thứ ba.

Rất ngạc nhiên, Rô-dơ, thư ký của Đại hội, hỏi Bác:

- Bây giờ đồng chí đã hiểu vì sao ở Pa-ri chúng tôi bàn cãi nhiều như thế rồi chứ?

- Không. Tôi chưa thật hiểu đâu!

- Thế thì tại sao đồng chí lại bỏ phiếu cho Quốc tế thứ ba?

- Rất đơn giản. Tôi hiểu rõ một điều là Quốc tế thứ ba rất chú ý đến vấn đề giải phóng thuộc địa. Quốc tế thứ ba nói sẽ giúp đỡ các dân tộc bị áp bức giành lại tự do và độc lập của họ. Còn Quốc tế thứ hai thì không hề nhắc đến vận mạng của các thuộc địa. Vì vậy tôi đã bỏ phiếu tán thành cho Quốc tế thứ ba. Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đây là tất cả những điều tôi muốn, đây là tất cả những điều tôi hiểu. Đồng chí đồng ý với tôi chứ?

Trải qua thực tế đấu tranh, lại được tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Bác từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa quốc tế vô sản và đi đến kết luận: *"Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"*.

Cái tôi cần là đồng bào tôi được tự do

Một buổi trưa Bác đi làm về, bà giữ nhà đưa cho Bác một bức thư. Mở thư ra xem, thì ra quan thượng thư thuộc địa tên là Xa-rô mời Bác đến gặp. Cách vài hôm sau, Bác đến gặp hẳn.

Trong phòng khách của Bộ Thuộc địa, một bọn người Pháp "tai to mặt lớn" đang nhấp nhòm chờ đến phiên mình được "quan" gọi vào. Nhưng Bác không phải chờ. Bác vừa đến thì liền có ông già mang xiềng bằng bạc (người truyền đạt ở các cơ quan cấp cao) mời vào ngay.

Một gian phòng rộng rãi và lộng lẫy trưng bày đầy những đồ vật quý mang từ các thuộc địa về. Quan thượng thư đầu hói bóng như quả bưởi, một mắt mang kính trắng ngồi chễm chệ bên một cái bàn rất rộng và chất đầy giấy tờ. Thấy Bác vào, hắn ta đứng dậy bắt tay và mời ngồi với một cách lễ độ giả dối.

Hai người ngồi đối mặt nhau.

Một người là đại biểu của chế độ thực dân Pháp đang áp bức bóc lột Việt Nam.

Một người là đại diện ý chí của nhân dân Việt Nam đang bị Pháp đô hộ một cách tàn nhẫn.

Y thì nắm trong tay cả quyền binh kinh tế, chính trị, quân sự, cảnh sát, trại giam... ở các thuộc địa Pháp.

Bác là một trong năm mươi triệu người thuộc địa đang bị bọn thực dân Pháp bắt làm nô lệ.

Y có quyền bắt giải Bác về Việt Nam, gán cho tội tuyên truyền cộng sản rồi đưa lên máy chém (Triều đình nhà Nguyễn đã tuân lệnh Pháp mà xử án vắng mặt Bác).

Bác thì chỉ dựa vào lực lượng chính nghĩa và cảm tình của giai cấp công nhân Pháp, nhất là công nhân Pa-ri.

Hai giai cấp, hai chế độ ngồi đối mặt nhau. Thế nhưng, Bác cảm thấy hấn ta rất sợ Bác, vì sợ cách mạng, và đoán biết rằng hấn ta cũng cảm thấy Bác không sợ hấn, vì cách mạng không sợ cái chế độ do hấn ta đại biểu.

Viên thượng thư thuộc địa, mắt thì nhìn Bác chăm chăm, tay thì vẽ trên bàn, miệng thì nói như phun ra lửa. Y nói đại ý như sau: "Hiện nay có những kẻ công cuồng hoạt động ở Pháp. Họ liên lạc với bọn bôn-sê-vích⁽¹⁾ ở Nga. Từ Nga, họ liên lạc với Quảng Đông và từ Quảng Đông, họ liên lạc với Việt Nam. Chính phủ Pháp biết rõ những dây liên lạc đó! Họ âm mưu phá rối trật tự trị an ở Đông Dương và chống lại nhà nước bảo hộ. Nước mẹ Đại Pháp rất khoan hồng, nhưng sẽ không tha thứ cho những kẻ gây rối loạn... Nước mẹ Đại Pháp đủ sức để bẻ gãy họ như thế này..."

Nói đến đó, vẻ mặt hấn hằm hằm, hai tay nắm lại và làm như đang bẻ một vật gì rắn lắm. Bác vẫn giữ thái độ ung dung, cứ mỉm cười, để mặc hấn nói. Thái độ mỉm cười trước những lời đe dọa làm cho viên thượng thư thuộc địa càng bức, càng sợ. Khi hấn tạm dứt lời, Bác hỏi:

- Ngài đã nói xong rồi chứ?

Là một nhà chính trị cáo già, hấn liền đổi giọng, nói một cách ôn tồn:

1. Tên gọi những người cộng sản Nga đi theo đường lối của Lê-nin.

- Tôi rất thích những thanh niên chí khí như ông. Có chí khí là tốt, nhưng còn phải "thức thời" mới hay! Ông này, khi nào ông có cần gì, cứ đến tôi, tôi luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ ông. Từ nay chúng ta đã quen biết nhau, ông không nên khách sáo...

Bác nói:

- Cảm ơn ngài! Cái mà tôi cần nhất trên đời là đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập. Kính ngài ở lại, tôi về.

Bác đến Liên Xô

Cách mạng tháng Mười Nga có một sức lôi cuốn kỳ diệu vô cùng. Từ khi nghe tin cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công, Bác liền có ý định đi Nga, mặc dù lúc đó chưa hiểu hết ý nghĩa cực kỳ to lớn của cuộc cách mạng ấy.

Hồi đó đi Nga là một việc khó khăn và nguy hiểm. Sau khi Hồng quân đã đánh lui quân đội của mười bốn nước đế quốc và dẹp xong bọn phản động trong nước thì Nga lại bị các nước đế quốc bao vây chặt chẽ. Có những người như nhà thơ Pháp là đồng chí Ray-mông Lơ-phe-vơ-rơ cùng mấy anh em công nhân đã mạo hiểm bí mật đi Nga, lúc về đã bị đắm thuyền chết ở biển Ban-tích. Nhiều người khác đi gần đến Nga thì bị bọn phản động quốc tế bắt và thủ tiêu.

Nguy hiểm thì không sợ. Nhưng làm thế nào để giải quyết các khó khăn? Trước hết làm thế nào để vượt qua được đoạn đường từ Pa-ri đến biên giới cho

khỏi bị mật thám Pháp bắt lại? Làm thế nào để xuyên qua nước Đức và Ba Lan?... Ngày thường gần gũi anh em công nhân, Bác biết họ rất khảng khái. Một đồng chí thợ già làm ở nhà máy điện, thường cùng Bác đi dự các cuộc mít tinh, một hôm đi họp về đã nói với Bác: "Mình suốt đời lao động, có dành dụm được một chút ít tiền. Mình không vợ, không con; bao giờ mình "nhắm mắt" mình sẽ để số tiền đó giúp chú làm cách mạng...". Nay muốn đi Nga thì chỉ có một cách là nhờ anh em công nhân giúp. Định như vậy rồi, Bác tìm đến làm quen với anh em công nhân xe lửa. Sau nhiều ngày tìm kiếm thăm dò, Bác đến gặp một đồng chí làm ở đoạn đường xe lửa Pa-ri - Béc-lin. Nghe Bác nói muốn đi Nga, đồng chí ấy nói:

- Được, chúng tôi sẽ giấu đồng chí ở một chỗ trên xe, bố mật thám cũng chẳng tìm ra được! Nhưng xe chúng tôi chỉ đến Béc-lin thôi. - Nheo mắt lại nghĩ ngợi một lát, đồng chí nói tiếp. - Không sao! Tôi sẽ bàn với anh em công nhân xe lửa Đức giúp cho đồng chí đi tiếp.

Thế là bước đầu đã thành công. Nhưng khó khăn vẫn còn không ít. Làm thế nào để đánh lạc hướng bọn mật thám ngày đêm theo mình như bóng theo hình? Anh em công nhân Đức có thể giúp, nhưng công nhân Ba Lan có sẵn sàng giúp mình không? Và ai sẽ phụ trách tờ báo "*Người cùng khổ*"? Các đồng chí Á - Phi, người thì giúp bài, người thì giúp tiền làm báo, nhưng cần có người không bận bịu gia đình như mình để phụ trách mọi việc như đi góp tiền, giục bài, bí mật gửi báo đến các nước thuộc địa, bán báo

để tuyên truyền ở Pa-ri... Thật là "ngón ngang trăm mối bên lòng!".

Quanh quẩn mấy tháng, kế hoạch chưa xong, thì một hôm Bác được Trung ương Đảng Cộng sản Pháp mời đến và bảo: "Đồng chí sẽ được đi dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế cộng sản, với danh nghĩa là đại biểu các dân tộc thuộc địa".

Tin đó làm Bác sung sướng vô cùng!

Bọn mật thám nắm vững "quy luật" hoạt động của Bác: sáng đi làm công, chiều đến thư viện, tối dự mítting, khuya về nhà ngủ. Bác cũng nắm vững quy luật hoạt động của chúng: chúng chỉ theo Bác từ nhà trọ đến chỗ làm việc, đến chỗ xem sách, đến nơi hội họp. Sau đó, tin chắc rằng Bác không đi đâu mất, chúng yên trí về nhà để vui thú gia đình.

Hôm đó, hai tay đút túi, Bác ung dung lên xe buýt đi dự mítting ở ngoại ô Pa-ri. Độ nửa giờ sau, Bác lạng lẽ đi quay về ga xe lửa. Một đồng chí tin cẩn đã chờ sẵn ở đó, trao cho Bác vé xe lửa hạng nhất (vì hạng nhất chỉ có những khách sang trọng đi, ít bị tình nghi) và một cái va li con...

Chắc chắn là bọn mật thám phụ trách theo dõi Bác sẽ được quan thượng thư thuộc địa "thưởng" cho một mẻ nên thân! Và chính quan thượng thư cũng phải tức mình đến "ung thư phát bối"...

Bác đến Nga vào mùa đông. Mọi vật đều bị tuyết phủ trắng xóa như trong một thế giới bằng bạc. Có ngày rét đến 42 độ dưới 0.

Đại hội Quốc tế cộng sản chưa khai mạc vì Lê-nin còn ốm nặng.

Hôm 21 tháng giêng năm 1924, một tin sâu đã làm chấn động toàn thể nhân dân Nga, cũng như nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới: Lê-nin, người thầy, người bạn, người đồng chí kính yêu của chúng ta mất rồi!

Nghe tin buồn đó, nhiều người òa lên khóc. Mắt Bác cũng rưng rưng...

Bác Hồ nghiên cứu nước Nga

Vừa xem xét vừa nghiên cứu nước Nga, Bác không quên đây là một nước đã trải bốn năm chiến tranh thế giới và một năm nội chiến, những cuộc chiến tranh đã làm tổn thương đến tận cơ sở. Bác cũng không quên so sánh nước Nga mà cuộc cách mạng đang tiến tới với nước Việt Nam bị nô lệ đã mấy mươi năm.

Bác chú ý nhất đến chế độ xã hội của nước Nga. Ở đây mọi người ra sức học tập, nghiên cứu để tiến bộ. Chính phủ thì giúp đỡ khuyến khích nhân dân học tập. Ở đâu cũng thấy trường học. Các nhà máy đều có lớp học, ở đây con em thợ thuyền có thể học nghề, thợ chưa lành nghề có thể học để trở thành lành nghề, thợ lành nghề có thể học để trở thành kỹ sư. Như thế nhà máy tự đào tạo lấy cán bộ chuyên môn của mình. Đây là một chế độ rất hay. Trong những nông trường tập thể, tính chất người nông dân Nga khác với nông dân các nước: về pháp luật, ruộng đất là của Nhà nước nhưng thực tế do nông dân sử dụng. Chính phủ

cho những nông trường tập thể mượn máy cày. Trong nông trường tập thể, mọi người làm chung và chia sản phẩm theo công làm của mỗi người.

Có một số nông trường tập thể rất giàu, mà người ta gọi là nông trường triệu phú. Những nông trường này có trường học sơ cấp và trung cấp, thư viện, nhà chiếu bóng, sân vận động, nhà thương, phòng nghiên cứu nông nghiệp, nơi chữa máy móc, v.v... Những nông trường này đã biến thành những thành phố nhỏ.

Những người ốm đau được săn sóc không mất tiền, đây cũng là một điều Bác hết sức phục. Và Bác nghĩ đến những đồng bào đáng thương của mình, đau ốm không có tiền thuốc. Thực dân Pháp khoe khoang đã tổ chức những nhà thương, mà không bao giờ chữa cho những người không có tiền.

Ở Đông Dương, người ta tính hơn mười vạn người mới có một thầy thuốc.

Vì Bác rất yêu trẻ con nên Bác nghiên cứu kỹ vấn đề nhi đồng ở Nga.

Lúc mới đẻ, mỗi đứa trẻ được giúp tiền may quần áo, được uống sữa lọc trong chín tháng không mất tiền. Mỗi tuần thầy thuốc đến thăm nhiều lần. Người mẹ được nghỉ hai tháng trước và sau khi sinh đẻ, vẫn được lương. Mỗi nhà máy có một chỗ nuôi trẻ do những thầy thuốc và nữ y tá trông nom. Người mẹ làm thợ cứ vài giờ lại được nghỉ việc trong mười lăm phút để cho con bú. Những đứa trẻ ngoài chín tháng có thể gửi ở những vườn trẻ, có thầy thuốc chăm sóc.

Buổi sáng, khi đứa trẻ đến, thầy thuốc khám và cân. Rồi nữ y tá tắm cho nó và bận áo quần sạch sẽ

của vườn trẻ. Khi mới đến và hai giờ chiều nó được uống sữa, mười giờ sáng và bốn giờ chiều được ăn cơm. Mỗi đứa trẻ có một cái giường nhỏ để nghỉ trưa từ mười một giờ đến một giờ chiều. Có những bàn ghế và đồ dùng nhỏ hợp với trẻ em. Trang hoàng thì có những chậu hoa và những bức tranh vui vẽ thú vật chim chóc, cây cối hoặc những truyện trẻ em.

Tất cả đồ chơi đều do vườn trẻ cung cấp. Trẻ em ngoài bốn tuổi, bắt đầu học đếm và học những chữ cái với những đồ chơi. Ví dụ đếm bàn ăn, chúng vừa chia những nĩa nhỏ nhỏ hoặc những cái bát nhỏ cho các bàn vừa đếm một, hai, ba, bốn, v.v... Có những khối gỗ nhỏ sơn nhiều màu và có nhiều chữ vừa là đồ chơi vừa là sách học. Trẻ em lớn tuổi hơn có những đồ chơi khác. Chúng có đủ đồ để học vẽ, học nặn. Có một mảnh vườn con để tập trồng trọt.

Trẻ em được tự do làm theo ý thích của chúng. Chỉ khi nào đứa trẻ đã làm xong hoặc chơi xong, lúc bấy giờ những người phụ trách mới phê bình hoặc gợi ý.

Người ta khuyên bảo trẻ, không bao giờ mắng hoặc phạt và trẻ em luôn luôn ngoan.

Nhờ sự săn sóc như thế, trẻ em lớn lên tươi đẹp như hoa hồng mùa xuân.

Hết giờ làm việc, cha mẹ đến đón con. Thường thường các em muốn ở lại vườn trẻ, không thích về nhà.

Có thể gửi trẻ vào vườn trẻ cho đến tám tuổi. Đến tám tuổi, trẻ em bắt đầu đi học. Học sinh mỗi buổi sáng được một bữa ăn uống không mất tiền.

Ngoài trường học thì có đội thiếu nhi chăm sóc các em.

Các thành phố lớn đều có cung văn hóa của thiếu nhi. Đây là một lâu đài rộng lớn, có đủ các thú để cho trẻ có thể vừa chơi vừa học. Ở đây có văn chương, nhạc, thiên văn, hóa học, nhà hát, trò chơi, v.v... cho đến cả tàu điện, ô tô và xe lửa. Mỗi một thú đó đều do một nhà chuyên môn giảng giải cho trẻ em.

Kết quả của lối giáo dục tự do này rất tốt.

Ví dụ: Một em mười hai tuổi đã tự mình làm được một máy vô tuyến điện tí xíu có thể để trong hộp diêm, em khác mười bảy tuổi đã giúp được việc cho đài thiên văn Mạc Tư Khoa.

Ở cửa biển Ô-đét-xa, có mấy chiếc tàu nhỏ mà nhân viên từ người chỉ huy cho đến người cầm lái đều là các em thiếu nhi.

Trong một thành phố khác, có một đường xe lửa dài năm cây số của thiếu nhi, do thiếu nhi điều khiển.

Các thành phố đều có thư viện và hàng sách đặc biệt cho trẻ em.

Thiếu nhi có một tờ báo riêng. Tờ "Sự thật thiếu nhi" ở Mạc Tư Khoa và một số lớn biên tập viên và thông tin viên trẻ em với độ một triệu bạn đọc nhỏ.

Những trẻ em đặc biệt có thiên tài được Chính phủ giúp đỡ. Ví dụ: Chính phủ đã giao cho những giáo sư âm nhạc phụ trách năm trẻ em có khiếu âm nhạc. Trong cuộc thi âm nhạc quốc tế ở thủ đô nước Bỉ, những em này đã được giải thưởng nhất, ba, tư và hai giải khuyến khích.

Về mùa hè, thiếu nhi được đi nghỉ một tháng ở những nơi nghỉ mát, ngoài biển hoặc trên rừng thông. Những nhà nghỉ mát đều như những cung điện rất sang. Bữa ăn ngon và nhiều. Sau một tháng chơi và nghỉ, các em nặng thêm từ hai đến bốn kí lô.

Nói tóm lại, cái gì tốt nhất đều dành cho trẻ em. Nếu nước Nga chưa phải là một thiên đường cho tất cả mọi người, thì nước Nga đã là một thiên đường của trẻ con. Vì vậy sự sinh đẻ tăng lên rất mau và nạn chết yểu giảm xuống rất thấp.

Thiên đường của trẻ em này không làm cho Bác quên Tổ quốc Việt Nam. Trái lại, Bác càng nghĩ nhiều hơn đến trẻ em nước nhà. Bác cũng muốn làm cho chúng sung sướng, mạnh khỏe như những trẻ em Nga. Bác nhớ lại một hôm, Xa-rô (Sarraut), Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp đã nói với Bác: "Nước Pháp rất khoan hồng. Nước Pháp rất muốn làm những việc cải cách. Nhưng nước Pháp sẽ không tha thứ những người nào từ Pa-ri đến Mạc Tư Khoa, từ Mạc Tư Khoa đến Quảng Châu và từ Quảng Châu đến Đông Dương (y vừa nói vừa lấy ngón tay vẽ một bản địa đồ trên mặt bàn) kiếm cách gây nên những sự rối loạn".

Mặc những lời dọa dẫm của Xa-rô, Bác vẫn tìm đường qua Trung Quốc để về nước. Mục đích của Bác trở về nước là để truyền bá lý tưởng mà Bác đã học được ở Pháp: tự do, bình đẳng, bác ái.

Bác hoạt động bí mật ở Trung Quốc

Bây giờ Bác ở Trung Quốc, Bác bắt đầu đi bán thuốc lá và bán báo để sống. Khi mới đến, Bác còn cảm thấy tiếng vang của một việc xảy ra ở Quảng Châu. Mấy tháng trước đây, một thanh niên cách mạng Việt Nam, Phạm Hồng Thái, đã ném một quả bom vào Méc-lanh đến Sa Diện, một tô giới quốc tế gần Quảng Châu. Méc-lanh thoát chết. Còn liệt sĩ Phạm Hồng Thái phải tự vẫn trên sông Châu Giang.

Việc đó tuy nhỏ, nhưng nó báo hiệu bắt đầu thời đại đấu tranh dân tộc, như chim én nhỏ báo hiệu mùa xuân.

Sau Đại chiến thế giới lần thứ nhất, thực dân Pháp càng ra sức bóc lột Đông Dương. Chương trình bóc lột này được dự tính tỉ mỉ trong quyển sách của An-be Xa-rô (Albert Sarraut): "*Khai thác thuộc địa*". Toàn thể nhân dân đau khổ vì sự bóc lột đó. Thuế má và tạp dịch tăng lên. Ruộng đất của nhiều làng bị bọn chủ đồn điền Pháp chiếm đoạt. Pháp thi hành chính sách gây nạn đói để làm cho nông dân bần cùng. Giai cấp tư sản và giai cấp tiểu tư sản Việt Nam bị nghẹt thở vì sự áp bức nặng nề của tư bản thuộc địa. Một giai cấp thợ thuyền mới ra đời. Từ 1862, tiếng súng kíp của đội quân Cần Vương chống với đại bác của bọn xâm lược Pháp, cuộc chiến đấu đó vẫn tiếp tục. Nó tiếp tục năm 1885 dưới sự lãnh đạo của cụ Hoàng Hoa Thám, năm 1917 dưới sự lãnh đạo

của ông Lương Ngọc Quyến và nhiều nhà chí sĩ khác. Có một lúc tạm yên sau Đại chiến lần thứ nhất. Và bây giờ tiếng bom của Phạm Hồng Thái đã nhóm lại ngọn lửa chiến đấu.

Trung Quốc cũng bị các tập đoàn quân phiệt chia xẻ, bọn này được đế quốc giúp đỡ. Nhưng lòng yêu nước của nhân dân Trung Quốc bắt đầu thức tỉnh. Lời kêu gọi của bác sĩ Tôn Dật Tiên bắt đầu truyền bá. Một phong trào dân tộc vĩ đại bắt đầu. Trước hết là cuộc đấu tranh chống Nhật, liên hợp tất cả các giai cấp trong nước. Sau đó là sự tẩy chay Anh ở Hương Cảng do công nhân phát động. Rồi đến đội quân Bắc phạt chống bọn quân phiệt để thống nhất Trung Hoa do bác sĩ Tôn Dật Tiên và những người đồng chí của ông lãnh đạo.

Bác tìm vào cuộc vận động này.

Đọc quảng cáo trên tờ "*Quảng Châu nhật báo*", Bác tìm đến làm phiên dịch cho ông Bô-rô-đin, cố vấn chính trị của bác sĩ Tôn Dật Tiên và của chính phủ Quảng Châu. Bác dịch những tờ báo Trung Quốc ra tiếng Anh. Bác để hết tâm lực nghiên cứu chính trị Trung Quốc.

Ba nguyên tắc của bác sĩ Tôn Dật Tiên là:

- Dân tộc độc lập.
- Dân quyền tự do.
- Dân sinh hạnh phúc.

Vừa nghiên cứu làm việc để sống, Bác vừa ra sức làm việc cho Tổ quốc mình. Bác bắt đầu tổ chức đồng bào Việt kiều ở Trung Quốc. Tổ chức này gọi là "Hội Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí".

Để tuyên truyền, Bác xuất bản một tờ tuần báo: "*Thanh niên*".

Được sự cộng tác của Đảng Cộng sản Trung Quốc, Bác tổ chức "Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông".

Trong tổ chức này, có người Việt Nam, người Triều Tiên, người In-đô-nê-xi-a, v.v...

Đoàn thể này giống "Hội Liên hiệp thuộc địa" mà Bác đã tổ chức ở Pari.

Được sự cộng tác của Đảng Cộng sản Trung Quốc, quân đội cách mạng của bác sĩ Tôn Dật Tiên đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Bọn quân phiệt lần lượt bị đánh bại. Trong một thời gian ngắn, chính quyền Quốc dân đảng Quảng Châu đã lan rộng khắp nửa Trung Quốc.

Hoạt động của "Hội Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí" bắt đầu lan vào trong nước. Thực dân Pháp gián tiếp giúp đỡ rất nhiều. Vì sao vậy?

Trong khi tài liệu và báo chí của Bác bí mật lọt vào nước rất khó khăn, thì bọn thực dân làm to chuyện để yêu cầu đàn áp. Đó là một quảng cáo rất tốt cho công việc của Bác, làm cho đồng bào chú ý, làm cho họ càng thích được nghe tuyên truyền cách mạng.

Hơn nữa, thực dân Pháp đã phạm một sai lầm là bắt nhà lão sĩ yêu nước Phan Bội Châu, lúc bấy giờ ở Trung Quốc, và muốn kết án tử hình cụ Phan. Tất cả nhân dân Việt Nam nổi dậy chống lại vụ án này và yêu cầu thả cụ Phan. Chưa bao giờ có một phong trào quần chúng rộng rãi như vậy. Đây là một dịp tốt cho Bác tuyên truyền chủ nghĩa yêu nước.

Muốn ru ngủ và lung lạc người Việt Nam, thực dân Pháp cử Va-ren (Alexandre Varenne), đảng viên Đảng Xã hội Pháp làm Toàn quyền Đông Dương. Lúc đầu, một số người Việt Nam phấn khởi, nhất là một số thanh niên.

Nhưng Va-ren ngay từ đầu đã thi hành chính sách hết sức phản động. Người Việt Nam sớm tỉnh ngộ và vì vậy sẵn sàng đáp lại lời kêu gọi của Bác: "Muốn tự giải phóng, phải trông vào lực lượng của mình".

Nhà lão ái quốc Phan Chu Trinh ở Pháp trở về Việt Nam. Về được một năm thì cụ mất. Từ Bắc chí Nam, nhân dân ta tổ chức đám tang rất lớn. Bọn cầm quyền Pháp can thiệp cấm những cuộc truy điệu và bắt bớ những thanh niên, sinh viên hăng hái nhất trong cuộc vận động đó. Sự can thiệp này đã thổi thêm ngọn lửa yêu nước và một lần nữa giúp cho sự tuyên truyền yêu nước của Bác và hội Thanh niên.

Bác mở những lớp đào tạo cán bộ ở Quảng Châu. Những thanh niên Việt Nam phần lớn là học sinh trốn ra dự những lớp này để học làm cách mạng, học cách hoạt động bí mật. Học xong họ lại bí mật về nước truyền bá lý luận giải phóng dân tộc, và tổ chức nhân dân.

Thực dân Pháp ở Đông Dương thù ghét phong trào cách mạng Trung Quốc. Họ sợ mất quyền lợi của họ trong ba tỉnh: Quảng Đông, Quảng Tây và Vân Nam. Từ lâu, họ đã có tham vọng chiếm ba tỉnh này. Đầu thế kỷ XX, Du-me (Paul Doumer), Toàn quyền Đông Dương đã viết: "Những tỉnh này phải là của chúng ta. Chúng ta bắt đầu xâm lược ba tỉnh ấy bằng

kinh tế, bằng chính trị, và cuối cùng bằng quân sự, nếu cần...".

Để hoàn thành kế hoạch xâm lược này, thực dân Pháp làm đường sắt Vân Nam - Hải Phòng, chiếm Quảng Châu Loan và Sa Diện. Khi thấy phong trào giải phóng dân tộc phát triển, thực dân Pháp hết sức lo sợ. Họ gọi đội quân Quốc dân đảng là "Hồng quân". Khi đội quân này lan đến gần biên giới Trung - Việt thì thực dân Pháp kiếm cách ngăn trở. Họ ném bom thành phố Long Châu. Phong trào dân tộc Trung Quốc có lợi cho cuộc vận động cách mạng Việt Nam. Mặc dầu chịu sự kiểm soát chặt chẽ của thực dân Pháp, những chi bộ "Hội Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí" vẫn được thành lập trong khắp nước.

Năm 1927, khủng hoảng chính trị nổ ra trong nội bộ Quốc dân đảng. Cuộc Bắc phạt thu nhiều thắng lợi. Chính phủ Quảng Châu trở thành Chính phủ của toàn Trung Quốc và dời đến Nam Kinh. Quốc dân đảng phản động bắt đầu khủng bố Đảng Cộng sản và công nông.

Mặc dầu Bác chỉ chuyên chú đến phong trào Việt Nam, chính phủ Quốc dân đảng nghi ngờ và muốn ám hại Bác.

Một lần nữa Bác lại mất tích.

*

* *

Bác đi đâu. Không ai biết. Những đồng chí của Bác cũng bị nghi ngờ và bị Quốc dân đảng bắt bỏ tù.

Bác ở Xiêm

Ở trung bộ Xiêm⁽¹⁾, gần sông Mê-nam có một xóm Việt kiều gồm những người nông dân và buôn bán nhỏ. Họ có một nhà trường để dạy tiếng Xiêm và tiếng Việt cho con em họ. Mỗi ngày công việc xong, họ họp nhau trong sân trường. Đàn ông, đàn bà, trẻ con ngồi thành vòng tròn. Một người cán bộ gầy gò đứng dậy, và nói giọng chậm rãi, rõ ràng, đọc cho họ nghe một bài báo hoặc một chương sách. Mọi người yên lặng nghe. Đọc xong, ông hỏi mọi người đã hiểu chưa, rồi thông thả giải thích những điểm chưa được rõ.

Buổi họp xong, họ hát những bài ca yêu nước. Và các cụ già kể chuyện chiến tranh du kích. Đây là những người du kích đã chống Pháp dưới sự lãnh đạo của cụ Phan Đình Phùng, hoặc cụ Hoàng Hoa Thám. Họ trốn sang Xiêm để tránh sự bắt bớ của người Pháp. Thỉnh thoảng người cán bộ thường đọc sách báo lại đi vắng. Vai đeo bị như những người buôn hàng rong, ông đi đến những nơi có Việt kiều để tuyên truyền và tổ chức. Ông đi đến đâu là ở đấy có thay đổi. Ở đâu có Việt kiều là ở đấy có tổ chức trường học cho trẻ em. Ở đâu có trường học là nơi đó cha mẹ tụ họp để nghe đọc sách báo và bàn bạc công việc. Nạn cờ bạc, cãi nhau bớt hẳn. Người lớn giúp đỡ nhau. Trẻ em chăm ngoan hơn. Nạn mù chữ dần dần

1. Nước Xiêm đến năm 1939 đổi tên là Thái Lan.

được thanh toán. Ông tổ chức ra "Hội Ái hữu Việt Nam" và xuất bản tờ báo "*Thân ái*"...

Nhưng hoạt động của ông dù hết sức cẩn thận vẫn không thể nào giữ bí mật được. Kẻ thù đã đoán biết người đó là Nguyễn Ái Quốc. Chúng cho mật thám đi lùng, nhưng Bác được nhân dân hết lòng che chở.

Một hôm có một người cán bộ bị mật thám đuổi chạy vào một nhà Việt kiều. Người lớn đi vắng, trong nhà chỉ có một em bé chín tuổi. Đồng chí ấy vừa vào thì bọn mật thám ập tới. Em bé liền lấy cái nón cũ đội lên đầu người cán bộ và đưa một sợi dây thừng buộc trâu cho đồng chí đó. Và rất thản nhiên, em bé trách: "Đã trưa rồi mà chú không đi tìm trâu, mẹ cháu mắng chết!". Người cán bộ đội nón, cầm dây thừng, khoác áo tơi, yên lặng ra khỏi nhà, ngay trước mặt bọn mật thám đang sục sạo.

Sau việc này, người ta hỏi em bé:

- Em có biết người cán bộ ấy không?

Em trả lời:

- Không, em không biết, nhưng người ấy giống một chú thỉnh thoảng đến nhà em và dạy em hát.

- Tại sao em lại bảo chú ấy đi tìm trâu?

- Em không biết tại sao. Nhưng em sợ nếu chú ấy ở trong bếp bị mật thám bắt mất.

Câu chuyện nhỏ này chứng tỏ một điều: Bác Hồ đã sống và chiến đấu vì hạnh phúc của nhân dân nên được quần chúng nhân dân hết lòng kính yêu và bảo vệ.

Ông già Thầu Chín

Thời gian ở Xiêm, Bác được gọi là Thầu Chín. Cán bộ của ta ở bên ấy được Bác giáo dục rất nhiều về công tác quần chúng. Đây là một câu chuyện nhỏ:

Khoảng nửa cuối năm 1928, Bác vào Sa-côn. Được ít ngày, Bác giao cho Tài Ngôn và Tô (tức Long) xuống Mục-đa-han - một huyện thuộc tỉnh Na-khon - điều tra rồi tuyên truyền tổ chức quần chúng vào hội "Thân ái". Đồng chí Tài Ngôn đi một tháng rồi về. Tối hôm ấy, Bác gọi Tài Ngôn lên báo cáo. Đồng chí nói:

- Tình hình có gì đâu mà báo cáo! Tôi đến nhà kiều bào ở bến đò Mục-đa-han. Chỗ ấy có độ ba mươi gia đình, có một cái đền thờ ông Trần Hưng Đạo nữa. Kiều bào sinh sống bằng đủ mọi nghề: đưa đò ngang, làm hàng xáo, hàng thịt, thợ mộc, thợ nề... Phần đông nghèo khổ, chỉ có hai nhà sống hơi đầy đủ một chút. - Tài Ngôn ngừng một lát, lắc đầu chán nản. - Nói đến cách mạng ở đó thì khó khăn lắm. Ngoài chợ, phụ nữ đã nổi tiếng là chửi nhau giỏi, ngày nào cũng tranh giành mua bán, đánh nhau. Đàn ông đi làm về, chiều chiều người nào cũng rượu say túy lúy. Buông bát buồng đũa xuống là mò đi tập hợp nhau đánh bạc, sát phạt nhau. Rượu chán, bạc chán, còn lên đồng ở đền thờ Trần Hưng Đạo nữa. Thanh niên cũng thế, cũng cầu cúng, cũng đánh bạc, rồi lại trai gái. Một chỗ như thế làm sao mà tuyên truyền vận động cách mạng được!

Đồng chí Tài Ngôn vừa dứt lời, Bác nói ngay:

- À thế được rồi. Thôi về nghỉ đi, mai hăng hay.

- Tình hình như thế thì được cái gì? - Tài Ngôn hỏi lại Bác.

Bác cười:

- Được lắm chứ, được cái anh nói đó.

Tài Ngôn bày tỏ ý muốn xin công tác khác, Bác bảo: "Sau sẽ bàn". Tài Ngôn ra về, hy vọng được thay đổi công tác. Nhưng ngày hôm sau và ngày hôm sau nữa cũng chẳng thấy Bác nói gì. Sốt ruột, Tài Ngôn tìm đến gặp Bác.

- Thế bây giờ tôi làm công tác gì?

Bác ôn tồn nói:

- Có phải anh bảo cái chỗ ấy nó tồi lắm phải không? Nó đánh bạc, nó uống rượu, nó tranh giành mua bán, nó chửi nhau phải không? Cũng chưa xấu lắm! Nó có thể xấu hơn nữa, có thể có mật thám nữa kia.

Bác nhìn Tài Ngôn rồi chậm rãi nói tiếp:

- Anh đọc sách mà chưa hiểu hết ý nghĩa.

Tài Ngôn lấy làm thắc mắc, không biết mình chưa hiểu chỗ nào. Bác bảo:

- Sách cách mạng bảo đi vận động quần chúng, tuyên truyền giáo dục quần chúng chứ gì? Nhưng nếu quần chúng tốt cả rồi, biết thương yêu đoàn kết với nhau rồi, biết học tập tiến bộ rồi, biết yêu nước rồi, thì ta còn vận động tuyên truyền giáo dục cái gì nữa, thì ta còn phải làm gì nữa? Mà nếu có đến thì đến một lúc thôi chứ. Nếu quần chúng đều tốt cả thì cần gì phải đến!

Im lặng một chút rồi Bác lại nói tiếp:

- Còn một điều này nữa: đồng bào Việt Nam ta đều nghèo khổ mà lại mất nước nữa, có phải không anh?

Nghe Bác nói, Tài Ngôn chỉ ngồi im gật đầu:

- Vâng.

- Nếu bây giờ anh hiểu được như vậy thì anh nên đến chỗ cũ mà hoạt động. Lần trước chưa có kế hoạch cụ thể. Bây giờ phải làm cho được.

Tài Ngôn làm theo lời Bác. Hai tháng sau, nhân dịp Bác công tác qua Mục-đa-han, Bác tìm Tài Ngôn hỏi:

- Bây giờ thế nào, liệu chừng rồi ra sao?

Tài Ngôn cười, khoe với Bác:

- Thưa khá hơn nhiều ạ.

Nhớ quê hương

Năm 1928, Bác từ châu Âu về tới nước Xiêm. Việc làm đầu tiên của Bác là giúp anh em cán bộ củng cố, phát triển tổ chức Việt kiều và uốn nắn lại nội dung tuyên truyền của tờ báo "*Thân ái*". Những nơi có trụ sở của đoàn thể, Bác đều ở ít lâu. Anh em cán bộ, người thì làm ruộng, người thì cửa gỗ, cũng có người buôn bán nhỏ để nuôi nhau và hoạt động. Cùng lao động với anh em, ban ngày thì Bác làm vườn, ban đêm thì thường đi đơm cá đến khuya mới về.

Công việc vất vả bộn bề nhưng bao giờ Bác cũng vui vì được sống giữa đồng bào cùng Tổ quốc.

Bác thường đi thăm các trụ sở để giúp anh em cán bộ giải quyết các vấn đề. Từ nơi này đến nơi kia xa lắm, đi bộ ít nhất cũng một ngày. Có một lần Bác đi được nửa đường thì trời tối. Bác và đồng chí Trần Lam ghé vào một nhà Việt kiều người Bắc, làm thợ mộc. Anh chị thợ mộc đón tiếp Bác rất niềm nở. Cơm nước xong, hai bác cháu đi nghỉ thì cũng vừa lúc chị thợ ru cháu bé ngủ. Giọng chị ngâm Kiều rất hay, hai bác cháu lắng nghe mê mải. Sáng hôm sau, lúc đi đường, với một giọng âu yếm, Bác đọc hai câu thơ:

Xa nhà chốc mấy mươi niên

Đêm qua nghe tiếng mẹ hiền ru con.

Thì ra chỉ một hình ảnh quen thuộc của quê hương cũng làm xao động lòng Bác.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời

Ở Xiêm, Bác được tin trong nước phong trào cách mạng chia rẽ thành ba phái và tổ chức ba đảng cộng sản khác nhau. Mặc dầu bị Pháp khủng bố, "Thanh niên cách mạng đồng chí hội" vẫn phát triển rất nhanh chóng. Nhưng sự chia rẽ đã làm cho những người yêu nước lo lắng, vì chia rẽ thì suy yếu. Do vậy, Bác lại bí mật trở lại Trung Quốc và mời đại biểu ba phái đến Hương Cảng họp. Đến dự hội nghị có Bác, thay mặt cho Quốc tế cộng sản, và các đồng chí Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Đức Cảnh...

Để giữ bí mật, hôm thì mấy anh em giả đánh mặt chược ở khách sạn, hôm thì vờ đến sân vận động xem đá bóng.

Bác nói với lãnh tụ ba nhóm, đại ý như sau: Ở Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp, Trung Quốc, trong tất cả các nước, cả đến những nước thuộc địa như Ấn Độ, Nam Dương⁽¹⁾, v.v... mỗi nước cũng chỉ có một đảng cộng sản thôi. Không những giai cấp vô sản mỗi nước phải thống nhất lại mà giai cấp vô sản các nước còn phải đoàn kết lại. Vì vậy nước Việt Nam không thể có ba đảng cộng sản. Chúng ta phải đoàn kết giai cấp, đoàn kết toàn dân đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Để đạt mục đích ấy, phải thống nhất tổ chức... Chính cương của tổ chức ấy phải là:

- Độc lập dân tộc
- Nhân dân tự do
- Dân chúng hạnh phúc
- Tiến tới chủ nghĩa xã hội

Nhờ uy tín của Bác, ngày 3 tháng 2 năm 1930 (vào dịp Tết âm lịch), ba phái đều đồng ý thống nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam⁽²⁾. Mọi người đều vui mừng phấn khởi. Để chúc mừng Đảng ra đời, Bác đãi anh em một bữa cỗ Tết tuy giản dị mà vẫn vui vẻ, ấm cúng.

Từ đó, giai cấp công nhân Việt Nam có đảng tiên phong của mình và ngay từ đầu, Đảng đã nắm quyền lãnh đạo cách mạng. Tin mừng về việc thành lập một

1. Nay là In-đô-nê-xi-a.

2. Sau đổi tên là Đảng Cộng sản Đông Dương, rồi Đảng Lao động Việt Nam và ngày nay là Đảng Cộng sản Việt Nam.

đảng cộng sản thống nhất làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta vô cùng phấn khởi. Cuộc vận động cách mạng của Đảng ào ạt tiến lên, suốt từ Bắc chí Nam. Sau này, Bác thường nói: Năm 1919, Bác gửi cho hội nghị Véc-xây tám điểm yêu sách của nhân dân Việt Nam, năm 1920 vào Đảng Cộng sản Pháp, năm 1924 dự đại hội lần thứ V của Quốc tế cộng sản và năm 1930 dự hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, đó là những ngày sung sướng nhất trong đời Bác.

Vụ án Tống Văn Sơ ở Hương Cảng

Mười hai năm thực dân Pháp theo dõi Bác. Tám năm chúng lùng Bác. Cả một màng lưới của mật thám quốc tế được tung ra chằng ở khắp nơi, ở Triều Tiên, ở Nam Dương, ở Ấn Độ và ở Việt Nam. Bọn đế quốc bịa đặt rằng Bác là tay sai của Quốc tế thứ ba, của Liên Xô, chuyên đi phá hoại nền thống trị thực dân các nước. Nhà cầm quyền Anh cũng cho Bác là kẻ thù số một, nên cố sức tìm cách vây bắt.

Ngày 6 tháng 6 năm 1931, Bác bị bắt ở số nhà 186 phố Cửu Long, Hương Cảng với cái tên là Tống Văn Sơ. Quân thù mừng như bắt được của. Sau đó cảnh sát Anh bí mật bao vây dãy phố ấy suốt mấy tuần, hòng đặt "bẫy chuột" để bắt những đồng chí qua lại với Bác. Nhưng không kết quả. Gian nhà Bác ở bị lục soát từ nóc đến nền. Chúng đào tường, nạy từng viên gạch, phá bục gỗ để tìm tài liệu và khí giới. Tất cả đồ

dùng, giấy tờ đều được thử bằng chất hóa học, để xem kế hoạch tấn công có ẩn giấu trong những vật ấy không. Chúng đưa Bác về giam trong một xà lim riêng ở khám lớn Hương Cảng, có cảnh sát đặc biệt canh gác.

Nhà giam có ba tầng, mỗi tầng hai dãy xà lim. Xà lim giam Bác chật hẹp, bề dài không đầy hai mét, bề rộng chỉ vừa một người nằm xiên xiên. Cao chót vót trên đầu tường là một cửa sổ nhỏ hình nửa mặt trăng lơ mờ, bị song sắt và lưới sắt bưng kín. Ban ngày, từ cái cửa sổ ấy, ánh sáng lọt vào xà lim một cách rụt rè, bõ ngỡ. Ở xà lim rệp rất nhiều. Vì vậy sẵn rệp là "môn thể thao" duy nhất cho qua thì giờ.

Mỗi ngày người tù được ra ngoài xà lim mười lăm phút, dạo quanh một cái sân hẹp. Bốn phía sân đều là nhà giam cao ngất ngheo với những bức tường kín mít, âm u. Người ta có cảm giác như đang đi dưới đáy một cái giếng, ngẩng đầu lên chỉ thấy một mảng trời hẹp như một chiếc khăn tay...

Mỗi ngày, Bác ăn hai bữa cơm gạo xay mà một phần tư là thóc. Hôm nay, thức ăn buổi sáng là rau xanh, bữa chiều có mắm thối hoặc cá ươn. Hôm sau, thay đổi "khẩu vị", bữa sáng có mắm thối hoặc cá ươn, bữa chiều có rau xanh.

Trong nhà giam, tâm trạng Bác có mấy điều lo lắng: lo những công việc mình đang làm bên ngoài tiếp tục ra sao? Ít nhiều kinh nghiệm Bác đã gom góp được trong bao nhiêu năm, tiếp tục truyền lại cho đồng chí khác như thế nào? Đảng ta ngày một lớn mạnh, nhưng bọn thực dân ra tay khủng bố, nhiều

đồng chí bị bắt, bị hy sinh... Từ nay công tác Đảng sẽ càng gặp nhiều khó khăn...

*

Bác vào tù được vài hôm thì đồng chí Hồ Tùng Mậu bị đưa ra khỏi nhà giam để trục xuất⁽¹⁾. Do đó mà tin Bác bị bắt được loan ra ngoài và nghe nói Quốc tế cứu tế đỏ đã có nhiều sự giúp đỡ trong việc này. Và vụ án đã được luật sư Lô-dơ-bi giúp cãi hộ cho Bác.

Ông Lô-dơ-bi vào nhà giam gặp Bác. Bác nói không có tiền để trả phí tổn.

Ông Lô-dơ-bi đáp:

- Tôi biết ông là một người hoạt động cho cách mạng Việt Nam. Tôi cãi hộ ông là vì danh dự chứ không phải nhất thiết chỉ vì tiền.

Từ đó vợ chồng ông Lô-dơ-bi hết lòng giúp đỡ Bác. Cũng nhờ ông Lô-dơ-bi mà các đồng chí Pháp và Hội Cứu tế đỏ càng biết rõ tình hình của Bác.

Được tin Bác bị bắt, thực dân Pháp ở Việt Nam vui mừng khôn xiết. Một lũ mật thám được phái sang châu chực ở Hương Cảng. Chúng vận động chính phủ, tòa án và cảnh sát Anh trao Bác cho chúng. Tàu thủy Pháp chờ sẵn ở cảng để nếu tòa ký lệnh trục xuất là chúng bắt Bác lên tàu đưa về Việt Nam ngay. Chính phủ Hương Cảng cũng muốn bí mật trao Bác cho thực dân Pháp nhưng luật sư Lô-dơ-bi làm cho việc Bác thành ra công khai và đòi tòa án tối cao phải

1. Phải ra khỏi đất Hương Cảng.

xét xử. Một mặt do bọn thực dân Pháp tuyên truyền Bác là một người ôn-sê-vích cực kỳ nguy hiểm, mặt khác do cảnh sát Hương Cảng vu cáo Bác có âm mưu lật đổ chính quyền người Anh ở xứ này, thành thử dư luận cho rằng đây là một vụ án quan trọng từ trước tới nay chưa từng có ở Hương Cảng!

Từ tháng sáu đến tháng chín, tòa án họp đi họp lại chín phiên. Mỗi phiên họp đều có cảnh sát vũ trang Anh và Ấn gác khắp các cửa ra vào. Có nhiều quan chức cao cấp đến xem tòa xử.

Các quan tòa đều mặc áo thụng đen và mang tóc giả theo lối đời xưa đời xưa. Trên bàn, trước mặt mỗi vị có những chồng sách to tướng về luật lệ. Họ luôn luôn giở sách ra để dẫn chứng những lời họ trình bày. Thật là "nói có sách, mách có chứng!". Tuy vậy, các vị ấy đã bị các luật sư cãi bẻ. Lý lẽ của các ông đó tóm tắt là:

1. Việc bắt giam Bác là trái phép, vì Bác bị bắt giam từ ngày 6 tháng 6 năm 1931, nhưng đến ngày 12 tháng 6, thống đốc Anh mới ký lệnh chính thức cho phép bắt.

2. Người công chức lấy cung đã làm trái phép, vì y đã hỏi Bác những điều ngoài khuôn khổ pháp luật đã quy định được hỏi.

3. Buộc Bác phải đáp tàu Pháp đi về Đông Dương tức là cố ý giao Bác cho Pháp để chúng hãm hại Bác, thế là trái phép.

Hai điểm trên, chính phủ và công tố đã phải nhận sai lầm. Nhưng tòa án và công tố vẫn quyết định trục xuất Bác về Đông Dương.

Ông Lô-dơ-bi chống án lên "Hội đồng nhà vua" và nhờ luật sư Nô-oen-pơ-rít ở Luân Đôn cãi hộ cho Bác.

Đến tháng Giêng năm 1933, gần Tết âm lịch, "Hội đồng nhà vua" xóa án và ra lệnh: Cho phép Bác tự do đi đâu thì đi, miễn là ra khỏi Hương Cảng⁽¹⁾.

Bác bị bắt trở lại Hương Cảng

Thế là thắng lợi bước đầu! Nhưng đi đâu? Đi thế nào cho thoát? Nếu không khéo thì ra khỏi nhà giam sẽ lại bị rơi vào tay thực dân Pháp.

Nhất cử nhất động của Bác đều bị bọn mật thám Pháp và Tưởng theo dõi, mật thám Pháp đã thất bại trong việc vận động trục xuất Bác, vì vậy chúng chỉ đợi Bác ra khỏi Hương Cảng là đưa Bác vào một cạm bẫy khác.

Bác yêu cầu đi Anh, ông Lô-dơ-bi chuyển thư yêu cầu của Bác sang Luân Đôn.

Bác đáp tàu bí mật đi, không đợi chính phủ Anh trả lời.

Đến Tân Gia Ba, Bác lại bị bắt trở lại Hương Cảng. Mật thám Hương Cảng lấy cớ Bác đi vào thuộc địa không có giấy phép và bắt Bác một lần nữa.

1. Hội đó ở Anh còn có ít nhiều "truyền thống tự do". Nhà cầm quyền để những nhà cách mạng các nước sống trên đất Anh, miễn là không làm gì phương hại đến nền thống trị của đế quốc Anh.

Ông Lô-dơ-bi lại bệnh 'vực Bác, cứu Bác ra khỏi nhà tù và với sự giúp đỡ của vợ và bạn ông, ông bí mật tổ chức cho Bác trốn.

Việc đi trốn được tổ chức rất chu đáo. Mật thám Pháp rình mò xung quanh nhà tù, sở cảnh sát trung ương và nhà ông Lô-dơ-bi mà không hay biết gì hết.

Bác trốn đi, đóng vai một nhà buôn to Trung Quốc. Từ Hương Cảng đến nhà một người bạn thân của ông Lô-dơ-bi ở một thành phố khác. Ở đây Bác sống như một người giàu đi nghỉ. Bác đi dạo trong rừng, đi thăm các chùa. Bác làm quen với các nhà văn nghệ. Bác viết bài cho những tờ báo địa phương bằng tiếng Anh và tiếng Trung Quốc, ký tên khác nhau. Bác thường tập thể dục để lấy lại sức.

Sau này khi nhắc đến chuyện cũ ở Hương Cảng, Bác nói với các bạn:

Bác nhớ ơn ông Lô-dơ-bi và gia đình ông. Không có người luật sư tốt bụng này có lẽ Bác đã chết rồi. Không những thế, trong suốt thời gian Bác ở tù, ông Lô-dơ-bi và gia đình ông đã tìm mọi cách giảm nhẹ nỗi đau đớn tinh thần và vật chất của Bác. Sau những phiên tòa kết án, ông Lô-dơ-bi cố hết sức giúp Bác thoát nạn.

Ngày nay kể lại chuyện này, chúng ta có thể nói không những ông Lô-dơ-bi đáng được Bác biết ơn, mà ông còn xứng đáng được nước Việt Nam biết ơn vì đã cứu được một người con ưu tú của nhân dân Việt Nam.

Vai trò của một số nhà báo Anh ở Hương Cảng trong việc này cũng được nhắc lại. Không bị kiểm

duyệt như báo tiếng Trung Quốc, nhiều tờ báo Anh đã đăng lại tường tận những buổi xét xử. Khi Bác được tha bổng, những báo ấy nhiệt liệt hoan hô ông Lô-dơ-bi và nghiêm khắc công kích chính phủ Hương Cảng. Những báo ấy viết: Một người bị cáo như ông Nguyễn may mắn tìm được một luật sư tốt để bênh vực, nhưng còn biết bao nhiêu người vô tội khác bị bắt và bị xử oan. Và các báo ấy kết luận: Phải có xét xử công minh đối với mọi người.

Trái lại, báo chí thực dân Pháp ở Đông Dương có một thái độ ti tiện. Các báo này nói xấu Bác và bịa đặt những lời nói láo hết sức vô sỉ.

Khi Bác đã bí mật rời Hương Cảng, những tờ báo này phao tin là Bác đã chết trong nhà thương. Nhưng báo Anh đập lại. Họ đã dạy cho các báo Pháp ở Đông Dương phải có một tí tự trọng trong nghề làm báo, dù là báo chí thuộc địa.

Những tờ báo Pháp thuộc địa trả lời một cách trơ tráo: "No speak English" (không biết nói tiếng Anh). Bác lại mất tích!

Bác mất tích khá lâu, lâu hơn những lần trước. Trong thời gian bị cầm tù ở Hương Cảng, rất nhiều mật thám và người khác đã biết mật Bác. Vì vậy Bác phải cẩn thận hơn và tuyệt đối giữ bí mật.

Các bạn thân mến, chắc các bạn cũng hồi hộp khi đọc truyện của một người khi xuất hiện khi mất tích, lại xuất hiện, lại mất tích luôn luôn và đột ngột như thế.

Lãnh đạo tổ chức Việt Minh

Năm 1934, nghĩa là một năm sau khi Bác mất tích, phong trào cách mạng bắt đầu nhóm lại. Đại hội Đảng Cộng sản Đông Dương họp lần thứ nhất năm 1935.

Năm 1936, Mặt trận nhân dân thắng lợi ở Pháp. Người ta bắt đầu thi hành một vài quyền tự do ở các thuộc địa. Người ta thả một số tù chính trị. Nhiều tờ báo tiến bộ ở Việt Nam đã xuất bản công khai. Quốc hội Pháp quyết định phái những đoàn đại biểu điều tra đến các thuộc địa. Một luồng gió dân chủ, còn rất yếu ớt, nhưng dù sao cũng là một luồng gió dân chủ, bắt đầu thổi trong nước.

Đảng Cộng sản Đông Dương phát động một phong trào mới, gọi là "Đông Dương đại hội". Khắp nơi những ủy ban hành động, những buổi nói chuyện, những cuộc mít tinh được tổ chức với mục đích thu thập nguyện vọng của nhân dân để chuyển đến những phái đoàn kiểm tra. Những điểm chính trong cương lĩnh của Đại hội là:

- a) Thành lập mặt trận dân chủ
- b) Nâng cao mức sống nhân dân
- c) Nhân dân có quyền tự do dân chủ, bầu cử hội đồng địa phương

Trong ba năm, phong trào Mặt trận dân chủ hoạt động công khai. Những cuộc bãi công và tuần hành

thị uy lớn nổ ra trong các thành phố, đặc biệt là ở Sài Gòn, Hà Nội, Hải Phòng, Vinh, v.v...

Thợ thuyền đấu tranh đòi cải thiện sinh hoạt, ngày làm tám giờ và được tự do tổ chức công đoàn. Họ thu được ít nhiều thắng lợi. Ngày làm tám giờ bắt đầu thi hành ở một vài nơi. Những người lao động tay chân và trí óc tổ chức những "hội tương tế", "hội ái hữu", "hợp tác xã". Hàng triệu nông dân biểu tình đòi giảm sưu cao thuế nặng. Tỉnh trưởng những lãnh tụ của phong trào nhận được những ý kiến, những lời khuyên bảo hoặc những lời phê bình không biết ai gửi đến. Nhiều người đoán rằng chính Bác đã gửi đến nhưng không ai biết chắc chắn. Một người đã hỏi Bác về vấn đề ấy, Bác mỉm cười mà không trả lời.

Phong trào có nhiều kết quả, và đang phát triển.

*

* *

Nhưng Đại chiến thế giới thứ hai bùng nổ. Những quyền dân chủ lại bị bóp nghẹt, phong trào dân chủ bị đàn áp. Báo chí bị đóng cửa. Các tổ chức bị giải tán.

Những tù chính trị cũ trước đã được tha nay lại bị bắt, thực dân còn bắt thêm những tù chính trị mới.

Nhà tù và trại tập trung chật ních. Sự khủng bố lại diễn ra tàn ác hơn.

Ở châu Âu, Pháp thua trận. Hai triệu lính Pháp và một trăm năm mươi tướng Pháp bị quân đội Hít-le cầm tù. Từ Pa-ri đến Tua (Tours), từ Tua đến Boóc-

đô (Bordeaux), chính phủ Pháp chạy trốn. Nội các Ray-nô đơ; Pê-tanh (Pétain) và La-van (Laval) ký hiệp ước đầu hàng Đức.

Hai tên này tổ chức chính phủ bù nhìn ở một thành phố nhỏ là Vi-si (Vichy).

Pháp thua Đức, Nhật nhanh tay nắm lấy cơ hội xâm lược Đông Dương.

Thực dân Pháp ở Đông Dương cũng "anh dũng" đầu hàng quân Nhật như đồng bọn của chúng ở Pháp đầu hàng Hít-le. Sau trận giao chiến nhỏ ở Lạng Sơn, trên biên giới Việt - Hoa, những "người bảo hộ" Việt Nam ngoan ngoãn mở cửa Việt Nam đón kẻ xâm lược mới.

Lập tức một lời kêu gọi vang dội khắp nước Việt Nam:

"Nhân dân Việt Nam hãy đứng về phía đồng minh!

Đánh đuổi Nhật, Pháp, tiêu trừ Việt gian!

Đấu tranh cho độc lập của Tổ quốc!

Người Việt Nam, chúng ta hãy đoàn kết lại!"

Đó là lời kêu gọi của Việt Nam độc lập đồng minh hay Việt Minh tháng 5 năm 1941.

Chương trình của Việt Minh rất đơn giản và rõ ràng. Mọi người Việt Nam đều hiểu chương trình đó, thừa nhận và ủng hộ chương trình đó, vì vậy Việt Minh phát triển rất chóng, mặc dầu bị khủng bố gắt gao.

Phong trào này do Bác đứng đầu.

Nhân dân Việt Nam không đầu hàng Nhật. Họ nổi dậy làm cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn tháng 9 năm 1940.

Thực dân Pháp sau khi quỳ gối ôm chân phát xít Nhật, quay lại bán giết nhân dân Bắc Sơn.

Cuối năm 1940, chiến tranh nổ ra giữa Xiêm và Pháp ở Đông Dương. Bọn thực dân muốn đưa lính Việt Nam ra trận. Lính Việt Nam không muốn đánh lại người Xiêm, chết vô ích cho đế quốc Pháp, họ quay súng lại cùng nhân dân Nam Bộ nổi dậy khởi nghĩa tháng 11 năm 1940.

Sự đàn áp của Pháp hết sức tàn bạo, nhiều làng bị đốt. Hàng vạn người bị chết. Hàng trăm cụ già, đàn bà, trẻ con bị xuyên dây thép qua bàn tay, qua bắp chân, trói lại với nhau và bị quăng xuống bể. Ở nhiều nơi khác, bọn Pháp bắt người lột trần, bắt tự đào huyết rồi chôn sống họ.

Thực dân Pháp hợp tác với phát xít Nhật treo giải lấy đầu những người cách mạng Việt Nam. Quân đội phát xít Pháp, Nhật khủng bố tàn sát nhân dân. Nhưng không thể ngăn cản Việt Minh phát triển đánh du kích chống lại Nhật và Pháp.

Lúc bấy giờ các nước đồng minh đang gặp khó khăn, Đức và Nhật thì làm mưa làm gió. Nhưng Bác đoán trước một cách chắc chắn:

Đồng minh sẽ thắng.

Nhật và Pháp ở Đông Dương chóng chầy sẽ bắn nhau.

Việt Minh sẽ giành được độc lập.

Chiến tranh du kích do Việt Minh lãnh đạo dần dần phát triển với những vũ khí thô sơ, gươm, giáo mác và một số ít khẩu súng cướp được của giặc. Đến lúc cần tranh thủ thêm sự giúp đỡ của Đồng minh.

Đồng minh gần nhất và có quan hệ nhất đến việc chống Nhật ở Việt Nam là Trung Quốc. Vì vậy, phải tìm đến Trung Quốc.

Trong những người cách mạng Việt Nam, Bác là người hiểu biết Trung Quốc và người Trung Quốc hơn hết. Vì vậy mọi người đồng thanh cử Bác đi Trung Quốc. Đi bộ đến Trùng Khánh không phải là một việc dễ dàng. Nhưng Bác nhận lời ra đi.

Để đánh lạc hướng bọn mật thám, Bác lấy tên là Hồ Chí Minh. Và từ đó, người ta gọi Bác là Cụ Hồ.

Lần thứ ba bị bắt ở Trung Quốc

Đi liền mười đêm và năm ngày, Cụ Hồ đến một thị trấn Trung Quốc, chưa kịp nghỉ chân thì chiều hôm đó Cụ bị bắt.

Và gian khổ lại bắt đầu.

Quốc dân đảng giam Cụ vào nhà lao C.H.S. hơn hai tuần, ngày mang gông, đêm cùm chân. Cụ quen huyện trưởng, trước kia đã gặp nhau ở Q.L. Nhưng huyện trưởng từ chối không gặp Cụ. Cụ gửi điện cho những nhà cầm quyền cao cấp, không thấy trả lời.

Một tháng rưỡi sau, người ta giải Cụ Hồ đi... nhưng không cho Cụ biết đi đâu.

Tay bị trói giật cánh khuỷu, cổ mang vòng xích, có sáu người lính mang súng giải đi, Cụ Hồ Chí Minh đi mãi, đi mãi, nhưng vẫn không biết đi đâu. Dầm mưa giải nắng, trèo núi qua truông.

Mỗi buổi sáng, gà gáy đầu, người ta giải Cự Hồ đi. Mỗi buổi chiều, khi chim về tổ, người ta dừng lại trong một địa phương nào đó, giam Cự vào trong xà lim trên một đồng rạ bản, không cởi trói cho Cự ngủ.

Gian khổ như vậy, nhưng Cự vẫn vui vẻ. Cự sung sướng được thấy phong cảnh thay đổi. Cự vừa đi vừa ngâm nga. Thỉnh thoảng Cự Hồ làm thơ. Đến một huyện lỵ nào, người ta giữ Cự một tuần hoặc mười lăm hôm trong nhà tù huyện. Đó là những ngày khổ sở nhất.

Ăn uống thiếu, không khí thiếu, bản thủ, ở lẫn với những người mắc bệnh giang mai, nghiện thuốc phiện. Nhà tù thường chật ních, người đến sau không có chỗ nằm. Ban đêm Cự Hồ thường phải ngồi trên cầu xí ở ngay trong phòng giam. Nhưng Cự vẫn không được yên ổn. Lâu lâu Cự lại phải đứng dậy nhường chỗ cho một người đi ỉa đêm.

Mỗi bữa sáng Cự phải đi đổ thùng và quét nhà giam.

Một hôm, khi ngủ dậy, Cự thấy người nằm bên cạnh dựa vào lưng Cự đã chết cứng. Cự phải cùng với một người tù khác mang xác chết ra ngoài sân. Ở trong nhà tù ai chết mặc ai, chẳng ai để ý.

Cái làm cho Cự khổ nhất là ghẻ và rận. Cự bị ghẻ khắp người, đầy cả cánh tay và bàn tay. Không phải là một thứ mà là hai thứ ghẻ: ghẻ ruồi ngứa và lở, còn rận thì vô số. Không có cách gì trừ diệt được rận. Ở đâu cũng có: trong quần áo, trong chăn chiếu, trong vạt nằm. Rận và rệp tranh nhau hành hạ những người tù. Đêm đến họ còn bị một kẻ thù đáng

sợ nữa là muỗi. Trong tù người ta gọi rệp là chiến xa, rận là xe tăng và muỗi là tàu bay.

Vì vậy mà Cự gầy như que củi. Tóc chóng bạc và rụng nhiều. Mắt nhìn kém. Nhưng Cự khổ nhất là mất thì giờ ngồi không. Trong khi Cự Hồ la lét tằm thân mệt lử từ nhà giam này đến nhà giam khác, có lẽ những việc lớn đang dồn dập trong nước và trên thế giới. Ai khuyên bảo đồng chí? Ai giúp đỡ đẩy mạnh việc tổ chức? Có lẽ các nước Đồng minh đã đổ bộ lên Đông Dương? Có lẽ Pháp - Nhật đã cắn nhau? Có lẽ các đồng chí Đảng Cộng sản Đông Dương và các hội viên Việt Minh đang đau đớn hỏi nhau Cự Hồ đã bị tai nạn gì.

Lòng Cự Hồ rối như tơ vò, vì phải ngồi im vô ích trong khi công việc đang đòi Cự và thời gian đi qua không chờ Người.

Cự Hồ tiếp tục đi, bị trói và bị xích như thế trong hơn tám mươi ngày. Cự đã trải qua gần ba mươi nhà tù xã và huyện. Cuối cùng cự đến Quế Lâm.

Lại bị giam một tháng rưỡi nữa. Một người bạn hỏi Cự: "Đời tù ở Quế Lâm Cự thấy như thế nào?". Cự Hồ cười nói: "Nhắc lại làm gì chuyện cũ".

Từ Quế Lâm, người ta giải Cự đi Liễu Châu, giam vào nhà giam quân sự.

Ở đây Cự được hưởng "chế độ chính trị". Có đủ cơm ăn, mười lăm phút buổi sáng và mười lăm phút buổi chiều để đi ỉa, có người gác. Không bị gông, không bị xích. Thỉnh thoảng Cự có thể đọc một tờ báo hoặc một quyển sách.

Một hôm Cục trưởng Cục Chính trị đến cắt tóc ở trong phòng người gác. Ông này hạ lệnh người gác cho phép Cự đi dạo nửa giờ trong sân nhỏ, cắt tóc cho Cự và cho Cự tắm nước nóng.

Đức Phật tổ đại từ đại bi, tốt biết bao! Mấy hôm sau ghẻ lặn gần một nửa.

Trong nhà tù này, Cự Hồ được biết ở Liễu Châu có tổ chức Việt Nam cách mạng đồng minh hội. Cự được biết nhiều hơn nữa. Cự được biết rằng mình bị cầm tù lâu hơn nữa vì người ta nghĩ Cự sang Trung Quốc để phá tổ chức đó.

Cách mạng đồng minh hội có hai lãnh tụ: Trương Bội Công và Nguyễn Hải Thần, cả hai đều đã ở Trung Quốc bốn mươi năm nay. Trương Bội Công đóng quan năm, làm việc trong quân đội Quốc dân đảng. Trước kia, Trương tránh liên lạc với những người đồng hương và không tham gia một phong trào cách mạng nào. Nguyễn Hải Thần gần bảy mươi tuổi, đã quên hết tiếng Việt Nam. Nguyễn Hải Thần sang Trung Quốc năm 1905 với cụ Phan Bội Châu. Cụ Phan đã rời bỏ Nguyễn Hải Thần từ những ngày đầu. Từ đấy Nguyễn Hải Thần làm nghề xem số tử vi để kiếm ăn và nuôi vợ con. Nhờ nghề này, Nguyễn Hải Thần quen biết nhiều quan lại Trung Quốc. Cũng như Trương Bội Công, Nguyễn Hải Thần không hoạt động gì. Nhưng sau khi cụ Phan mất, Nguyễn Hải Thần tự nhận là người thừa kế của cụ, Trương và Nguyễn tranh nhau làm lãnh tụ.

Còn một "lãnh tụ" thứ ba: Trần Báo, một thanh niên phiêu lưu, lai lịch không rõ ràng.

Trương Bội Công và Trần Báo ăn cánh với nhau. Cho nên họ mạnh hơn Nguyễn Hải Thần.

Tổ chức này trông vào sự giúp đỡ của Quốc dân đảng mà sống.

Bị giam mười bốn tháng thì Cự Hồ được tha, nhưng vẫn bị quản chế.

Ra khỏi tù, Cự Hồ thấy mắt kém đi, chân yếu đi không bước được. Cự tự nhủ: "Một chiến sĩ mà bị bệnh tê thấp thì còn làm gì được?".

Cự Hồ ra sức tập leo núi, tập nhìn vào bóng tối, v.v... quyết tâm chữa cho khỏi bệnh chân và bệnh mắt.

Nhớ về quê hương, Cự đã làm bài thơ:

MỜI RA TÙ, TẬP LEO NÚI

Núi áp ôm mây, mây áp núi

Lòng sông gương sáng, bụi không mờ;

Bôi hôi đạo bước Tây Phong lĩnh

Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa.

Ít tháng sau, Cự yêu cầu trở về nước với một vài hội viên của Cách mạng đồng minh do Cự chọn. Tướng Trương Phát Khuê cho phép. Song những người Việt Nam cách mạng đồng minh hội kịch liệt chống lại.

Cuối cùng, Cự trở về nước sau hai năm vắng mặt. Cự Hồ lại lãnh đạo Việt Minh, bấy giờ đã thành một đoàn thể lớn mạnh có ảnh hưởng khắp cả nước.

Bác Hồ về Pác Bó

Ngày mồng 3 Tết năm Tân Tị, tức ngày 8 tháng 2 năm 1941, Bác về đến Pác Bó thuộc xã Trường Hà, huyện Hà Quảng. Nơi đây núi rừng trùng điệp và địa thế hiểm trở rất có lợi cho hoạt động bí mật của cán bộ Việt Minh, nhiều cơ sở cách mạng ở vùng Pác Bó đã được xây dựng vững chắc. Gia đình cụ Máy Lý là một trong những cơ sở chúng tôi chọn làm nơi để Bác ở và làm việc. Gia đình chỉ có ba người: cụ ông, cụ bà và cô con gái. Nhà không được rộng nhưng thoáng mát, ngay bìa rừng và kín đáo, đi lại rất thuận tiện. Gia đình đón tiếp Bác và chúng tôi rất thân mật.

Sau bữa cơm Tết chiều mồng 3, Bác đã chỉ thị cho chúng tôi phải nghiên cứu từng nơi và làm việc cho thích hợp, kín đáo hơn. Bác nói đại ý: "Ở đây dựa vào dân thì có nhiều thuận lợi nhưng cũng có cái không lợi cả cho yêu cầu hoạt động bí mật của ta mà cũng không tiện cho sinh hoạt của dân, nên phải "sáu sán" thôi...". "Sáu sán" tiếng địa phương có nghĩa là vào núi. Mà đã vào núi thì phải ở hang hoặc dựng lán... Và ngay tối hôm đó, bên bếp lửa nhà sàn, Bác hỏi cụ Máy Lý ở đây có chỗ nào mưa không hắt tới không? Như vậy chúng tôi hiểu ý Bác là phải ở hang. Chúng tôi bàn cách tìm hang. Cụ Máy Lý cho biết, gia đình cụ có một cái hang sâu và rất kín dùng lánh nạn khi có biến (có phỉ về cướp, giết). Sáng hôm sau (ngày mồng 4 Tết), chúng tôi mời Bác đi. Xem hang nhà cụ

Máy Lỳ, Bác ưng ngay. Chúng tôi quyết định tiến hành công tác chuẩn bị vào hang. Anh Phùng Chí Kiên giao cho tôi liên hệ với cơ sở để chuẩn bị các thứ. Anh Cáp, anh Lộc được phân công trở lại hang nghiên cứu thêm lối vào, đường ra và tình hình cụ thể trong hang.

Cụ Máy Lỳ cho chúng tôi mượn năm tấm ván gỗ nghiêng. Ván hơi ngắn nên khi kê để ngủ phải nằm hơi co mới đủ chỗ cho năm người. Chúng tôi chặt cây làm một cái giá trên có liếp nửa để Bác và anh em đặt túi đựng quần áo.

Ngày 5 Tết thì Bác và chúng tôi dọn vào hang. Cùng ở hang với Bác có anh Phùng Chí Kiên, Hoàng Sâm, Thế An, anh Cáp, anh Lộc và tôi. Nhóm công tác của chúng tôi do anh Phùng Chí Kiên phụ trách, còn các anh Quốc Vân, Đức Thanh (tức Đàm Minh Viễn) là đường dây liên lạc đồng thời phụ trách lực lượng vũ trang bảo vệ vòng ngoài.

Ở hang được ít lâu, chúng tôi thấy trong người rất mệt. Sức khỏe của Bác lúc đó cũng không được tốt lắm. Người gầy, nước da xấu, ăn uống kham khổ mà Bác lại làm việc căng thẳng nên chúng tôi rất lo.

Tuy nói là bảo vệ Bác, nhưng thực chất Bác lại là người dạy chúng tôi rất nhiều trong công tác bảo vệ. Bác quan tâm giáo dục chúng tôi chi li từng việc rất bổ ích. Những việc tiếp xúc với dân trước hết phải được nhân dân quý mến, tin tưởng nhưng đồng thời phải có câu chuyện hóa trang hợp lý để đảm bảo giữ bí mật công việc cách mạng đang làm. Và thực tế chúng tôi đã làm tốt lời Bác dạy. Những cơ sở cách

mạng ở vùng Pác Bó ngay cả như anh Đại Lâm cũng chỉ biết có cán bộ Trung ương quan trọng về nhưng không biết có bao nhiêu người, cụ thể là ai và hiện nay ở đâu.

Còn chuyện nhận lương thực do dân giúp đỡ, Bác dạy mỗi lúc phải có giờ giấc, cách làm, cách đi lại khác nhau không để địch nắm được quy luật hoạt động của ta, ngày nhận lương thực chuyển đến phải luôn thay đổi; mang lương thực trên đường phải hóa trang hợp lý và đường đi phải có hướng thay đổi luôn. Gạo và muối do các cơ sở vận động quyên góp không nên tập trung để ở một nhà, phải phân tán mỗi nơi một ít. Đồ dùng cho hậu cần mượn của dân phải mỗi nhà một thứ, thậm chí có thứ phải mượn nhiều nhà... Bác kể cho chúng tôi nghe rất nhiều những mẩu chuyện về đời hoạt động của Bác khi còn ở nước ngoài, nội dung mỗi chuyện tuy xảy ra ở các nước khác nhau nhưng đều nhằm giáo dục chúng tôi ý thức giữ bí mật. Cuối cùng Bác dạy: "Trong điều kiện và hoàn cảnh cách mạng nước ta hiện nay, bí mật phải được coi là nguyên tắc trong mọi hoạt động của Đảng...".

Tuy nói lúc đó Pác Bó là khu vực an toàn hơn các khu vực khác trong vùng, nhưng lại là nơi kẻ địch luôn dòm ngó, tìm kiếm, tổ chức phục kích các ngã đường nghi có cán bộ ta đi qua. Cách nơi Bác ở về phía bản Lũng mười cây số, chúng dựng đồn với hơn một trung đội lính đồng do Pháp chỉ huy tổ chức tuần tra, kiểm soát, bắt bớ hoặc càn quét những bản nghi có cán bộ ta hoạt động. Đồng thời hoạt động của

bọn phi này cũng rất táo tợn nên chúng tôi càng lo lắng, trần trở về nhiệm vụ bảo vệ Bác.

Hằng ngày, sau giờ làm việc buổi chiều, Bác thường đi dạo leo núi, nhưng thực ra là Bác đi nắm tình hình khu vực, phần lớn anh em chúng tôi hoạt động ở vùng này lâu nay quen với lối suối trèo đèo nhưng đôi lúc phải vừa đi, vừa chạy mới theo kịp Bác. Có nhiều việc rất đơn giản nhưng khi Bác hỏi, anh em chúng tôi không trả lời được. Cũng có việc chúng tôi đã làm nhưng khi nghe Bác giảng giải mới biết mình còn đơn giản và khờ dại quá. Ý thức cảnh giác có nghĩ đến nhưng cách giữ bí mật còn tùy tiện, non kém. Bác dạy chúng tôi hoạt động ở vùng núi, dân thưa, khi đi công tác tốt nhất là phải mang theo cơm nắm. Như vậy vừa được việc mà không gây phiền hà cho dân. Kẻ địch lại rất tinh quái, ở đâu mà chúng chẳng cài người vào. Những bang tá, trưởng bản,... và ngay cả những gia đình người dân tộc sống ven đường đi, địch thường dùng vật chất như bạc hoa xòe, muối, vải để mua chuộc làm chỉ điểm. Mình phải sâu sát giáo dục ý thức ủng hộ cách mạng cho đồng bào, nhưng phải chú ý phát hiện tay chân của chúng. Trên đường đi, khi ăn cơm phải tìm nơi suối sạch sẽ, ăn cơm xong lá đùm cơm phải chôn sâu, tiện khi rửa tay khoát cho nước gội hết những hạt cơm vãi xuống suối, cá được ăn mà ta lại xóa được dấu vết, làm cho kẻ địch có mắt cũng như mù. Hoạt động bí mật phải "lai vô ảnh, khứ vô hình". Chúng ta đến địch không biết mà rút đi chúng cũng không hay, thì mới bảo vệ được mình và có nhiều thuận lợi diệt địch.

Tới đây lực lượng cách mạng sẽ phát triển. Kẻ địch lại đang tìm mọi cách tiêu diệt lực lượng cách mạng. Tình hình sẽ càng thẳng và phức tạp hơn nhiều. Chúng ta phải vừa chiến đấu vừa tăng gia sản xuất và làm nhà ngoài rừng để ở... Tăng gia hoặc làm nhà cũng phải biết giữ bí mật. Trồng rau hay gieo bắp cũng phải làm đúng kiểu cách của dân tộc nơi mình ở. Làm lán ở cũng phải giống kiểu lán của đồng bào. Nếu ta làm khác đi là địch và bọn xấu sẽ phát hiện được ngay. Khi làm lán cũng phải biết tính toán sao cho có lợi đôi đường. Mỗi lán chỉ nên làm đủ cho một đến hai người ở là cùng. Nơi làm lán phải xem xét vừa lợi cho việc quan sát phát hiện địch từ xa nhưng đồng thời phải có đường rút khi bị vây. Liếp che xung quanh lán không nên dùng nửa đan vững chắc mà nên lấy cỏ gianh tết nẹp lại thành tấm để thưng. Trường hợp bị địch vây hoặc đến gần mới phát hiện được thì chỉ việc lách nhẹ qua liếp tranh cho dễ dàng. Muốn bảo vệ Đảng, trước hết mỗi đảng viên phải suy nghĩ tự bảo vệ mình. Nghĩ lại những năm trước đây, khi Đảng bị khủng bố, nhiều đồng chí bị bắt bớ tù tội và hy sinh, anh em chúng tôi càng thấm thía lời Bác dạy.

Ở hang đến tuần thứ hai, chúng tôi thấy tình hình sức khỏe của Bác có hiện tượng mệt mỏi hơn. Chúng tôi ai nấy đều lo lắng cho sức khỏe của Bác. Có hôm dọn vệ sinh, anh Hoàng Sâm phát hiện thấy rắn độc chui vào hang, nằm dưới tấm phản ngay chỗ Bác. Hằng ngày Bác vẫn mải miết làm việc, ít khi thấy Bác rảnh rỗi. Mỗi buổi đi dạo, chúng tôi vẫn thấy Bác

nhanh nhẹn, vui vẻ hoạt bát nên cũng yên lòng. Cứ dăm ba ngày cụ Máy Lý lại đem lương thực vào một lần. Bác tiếp cụ rất thân mật và chuyện trò thật vui vẻ. Ngay cả cụ Máy Lý cũng không biết Bác là ai. Một lần trong câu chuyện vui, cụ hỏi tên Bác, Bác cười rồi chậm rãi giải thích: ""Sáu sán" là vào núi, còn có nghĩa là "Thu Sơn". Tên tôi là "Thu Sơn"". Từ đó mỗi lần gặp cụ Máy Lý thường chào Bác bằng câu chào ké Thu Sơn (Già Thu). Chúng tôi và một số anh em khác cũng từ đó dùng cái tên "Già Thu" để giải thích cho các đồng chí khác khi bị hỏi về Bác mà theo nguyên tắc không được nói rõ hơn.

Chúng tôi có ý định làm lán để Bác ở, đảm bảo sức khỏe hơn. Khi báo cáo ý định đó, được Bác đồng ý, chúng tôi rất mừng. Công việc chuẩn bị được khẩn trương tiến hành. Việc tìm một địa điểm để làm lán theo ý Bác dạy cũng rất khó. Một hôm, sau giờ làm việc buổi chiều, Bác đi dạo đến một đoạn suối cách cửa hang không xa. Bác dừng lại quan sát và gợi ý chỗ này nếu làm lán ở thì tiện nhất. Nơi Bác chỉ là một khoảng đất bằng ngay cạnh bờ suối. Con suối nước rất trong và ngay bờ có nhiều tảng đá to và đẹp. Phải đi ngược theo dòng nước chảy mới vào được cửa hang nơi Bác ở. Nhưng đứng ở đây nhìn lên thì lại không thấy được cửa hang. Khi có biển, có thể theo dòng suối rút vào hang hoặc lên triền núi có rừng cây rậm cũng rất tiện.

Thế là chúng tôi bắt tay vào công việc dựng lán ngay. Lán rộng chỉ vừa chiếc chiếu đôi. Cửa lán hướng xuống con đường mòn dưới thung lũng. Chung

quanh cũng dùng cỏ tranh thay liếp nửa như lời Bác dạy, nhưng bên ngoài có treo thêm một số tàu lá cọ trông giống như những cái lán canh nương của đồng bào. Anh Lộc hướng dẫn chúng tôi vào rừng lấy nửa tép (loại nửa chỉ lớn bằng ngón chân cái), vót nhọn làm hàng rào chung quanh. Anh giải thích đây là kinh nghiệm của đồng bào dân tộc thường dùng loại cây này để rào vườn nhà vì con hổ trông thấy rất sợ.

Lán làm xong, chúng tôi mời Bác ra xem. Bác rất ưng và ngay ngày hôm sau, anh Kiên mời Bác xuống lán ở và làm việc. Bác đồng ý và chỉ ban ngày mới xuống lán làm việc, ăn nghỉ còn ban đêm lại vào hang.

Lương thực do đồng bào giúp đỡ thường là gạo ngô (bắp bẹ) xay nhỏ và muối. Có hôm thấy gạo gần hết, Bác bảo chúng tôi nấu cháo ngô (cháo bẹ) ăn thay bữa. Còn rau xanh chủ yếu là măng tịt kiếm trong rừng. Có hôm câu được con cá hoặc hái được ít rau rớn (loại giống cây dương xỉ mọc ven bờ suối) thì bữa ăn được cải thiện và ngon miệng hơn. Một hôm Bác và chúng tôi đang ăn cháo ngô, có người nói đùa đây là bánh đúc, thì Bác ung dung đọc mấy câu thơ:

*Sáng ra bờ suối tối vào hang
Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng
Cuộc đời cách mạng thật là sang...*

Thơ Bác làm hiện thực với cuộc sống quá, chúng tôi mỗi người đọc lại một câu và giải nghĩa luôn. Đến lượt anh Hoàng Sâm đọc câu "Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng" thì tất cả ai cũng cười vang.

Thật vậy, tôi chen vào: "Đúng hòn đá chông chênh thật, nhưng vững lắm đấy. Thế mà có hôm anh Kiên thấy Bác ngồi làm việc lại sợ Bác ngã".

Chúng tôi vui vẻ tranh nhau và đọc đi đọc lại những câu thơ của Bác. Bác nhìn chúng tôi cười hiền hậu và với giọng ấm áp, Bác nói:

- Thôi các chú ăn tiếp đi kéo cháo bẹ nguội mất!...

Từ xuân Tân Tị năm ấy, đến xuân Mậu Thìn năm nay, thấm thoát đã ngót gần nửa thế kỷ trôi qua. Thế mà có dịp gặp lại, thấy như mới hôm qua. Bác đã đi xa, nhưng biết bao kỷ niệm sâu sắc trong cuộc đời người chiến sĩ bảo vệ Bác mãi mãi là những bài học truyền thống vẻ vang không bao giờ phai.

(Lê Quảng Ba⁽¹⁾ kể, Cao Bá Sán ghi trong Những chuyện vui và cảm động về Hồ Chủ tịch. NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2000)

Khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

Quốc dân Đại hội họp ngày 16- 8 - 1945 tại Tân Trào có đại biểu khắp nơi về dự. Nhiều người đã đi bộ hàng tháng để về dự Đại hội.

Những vấn đề chính trong chương trình nghị sự là:

- Sửa soạn khởi nghĩa giành chính quyền.

1. Sau là cấp tướng trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Hợp tác với Đồng minh khi Đồng minh đổ bộ.

Cuộc thảo luận bắt đầu. Nhưng ngay chiều hôm thứ nhất, một tin tức quan trọng đã đảo lộn cả kế hoạch của Đại hội: Nhật đầu hàng Đồng minh.

Hôm sau, Đại hội chỉ thảo luận vấn đề: khởi nghĩa giành chính quyền.

Kế hoạch khởi nghĩa đã được chuẩn bị từ lâu, chỉ có việc đưa ra cho các đại biểu địa phương xét lại và bổ khuyết. Một ủy ban hành động được cử để viết bản tuyên ngôn tổng khởi nghĩa. Và cử người chịu trách nhiệm lãnh đạo từng địa phương.

Một Ủy ban trung ương có thể làm nhiệm vụ chính phủ lâm thời được cử ra. Cụ Hồ Chí Minh được toàn thể hội nghị cử làm Chủ tịch.

Công việc xong vào khoảng bảy giờ tối.

Liên đây, Ủy ban trung ương mới thành lập họp phiên họp đầu tiên.

Đến nửa đêm các đại biểu hăng hái ra về mang theo kế hoạch và mệnh lệnh khởi nghĩa.

Ngày 16 tháng 8 năm 1945, những đội du kích Việt Minh xuất phát. Trước khi xuất phát, họ cử hành lễ chào cờ và nghe Chủ tịch Ủy ban quân sự Võ Nguyên Giáp đọc bản tuyên ngôn.

Cụ Hồ vì sốt không thể đến dự buổi lễ xuất phát.

Hàng ngũ xuất phát vừa đi vừa hát, dân chúng nhiệt liệt hoan hô. Người chỉ huy trẻ tuổi các đội du kích là Quang Trung hiên ngang đi dưới lá cờ đỏ sao vàng.

Từ thành phố đến thôn quê, đâu đâu cũng nổi dậy hưởng ứng khởi nghĩa.

Khắp nơi xuất hiện cờ đỏ sao vàng và những biểu ngữ của Việt Minh.

"Đả đảo phát xít Nhật!"

"Việt Nam độc lập muôn năm!"

"Toàn dân vũ trang đứng lên!"

Khắp nơi, những đội du kích mọc ra. Họ sửa soạn khí giới công khai: súng kíp, cung tên, đại đao, mác, giáo... Phụ nữ cũng không kém hăng hái. Người ta tuyển thêm những đội viên mới.

Du kích bắt đầu tấn công những đồn Nhật.

Nhật bị tan rã.

Chính phủ Trần Trọng Kim càng tan rã hơn nữa.

Khởi nghĩa lan khắp từ Bắc đến Nam.

Ngày 19 tháng 8 năm 1945, khởi nghĩa thắng lợi. Từ đó về sau, ngày lịch sử này gọi là Cách mạng Tháng Tám.

Chính quyền về tay nhân dân.

Nhân dân say sưa vì sung sướng. Cờ đỏ sao vàng phấp phới từ nhà lâu đến nhà tranh, từ thành thị đến thôn quê.

Bảo Đại xin thoái vị. Trong lời tuyên cáo thoái vị, Bảo Đại nói:

"Tôi muốn làm công dân một nước tự do hơn là làm vua một nước nô lệ".

Nhân dân mong đợi Cụ Hồ Chí Minh.

Mặc dầu đang ốm, Cụ Hồ quyết định về với nhân dân thủ đô.

Dọc đường đến Thái Nguyên, cách Hà Nội sáu mươi cây số, Việt Minh còn phải đánh nhau với Nhật. Ở Thái Nguyên đánh nhau kịch liệt trong hai ngày.

Chính đồng chí Võ Nguyên Giáp phụ trách giải phóng thành phố này.

Sau khi Thái Nguyên đã giải phóng, Cụ Hồ mới tiếp tục lên đường về Hà Nội.

Thế mà thực dân Pháp bịa đặt rằng: "Ông Hồ Chí Minh được Nhật giúp đỡ và là một tay sai của Nhật!".

Đến trung châu, Cụ Hồ rất đau đớn thấy nạn lụt tàn phá! Nước phủ mênh mông. Đường sá bị ngập. Sân vườn bị hỏng. Những cánh đồng lúa rộng biến thành bể nước. Nạn lụt nghĩa là nạn đói. Và nạn lụt xảy ra sau khi bọn thực dân Pháp - Nhật cướp thóc năm 1944 - 1945 gây nạn đói dữ dội mùa xuân năm ấy, nạn đói đã làm chết hơn hai triệu người Việt Nam ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.

Và câu nói đầu tiên của Cụ Hồ là làm thế nào để cứu nhân dân ra khỏi khốn cùng và nạn đói.

Cụ Hồ vào Hà Nội.

Chính phủ lâm thời họp, Cụ Hồ đề nghị thi hành chính sách đoàn kết rộng rãi, thành lập chính phủ thống nhất toàn quốc, bao gồm những đại biểu các đảng phái yêu nước và những nhân sĩ không đảng phái có danh vọng.

Đề nghị của Cụ Hồ được mọi người tán thành. Nhiều ủy viên Việt Minh trong Chính phủ lâm thời tự động yêu cầu rút lui để nhường chỗ cho những người không phải là Việt Minh.

Chính phủ đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Gần một nửa bộ trưởng không phải Việt Minh như các ông Nguyễn Mạnh Hà công giáo, Nguyễn Văn Tố học giả, Vũ Trọng Khánh luật sư, v.v...

Mọi người đồng thanh cử Cự Hồ Chí Minh làm Chủ tịch nước Cộng hòa. Cự Hồ phụ trách thảo bản Tuyên ngôn độc lập của Việt Nam.

Bác viết Tuyên ngôn độc lập

Hỡi đồng bào cả nước,

"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".

Lời bất hủ ấy ở trong bản Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói:

"Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi".

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.

Thế mà hơn tám mươi năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.

Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.

Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm những cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều.

Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu.

Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.

Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng.

Chúng không cho các nhà tư sản ta góc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.

Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó dân ta càng khổ cực, nghèo

nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.

Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc là đầu hàng. Thế là chẳng những chúng không "bảo hộ" được ta, trái lại, trong năm năm, chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật.

Trước ngày 9 tháng 3, biết bao lần Việt Minh đã kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật. Bọn thực dân Pháp đã không đáp ứng, lại thẳng tay khủng bố Việt Minh hơn nữa. Thậm chí đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng.

Tuy vậy, đối với người Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thùỵ, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ.

Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.

Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần một trăm năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập.

Dân ta lại đánh đổ chế độ Quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa.

Bởi thế cho nên, chúng tôi, Lâm thời Chính phủ của nước Việt Nam mới, đại biểu cho toàn dân Việt Nam, tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.

Toàn dân Việt Nam, trên dưới một lòng kiên quyết chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp.

Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các Hội nghị Tê-hê-răng và Cựu Kim Sơn, quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam.

Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn tám mươi năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!

Vì những lý lẽ trên, chúng tôi, Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng:

Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.⁽¹⁾

1. Văn bản Tuyên ngôn độc lập này còn được đối chiếu với bản in trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 4, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.

*

* *

Sau khi đã đọc bản thảo cho những người cộng tác thân cận nghe và hỏi ý kiến họ (đây là một thói quen của Cụ Hồ: hỏi ý kiến để người khác phê bình công việc mình làm), Cụ Hồ không giấu nổi sự sung sướng. Cụ Hồ nói trong đời Cụ, Cụ đã viết nhiều, nhưng đến bây giờ mới viết được một bản Tuyên ngôn như vậy.

Thật vậy, bản Tuyên ngôn độc lập là kết quả của những bản yêu cầu gửi cho hội nghị Véc-xây mà Cụ Hồ đã viết năm 1919 và chương trình Việt Minh Cụ Hồ đã viết năm 1941. Hơn nữa, bản Tuyên ngôn độc lập là kết quả của những bản tuyên ngôn khác của các tiền bối như các cụ Thủ Khoa Huân, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu và của nhiều người khác, của bao nhiêu sách báo truyền đơn bí mật viết bằng máu và nước mắt của những nhà yêu nước từ hơn tám mươi năm nay.

Bản Tuyên ngôn độc lập là hoa là quả của bao nhiêu máu đã đổ và bao nhiêu tính mạng đã hy sinh của những người con anh dũng của Việt Nam trong nhà tù, trong trại tập trung, trên những hải đảo xa xôi, trên máy chém, trên chiến trường...

Bản Tuyên ngôn độc lập là kết quả của bao nhiêu hy vọng, gắng sức và tin tưởng của hơn hai mươi triệu nhân dân Việt Nam.

Bản Tuyên ngôn độc lập là một trang vẻ vang trong lịch sử Việt Nam. Nó chấm dứt chính thể quân chủ chuyên chế và chế độ thực dân áp bức. Nó mở ra một kỷ nguyên mới: dân chủ cộng hòa.

Ngày 2 - 9 - 1945 lịch sử

Ngày Chính phủ Hồ Chí Minh ra mắt nhân dân.

Hồ Chủ tịch sửa soạn đi dự lễ. Cụ Hồ chợt thấy mình chưa chuẩn bị quần áo.

Về việc quần áo có hai chuyện đáng kể:

1. Vừa mới ở rừng về đến Hà Nội, một võ quan ngoại quốc đến chào Hồ Chủ tịch, võ quan này bận quần ka ki và áo bằng vải dù. Võ quan thú thật là không có quần áo nào khác. Lập tức Chủ tịch cởi áo khoác ngoài và biểu người võ quan ấy. Thấy người này cảm động và băn khoăn không muốn nhận chiếc áo, Chủ tịch cười nói: "Chúng ta quen biết nhau, không nên khách khí. Anh nhận đi. Tôi còn có một cái áo nữa" và người võ quan ra đi với bộ quần áo đầy đủ, còn Chủ tịch thì suốt ngày mặc áo sơ mi.

2. Vài năm trước Đại chiến thế giới lần thứ hai, thuyền trưởng một chiếc tàu ngoại quốc đến chào thị trưởng một hải cảng Mỹ. Thị trưởng bận quần áo ngủ để tiếp khách. Sau cuộc gặp gỡ này, xảy ra những sự rắc rối về ngoại giao giữa hai nước.

Những câu chuyện này tuy là bình thường, nhưng tỏ rõ tình cảm khác nhau giữa các hạng người.

Trong rừng, Hồ Chủ tịch cũng như các chiến sĩ du kích, ai cũng quen bận quần đùi và ở trần. Về Hà Nội, Hồ Chủ tịch cũng giữ nguyên bộ quần áo khi ở trong rừng.

Người ta đến các hàng tìm kiếm. Cuối cùng người ta tìm thấy một bộ quần áo ka ki và đôi dép cao su cho Hồ Chủ tịch. Ăn mặc như thế, Chủ tịch ra mắt đồng bào.

Một vị Chủ tịch đã trăm lần thay đổi tên, làm mười hai nghề khác nhau, bị tù nhiều lần, một lần bị kết án tử hình, một lần có tin là chết - nhân dân chờ đợi được thấy, không những là vị Chủ tịch đầu tiên của nước Cộng hòa mới, mà còn là một vị Chủ tịch khác thường.

Một nhà báo kể lại cảm tưởng của mình sau buổi mít tinh:

"Ngày 19 tháng 8 là ngày cướp chính quyền trong toàn quốc.

Ngày mồng 2 tháng 9 là ngày báo tin cho thế giới biết rằng chính quyền của ta đã ổn định.

Đối với nhân dân Việt Nam, ngày 2 tháng 9 là một ngày vừa long trọng, vừa vẻ vang, vừa sung sướng.

Hà Nội được ưu đãi hơn hết. Đối với Hà Nội, ngày 2 tháng 9 không những là một ngày vẻ vang của Độc lập mà còn là một ngày đáng yêu vì ngày hôm đó lần đầu tiên Thủ đô Hà Nội được "mắt thấy" người con yêu quý nhất của dân tộc Việt Nam.

Nhân dân Hà Nội, các thành phố và các làng lân cận làm thành một dòng người vô tận chảy vào vườn hoa Ba Đình, tràn ngập đường phố xung quanh.

Người ta tính độ non một triệu người. Chưa bao giờ trong lịch sử Việt Nam người ta thấy một cuộc mít tinh vĩ đại như thế!

Quốc kỳ mới, Quốc ca mới, Quân đội mới, Nhân dân mới, Chính phủ mới, Chế độ mới. Hơn hai mươi triệu trái tim cùng đập một nhịp. Dưới ánh nắng tươi sáng mùa thu, trong một khung trời trong xanh, cờ đỏ sao vàng hiên ngang phấp phới và thổi vào lòng người một luồng gió xuân.

Nhưng cảm động hơn cả, là khi nhân dân thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh đến, người mà nhân dân hằng mến yêu, khâm phục và kính trọng, và lần đầu tiên nhân dân mới được thấy. Trong tình cảm chung của nhân dân, hôm ấy người ta đến, một phần để dự lễ và một phần để được trông thấy Hồ Chủ tịch.

Một khung cảnh vĩ đại, một diễn đài cao và trang nghiêm, quân đội anh dũng, hàng rào danh dự chững tề, một rừng cờ, một đoàn xe dài... Một cảnh tượng xứng đáng khánh thành chính quyền dân chủ của nhân dân. Và nhân dân tự nhủ: Tất cả cái đó là của chúng ta!

Trong buổi lễ trang nghiêm này, người người chờ đợi một vị Chủ tịch, một lãnh tụ. Người ta nghĩ rằng: Người mà chúng ta chờ nhất định không phải như một hoàng đế ngày xưa mặc áo hoàng bào, thắt đai khảm ngọc, nhưng nhất định là một vị lãnh tụ nước nhà ăn mặc chững tề, một người đi đứng đường hoàng, ăn nói trang trọng, nói tóm lại là một nhân vật rất nhiều điều đặc biệt.

Với sự tưởng tượng như thế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân sớm biết là mình bị lừa. Trông thấy Chủ tịch đến, nhân dân nhận thấy Hồ Chủ tịch giản dị, thân mật, như một người cha hiền về với đám con.

Từ xa tôi thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chủ tịch đội mũ vải đã ngả màu vàng vì mưa gió, đi một đôi dép cao su, mặc một bộ quần áo ka ki.

Khi Chủ tịch bắt đầu đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, giọng sang sảng của Chủ tịch còn nhắc lại rừng núi xa xăm, chiến tranh du kích. Đọc xong một đoạn và giữa những tiếng vỗ tay, tiếng hoan hô nhiệt liệt, Chủ tịch nói:

"Tôi nói đồng bào nghe rõ không?"

Câu hỏi giản đơn này làm tiêu tan tất cả những cái gì còn xa cách giữa Chủ tịch và nhân dân, làm thành một mối tình thắm thiết kết chặt lãnh tụ và quần chúng.

Với câu hỏi lạ lùng này, không một ai ngờ Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trừ bỏ tất cả lễ tiết, tất cả hình thức, Chủ tịch trở thành "Cha Hồ" của dân tộc Việt Nam.

"Tôi nói đồng bào nghe rõ không?", tất cả quần chúng cảm thấy sâu sắc lòng thương yêu của một người Cha, của Chủ tịch Hồ Chí Minh với quần chúng, với nhân dân. Tất cả mọi người thấy Chủ tịch là một người như mình, gần mình, của mình, thân thiết với mình, một người thương yêu nhân dân với một lòng vô hạn.

Trả lời câu hỏi của Chủ tịch, một triệu tiếng đáp đồng thanh hô lớn: "Có", vang dội như một tiếng sấm. Và đây là kỷ niệm thân mật nhất, sâu sắc nhất đời

với tôi cũng như đối với những người khác, trong ngày lịch sử ấy, ngày Độc lập...".

Những quyết sách cần kíp

Ngày 3 tháng 9, Hội đồng Chính phủ lần đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã họp dưới quyền chủ tọa của Hồ Chủ tịch.

Hoàn toàn không có nghi thức, cũng không có diễn văn khai mạc.

Hồ Chủ tịch giản đơn nói với các vị bộ trưởng:

"Thưa các cụ và các chú (Chủ tịch có thói quen gọi những người cộng tác trẻ tuổi, bộ trưởng hoặc thường dân bằng tiếng chú).

"Sau tám mươi năm bị áp bức, bị bóc lột, và dưới chính sách ngu dân của thực dân Pháp, các bạn và tôi, chúng ta đều chưa quen với kỹ thuật hành chính.

Nhưng điều đó không làm cho chúng ta lo ngại. Chúng ta vừa làm vừa học, vừa học vừa làm. Chắc rằng chúng ta sẽ phạm khuyết điểm, nhưng chúng ta sẽ sửa chữa, chúng ta có can đảm sửa chữa khuyết điểm.

Với lòng yêu nước và yêu nhân dân sâu sắc, tôi chắc chúng ta sẽ thành công.

Hiện nay những vấn đề gì là vấn đề cấp bách hơn cả. Theo ý tôi, có sáu vấn đề.

Một là, nhân dân đang đói. - Ngoài những kho chứa thóc mà Pháp, Nhật vơ vét của nhân dân, bọn Nhật, Pháp còn bắt đồng bào chúng ta giảm bớt diện

tích cấy lúa để trồng thầu dầu, đay và những thứ cây khác cần thiết cho cuộc chiến tranh của chúng. Hơn nữa, chúng ta còn tìm thấy hai kế hoạch của bọn cầm quyền Pháp với mục đích gây nạn đói, để ngăn trở phong trào yêu nước và bắt buộc đồng bào chúng ta phải làm việc như nô lệ.

Hơn hai triệu đồng bào chúng ta đã chết đói vì chính sách độc ác này. Vừa rồi nạn lụt đã phá hoại tám tỉnh sản xuất lúa gạo. Điều đó càng làm cho tình hình trầm trọng hơn. Những người thoát chết đói nay cũng bị đói. Chúng ta phải làm thế nào cho họ sống.

Tôi đề nghị với Chính phủ là phát động một chiến dịch tăng gia sản xuất.

Trong khi chờ đợi ngô, khoai và những thứ lương thực phụ khác, phải ba bốn tháng mới có, tôi đề nghị mở một cuộc lạc quyên. Mười ngày một lần, tất cả đồng bào chúng ta nhịn ăn một bữa. Gạo tiết kiệm được sẽ góp lại và phát cho người nghèo.

Vấn đề thứ hai, nạn dốt là một trong những phương pháp độc ác mà bọn thực dân dùng để cai trị chúng ta. Hơn chín mươi phần trăm đồng bào chúng ta mù chữ.

Nhưng, chỉ cần ba tháng là đủ để học đọc, học viết tiếng nước ta theo vần quốc ngữ. Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu. Vì vậy tôi đề nghị mở một chiến dịch để chống nạn mù chữ.

Vấn đề thứ ba - Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do

dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc **TỔNG TUYỂN CỬ** với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống, v.v...

Vấn đề thứ tư. - Chế độ thực dân đã đầu độc dân ta với rượu và thuốc phiện. Nó đã dùng mọi thủ đoạn hòng hủ hóa dân tộc chúng ta bằng những thói xấu, lười biếng, gian xảo, tham ô và những thói xấu khác. Chúng ta có nhiệm vụ cấp bách là phải giáo dục lại nhân dân chúng ta. Chúng ta phải làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập.

Tôi đề nghị mở một chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân bằng cách thực hiện: **CẦN, KIÊM, LIÊM, CHÍNH.**

Vấn đề thứ năm. - Thuế thân, thuế chợ, thuế đò, là một lối bóc lột vô nhân đạo. Tôi đề nghị bỏ ngay ba thứ thuế ấy. Cuối cùng tôi đề nghị tuyệt đối cấm hút thuốc phiện.

Vấn đề thứ sáu. - Thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào Giáo và đồng bào Lương để dễ thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: **TÍN NGƯỠNG TỰ DO và Lương - Giáo đoàn kết**".

Sau cuộc thảo luận, các bộ trưởng đều tán thành lời đề nghị của Hồ Chủ tịch.

Các ban phụ trách được tổ chức để thực hiện các kế hoạch và chương trình. Công việc bắt đầu trong sự phấn khởi chung của Chính phủ và nhân dân.

Cuộc vận động quyên góp gạo khai mạc ở Nhà hát lớn Hà Nội. Hồ Chủ tịch tha thiết kêu gọi toàn thể đồng bào lạc quyên. Chủ tịch đem phần gạo của mình quyên trước tiên.

Nhiều đội lạc quyên được tổ chức. Những cụ phụ lão xung phong kéo xe, thanh niên nam nữ đẩy xe trang hoàng với những biểu ngữ và cờ xí. Đội này đi quanh thành phố. Đội kia đi trong các làng. Khắp nơi, đâu đâu cũng quyên gạo như thế, mười ngày một lần, được hàng vạn tấn gạo cho đồng bào thiếu thốn. Chiến dịch chống đói chấm dứt khi lúa đã chín và khoai đã to củ.

Với những biểu ngữ:

"Không một tấc đất bỏ hoang"

"Tấc đất là tấc vàng"

tất cả nhân dân nỗ lực tăng gia sản xuất. Hồ Chủ tịch, các bộ trưởng, nhân viên Chính phủ mỗi người trồng trọt một đám đất trong những giờ rảnh. Phụ lão, sinh viên, học sinh, phụ nữ, thợ thuyền, tất cả mọi người cào, cuốc, cày, bừa, gieo giống. Người thành thị tổ chức những đội công tác để giúp đỡ đồng bào nông dân.

Và nông dân càng cố gắng sức gấp bội. Họ tự nhủ: "Bây giờ chúng ta làm việc cho chúng ta, chứ không phải làm cho bọn Nhật, bọn Pháp".

Nhưng trời muốn thử thách lòng can đảm của nhân dân Việt Nam: Sau nạn lụt đã phá hoại đến

trơ trụi, đến hạn hán ghê gớm. Nhân dân quyết chiến thắng thiên tai. Mỗi ngày buổi sáng và buổi chiều, những đoàn người dài dằng dặc, đàn ông, đàn bà, thanh niên, phụ lão xách gầu, bi đông, nôi, đưa nước từ sông lên ruộng tưới cho lúa. Người ta vừa làm vừa hát vừa cười cho đến khuya. Sức người đã thắng thiên tai. Mặc dầu hạn hán, lúa ngô, khoai sắn mọc rất tốt. Mùa được. Nạn đói tránh khỏi. Nông dân vừa gặt vừa hát bài mới: "Hồ Chí Minh muôn năm".

Về nông nghiệp còn có một vấn đề quan trọng là đê điều.

Dưới chế độ thực dân, mỗi năm người ta tiêu rất nhiều tiền, nhưng phần lớn tiền lọt vào tay bọn quan lại cường hào.

Chính phủ mới của nước Cộng hòa Việt Nam mới không có nhiều tiền. Làm thế nào?

Hồ Chủ tịch đi thăm các đập, có những nhà kỹ thuật đi theo, triệu tập dân chúng các tỉnh và Chủ tịch kêu gọi. Lời đáp lại không phải chờ đợi lâu. Nông dân chia nhau đóng góp, người này góp tiền, người kia góp gạo, người khác góp sức. Và vấn đề đê đê được giải quyết.

Động viên toàn dân đấu tranh với nạn đói

Việc đấu tranh chống nạn mù chữ phát triển với một luồng phấn khởi mới trong nhân dân. Đáp lại lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, chỉ ở thành phố Hà Nội đã

có hơn hai nghìn thanh niên nam nữ xung phong làm giáo viên không lương.

Lớp học mọc khắp nơi như măng mọc sau trận mưa xuân.

Có những làng mỗi tuần nhịn ăn một bữa để mua giấy và dầu cho lớp học.

Có những lớp học sáng, lớp học chiều, lớp học tối cho trẻ em, thanh niên và người đứng tuổi.

Thật là một cuộc thi đua học tập.

Không có đủ bút viết, mặc kệ, người ta viết với mảnh gỗ, viên gạch, mảnh tre. Không đủ giấy, thì đã có cát, tro, đất, lá chuối có thể thay giấy.

Mỗi nhà là một lớp học. Mỗi đình, mỗi chùa có thể là một trường học.

Nhiều nơi, mỗi em bé chẵn trâu, mỗi cô bé cắt cỏ đều có một quyển vở nhỏ. Các em vừa làm vừa học.

Buổi tối, khắp thành thị, thôn quê, chúng ta nghe tiếng đánh vần vui vẻ: bờ - a - ba, cờ - a - ca. Có những trường học rất cảm động. Có người cụt cả hai chân tối nào cũng đi dạy. Có người vừa cầm vừa điếc, sau ba tháng học, đã biết viết. Có một cô bé cụt hai bàn tay cũng quyết tâm học đọc cho kỳ được.

Có những cụ già hơn tám mươi tuổi cũng đi học với các cháu. Những bức thư đầu tiên của họ viết, là luôn luôn tỏ lòng biết ơn Hồ Chủ tịch và nỗi sung sướng của họ được biết đọc biết viết.

Nhờ sự tận tâm của hàng vạn giáo viên tình nguyện, và nhờ tinh thần ham học của nhân dân, việc thanh toán mù chữ đã có kết quả rất lớn. Non

một năm, hơn bốn triệu người Việt Nam (một phần năm dân số) đã biết đọc và biết viết.

Hồ Chủ tịch đã tuyên bố nếu người ta để chúng ta yên ổn, thì việc thanh toán mù chữ sẽ xong trong vài ba năm. Hiện nay đã có nhiều làng mà tất cả dân làng trên tám tuổi đều biết đọc và biết viết. Những làng này được vinh dự tiếp thư khen ngợi của Hồ Chủ tịch. Họ tổ chức những buổi lễ long trọng để nhận thư.

Phong trào đời sống mới tiến chậm nhưng chắc chắn. Siêng năng và tiết kiệm là một đức tính sẵn có của người Việt Nam. Nhưng các thành phố là những nơi tập trung bọn thống trị thực dân phong kiến, người đông, phức tạp thì nhiễm nhiều thói xấu như: lãng phí, xa hoa, tham ô, trụy lạc.

Nhưng nhờ sự tuyên truyền, giáo dục cho nên đã sửa chữa một phần những thói xấu ấy.

Nạn hối lộ đã giảm bớt. Hồ Chủ tịch tuy khoan hồng nhưng đối với tội hối lộ thì Người rất nghiêm khắc.

Tổ chức Tổng tuyển cử

Cải cách xã hội đã khó, cải cách chính trị còn khó hơn.

Muốn có một hiến pháp phải tổ chức Tổng tuyển cử.

Bọn phản động như đảng phái Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam được Quốc dân đảng Trung Quốc giúp đỡ, âm mưu phá hoại Tổng tuyển cử.

Một mặt khác, chiến sự diễn ra kịch liệt ở Nam Bộ; Sài Gòn, Chợ Lớn, Mỹ Tho và những thị trấn lớn khác đều bị quân Anh, Pháp chiếm đóng. Ở đó nhân dân gặp rất nhiều khó khăn trong việc tổ chức Tổng tuyển cử.

Hồ Chủ tịch đã tìm ra một giải pháp: nhường cho Nguyễn Hải Thần và Nguyễn Tường Tam bảy mươi ghế mà chúng sẽ chia nhau hoặc bán cho người nào xuất tiền mua.

Đối với bọn này, nhân dân rất khinh bỉ. Người ta hỏi tại sao lại để cho những hạng người này ở trong Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam? Đây là một sự nhục nhã cho chế độ dân chủ mới, v.v... Hồ Chủ tịch rất hiểu lòng tức tối của nhân dân đối với các "nghị viên" này.

Hồ Chủ tịch giải thích cho nhân dân một cách giản đơn. Chủ tịch nói: "Muốn giống khoai giống lúa, người ta phải dùng phân. Muốn đi đến dân chủ mà tất cả chúng ta đều muốn, đôi khi chúng ta phải làm những việc chúng ta không vui lòng lắm".

Nhân dân nghe lời Hồ Chủ tịch và yên lòng.

Về những cuộc tuyển cử ở Nam Bộ, Hồ Chủ tịch nói với đồng bào Nam Bộ: "Nếu chúng ta không thể tuyển cử công khai thì chúng ta tuyển cử bí mật".

Bản dự án hiến pháp được thảo ra cẩn thận và phát rộng rãi để nhân dân có thể nghiên cứu phê bình và góp ý kiến. Ở trong thành phố và nông thôn tổ chức những cuộc hội họp để giải thích cho nhân dân chọn người ứng cử và tổ chức bầu cử như thế nào.

Trước tuyển cử có người nghi ngờ, họ nói: "Nhân dân còn dốt, chưa biết dùng quyền dân chủ. Bọn đầu cơ sẽ lợi dụng. Cuộc tuyển cử sẽ thất bại".

Có một lòng tin tưởng vô hạn ở nhân dân, Hồ Chủ tịch nói: "Nhân dân rất thông minh. Họ sẽ biết dùng lá phiếu của họ, Tổng tuyển cử sẽ thành công!".

Kết quả đã chứng minh lời Hồ Chủ tịch là đúng.

Nhiều địa phương yêu cầu Hồ Chủ tịch ra ứng cử ở địa phương mình. Nhiều địa phương khác yêu cầu Hồ Chủ tịch có quyền là nghị viên không cần tham gia ứng cử. Hồ Chủ tịch nhận ra ứng cử ở Hà Nội.

Ngày 6 tháng 1 năm 1946 là một ngày mừng đối với nhân dân Việt Nam. Một không khí phấn khởi tràn khắp nơi. Từ sáng, ở những nơi đầu phiếu - trang hoàng cờ hoa, biểu ngữ - đã đông nghịt những nam nữ cử tri vui vẻ đến bỏ phiếu. Trống đánh, cờ bay, thiếu nhi đi từ nhà này sang nhà khác nhắc: "Ông, bà, chú, thím đi bỏ phiếu".

Có nhiều địa phương một trăm phần trăm cử tri đã tham gia bỏ phiếu. Trung bình là tám mươi năm phần trăm cử tri đi bỏ phiếu. Chín mươi phần trăm cử tri ở Hà Nội đã đi bỏ phiếu. Toàn thể bỏ phiếu cho danh sách ứng cử do Hồ Chủ tịch đứng đầu. Và gồm có: một kỹ sư thuộc đảng Dân chủ, một vị học giả, một bác sĩ và một bà, đều không có đảng phái.

Ngày hôm ấy có những cảnh tượng thật cảm động. Một ông cụ tám mươi tư tuổi, nhờ người dắt đến phòng tuyển cử và sau khi bỏ phiếu, vượt bộ râu bạc và nói: "Ngày nay được hưởng quyền dân chủ thì già có nhắm mắt cũng thỏa lòng rồi".

Một ông cụ khác nói rất hiên ngang: "Tuý lão đã bảy mươi tuổi, nhưng là một công dân trẻ vì lần đầu tiên lão đi bỏ phiếu cũng như các chú thanh niên".

Chị em là những người đi bỏ phiếu sớm và háng hái nhất.

Ở Nam Trung Bộ, cuộc tuyển cử tiến hành dưới bom đạn của Pháp. Chiến sĩ du kích một tay cầm súng, một tay cầm lá phiếu.

Ở Sài Gòn, Chợ Lớn và các vùng bị tạm chiếm, cuộc tuyển cử tiến hành bí mật. Ban đêm những thanh niên nam nữ xung phong đi bí mật từ nhà này sang nhà khác, giấu kín thùng phiếu dưới áo. Tám mươi hai phần trăm cử tri ở Sài Gòn và Chợ Lớn đã bỏ phiếu. Nhưng bốn mươi năm thanh niên xung phong đã bị địch bắt và bắn chết. Thật là một cuộc tuyển cử đẫm máu nhưng rất anh dũng.

Trong toàn quốc, ba trăm nghị viên được trúng cử trong đó có mười hai phụ nữ. Trong số các nghị viên có đủ đại biểu các tôn giáo và các tầng lớp nhân dân.

Ngày mồng 2 tháng 3 năm 1946, Quốc hội đầu tiên của Việt Nam họp tại thủ đô Hà Nội. Tới kỳ họp lần thứ hai, toàn thể Quốc hội nhất trí thông qua bản Hiến pháp mới của nước Việt Nam.

Những đặc điểm của Hiến pháp là:

"Tôn trọng các quyền tự do dân chủ như:

- Tự do tín ngưỡng, lập hội, v.v...

- Nam nữ bình đẳng.

- Chung tộc bình đẳng.

- Tất cả mọi người công dân đều bình đẳng trước pháp luật.

Nước Việt Nam tuyên bố là một nước dân chủ cộng hòa, Chính phủ do Quốc hội cử ra và chịu trách nhiệm trước Quốc hội".

Trong phiên họp của Quốc hội, Chính phủ Hồ Chí Minh từ chức. Quốc hội cử Hồ Chủ tịch lập Chính phủ mới.

Thành phần của Chính phủ mới như sau:

Chủ tịch: Hồ Chí Minh.

Phó Chủ tịch: Nguyễn Hải Thần.

Trong mười bộ, phe cánh của Nguyễn Hải Thần chiếm năm, trong đó Nguyễn Tường Tam làm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao. Được ít lâu, Nguyễn Hải Thần tự tiện bỏ chức vụ mà trốn đi.

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ chuyên tâm trong công việc giữ gìn hòa bình và xây dựng lại nước nhà.

Chiến tranh Việt - Pháp bắt đầu

Đúng ba tuần sau khi tuyên bố Việt Nam độc lập, đêm 23 tháng 9 năm 1945 quân Pháp gây ra chiến tranh ở Nam Bộ. Tư lệnh tối cao Đồng minh vạch nước Việt Nam ra hai vùng, phía Nam do quân đội Anh giải giáp quân Nhật, phía Bắc do quân đội Trung Quốc giải giáp quân Nhật.

Khi mới đến, quân đội Anh được nhân dân Nam Bộ đón tiếp niềm nở vì tin vào hiến chương quốc tế Đại Tây Dương và Cựu Kim Sơn, cũng như đồng bào

cả nước, nhân dân Nam Bộ bắt đầu hưởng tự do mới giành lại, và làm việc cho tương lai của đất nước.

Thình lình, chiều 23 tháng 9 năm 1945, Tư lệnh Anh tuyên bố giới nghiêm Sài Gòn, cấm nhân dân đi ra đường.

Đến giữa đêm, với khí giới do quân Anh cung cấp và lợi dụng lệnh giới nghiêm, quân Pháp tấn công thành phố.

Chiến tranh Việt - Pháp bắt đầu.

Đây là một cuộc chiến tranh phản bội do bọn thực dân Pháp gây ra. Một bên liên quân Pháp, Nhật, Anh, một bên chỉ có người Việt Nam.

Quân Nhật võ trang đầy đủ bị điều động đi khắp các nơi trong miền Nam. Rồi thì quân Anh đi theo, lấy cớ là để giải giáp quân Nhật, và quân Pháp tiếp sau quân Anh.

Bố trí như thế, người Việt Nam nếu đánh quân Pháp thì không tránh khỏi bắn vào quân Nhật, quân Anh. Quân Pháp núp sau lưng quân Nhật và quân Anh luôn luôn chiếm được những trận địa đã chuẩn bị sẵn!

Bắt đầu chiến tranh, bọn Pháp nói lâu nhất là ba tuần, tất cả Nam Bộ và Nam Trung Bộ sẽ bị chiếm hết.

Lời huênh hoang của Pháp không thực hiện được, quân Anh thấy bối rối: nhiệm vụ chính thức của họ là giải giáp quân Nhật, nhưng thực tế, họ giúp Pháp đánh Việt Nam.

Khi quân đội của tướng Lơ-cờ-léc (Leclere) đến, bọn Pháp lại nói: Lâu nhất là ba tháng, Việt Nam sẽ bị đánh bại.

Quân Anh giúp cho quân Pháp, bằng cách bán rất nhiều khí giới cho Pháp.

Quân đội Lơ-cờ-léc không đánh bại được nhân dân Nam Bộ. Đô đốc Đác-giăng-li-ơ (Thierry D'Argenlieu) cao ủy Pháp đến Nam Bộ.

Lúc bấy giờ, bọn thực dân Pháp bảo: "Nếu chúng ta không thể chinh phục Việt Nam bằng vũ lực, chúng ta sẽ dùng mưu kế để chinh phục".

Bản Hiệp định 6 - 3

Cuộc đàm phán bắt đầu.

Hồ Chủ tịch và Chính phủ ta không muốn chiến tranh, chỉ muốn Tổ quốc được độc lập và thống nhất, muốn hòa bình để tránh cho nhân dân khỏi khổ và xây dựng lại nước Việt Nam nghèo nàn vì gần một thế kỷ sống dưới sự thống trị của thực dân Pháp. Vì vậy, Chủ tịch ký với đại diện của nước Pháp, ông Xanh-tơ-ni (Sainteny) bản Hiệp định ngày 6 - 3.

Căn cứ theo Hiệp định này, nước Việt Nam thừa nhận ở trong khối Liên hiệp Pháp, thừa nhận những quyền lợi kinh tế và văn hóa của Pháp ở Việt Nam, cho phép mười lăm nghìn lính Pháp đổ bộ ở Bắc Bộ và Trung Bộ để thay thế quân Tưởng giải giáp quân Nhật. Hiệp định ký xong, đôi bên phải lập tức đình chỉ xung đột.

Đây là một lúc khá khó khăn cho Hồ Chủ tịch. Báo chí của Nguyễn Tường Tam và Nguyễn Hải

Thần công kích Chủ tịch kịch liệt, vu cáo Chủ tịch đã để cho Pháp mua chuộc.

Nhân dân không bằng lòng, vì họ căm thù sâu sắc bọn thực dân. Trước mặt đông đảo quần chúng, Hồ Chủ tịch giải thích những nguyên nhân trong nước và ngoài nước bắt buộc phải ký Hiệp định. Cuối cùng Chủ tịch kết thúc bằng những lời cảm động:

"Hồ Chí Minh không và sẽ không bao giờ là một người bán nước".

Nhưng cũng ngày hôm đó, đô đốc Đác-giăng-li-ơ bí mật nói với bọn thực dân Pháp: "Những nhượng bộ mà Pháp đã ký trong Hiệp định, Pháp sẽ dùng phương pháp khác để giành lại". (Những lời này do Bút-biên (Boutbien) nghị viên Pháp cho biết. Và các chiến sĩ ở Nam Bộ đã bắt được lệnh bí mật đó đề ngày 7 tháng 3 năm 1946 của Đác-giăng-li-ơ giao cho Pi-nhông phải tìm cách phá Hiệp định ngày 6 tháng 3).

Quả thật, cao ủy Pháp đã không từ một hành động nào để phá hoại Hiệp định mồng 6 tháng 3. Những hành động khiêu khích không những không đình chỉ mà còn tăng thêm. Và quân đội Pháp đổ bộ ở Trung Bộ và Bắc Bộ luôn luôn kiếm cách gây những sự xung đột chống lại người Việt Nam. Những cuộc xung đột đổ máu đã xảy ra ngay ở Hà Nội.

Về mặt kinh tế, đô đốc Đác-giăng-li-ơ đã dùng thủ đoạn xảo quyệt. Y ra lệnh bỏ giấy bạc năm trăm đồng. Đây là một mảnh khốe thực dân xảo trá đã làm cho hàng chục vạn gia đình Việt Nam và ngoài kiều bị phá sản.

Sau Hiệp định mong 6 tháng 3, một cuộc hội nghị Việt - Pháp họp ở Đà Lạt. Hội nghị không đem lại kết quả gì vì đại biểu Pháp không thành thực.

Rồi cuộc gặp gỡ giữa Hồ Chủ tịch và đô đốc Đác-giăng-li-ơ diễn ra tại vịnh Hạ Long với rất nhiều nghi thức long trọng: hai mươi một phát đại bác chào khi Hồ Chủ tịch đến, hai mươi một phát đại bác chào khi Hồ Chủ tịch đi, hạm đội Pháp duyệt binh, v.v...

Cuộc gặp gỡ này quyết định sẽ có một đoàn đại biểu Quốc hội Việt Nam sang Pháp, và vào cuối tuần tháng 5 năm 1946, một đoàn đại biểu khác của Việt Nam sẽ đến Pari để điều đình những mối quan hệ giữa Việt Nam và Pháp. Đồng thời Hồ Chủ tịch sẽ là thượng khách của chính phủ Pháp.

Bản Tạm ước 14 - 9

Ngày 31 tháng 5 năm 1946, Hồ Chủ tịch cùng phái đoàn Việt Nam lên đường sang Pari.

Phái đoàn này đáng lẽ do Nguyễn Tường Tam, bấy giờ là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, lãnh đạo. Nhưng ngay hôm trước khi đi, "Bộ trưởng" Tam đã bỏ trốn, mang theo tiền quỹ của Bộ. Nhưng phái đoàn vẫn đi do ông Phạm Văn Đồng lãnh đạo.

Một ngày sau khi Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa sang Pháp, đô đốc Đác-giăng-li-ơ, cao ủy Pháp tổ chức chính phủ bù nhìn Nam Kỳ, và tuyên bố "Nam Kỳ tự trị".

Vì chính sách gian dối ấy làm cho nhân dân phần uất, cho nên chiến tranh càng kịch liệt hơn ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Máy bay Pháp bắn cháy nhiều làng mạc và bắn giết nhiều dân chúng. Khủng bố diễn ra khắp trong vùng quân đội Pháp chiếm đóng. Chúng lại giả mồm vu khống nhân dân Việt Nam hành động khủng bố!

Chính phủ Pháp tiếp đón Hồ Chủ tịch với những nghi lễ đối với một lãnh tụ của một nước.

Nhưng hội nghị Việt - Pháp ở Phong-tơ-nơ-bơ-lô (Fontainebleau) đã thất bại vì trong khi đó đô đốc Đác-giăng-li-ơ họp một cuộc hội nghị khác ở Đà Lạt, không mời Việt Nam. Mục đích của cao ủy Pháp rất rõ ràng: phá hoại hội nghị Phong-tơ-nơ-bơ-lô bằng một hội nghị đối lập.

Trong khi hội nghị Phong-tơ-nơ-bơ-lô họp thì cũng họp "Hội nghị hòa bình" giữa các nước đã tham gia Đại chiến lần thứ hai.

Vì muốn hòa bình và muốn ngăn trở những sự khiêu khích của thực dân phản động, Hồ Chủ tịch ký với Chính phủ Pháp Tạm ước 14 tháng 9, hai mươi bốn giờ trước khi Chủ tịch rời nước Pháp.

Sau khi ký bản Tạm ước, báo chí Pháp và quốc tế có đến phỏng vấn, Hồ Chủ tịch trả lời:

"Hai vấn đề chính: thống nhất và độc lập của Việt Nam chưa được giải quyết dứt khoát. Nhưng một bản tạm ước còn hơn không có điều ước gì cả".

Trong thời gian ở Pháp, Hồ Chủ tịch đã đi thăm miền Nam và miền Bắc nước Pháp. Chủ tịch đã đến

thăm nơi đổ bộ của quân Đồng minh ở phía bắc nước Pháp.

Chủ tịch đã gặp nhiều người: nhà chính trị, nhà trí thức, lãnh tụ kinh tế, lãnh tụ thợ thuyền, đại biểu phụ nữ, lãnh tụ thanh niên. Chủ tịch nhận thấy: Nhân dân Pháp yêu chuộng hòa bình và tán thành thống nhất và độc lập của Việt Nam. Điều đó là một sự an ủi lớn cho Chủ tịch.

Phái đoàn Việt Nam về trước một vài ngày.

Chủ tịch về sau trên một chiếc tàu chiến Duy-mông Duyếc-vin (Dumont Durville) của Pháp.

Cách đây trên ba mươi năm, Chủ tịch đi Pháp, làm phụ bếp trên một chiếc tàu buôn. Ngày nay Chủ tịch đi trên một chiếc tàu chiến, là thượng khách của nước Pháp.

Tuy hoàn cảnh khác nhau nhưng Chủ tịch vẫn luôn luôn là người cách mạng trong sạch và hăng hái. Thái độ đối xử thành thật với mọi người và lòng yêu nhân loại vẫn không thay đổi.

Về đến Cam Ranh, đô đốc Đác-giăng-li-ơ đón Hồ Chủ tịch trên một chiếc tàu chiến khác. Cuộc gặp gỡ rất long trọng. Cao ủy Pháp hứa hẹn sẽ thành thật chấp hành bản Tạm ước. Nhưng trong khi đó y bí mật ra lệnh cho hải quân Pháp phong tỏa cửa bể Hải Phòng. Y không phái đại biểu tham gia những cuộc hội nghị đã định trong bản Tạm ước để giải quyết các vấn đề. Y ra lệnh bắn vào quân chúng ở Nha Trang trong cuộc mít tinh mừng ngày thi hành bản Tạm ước. Y sửa soạn kế hoạch tấn công Hải Phòng và Lạng Sơn.

Mặc dầu những hành động đối địch về phía Pháp, Hồ Chủ tịch vẫn cương quyết giữ gìn hòa bình.

Về đến Hải Phòng và Hà Nội, nhân dân đón Chủ tịch một cách vô cùng nhiệt liệt và thân mến. Nhân dân các thành phố và các làng lân cận đến chờ đợi hai ba ngày để đón Hồ Chủ tịch.

Suốt đường Hải Phòng - Hà Nội đen nghịt những người. Trước khi đi Pháp, Hồ Chủ tịch nhận được hàng vạn lá thư khuyên Chủ tịch đừng đi máy bay. Những bức thư này là của các hạng người đủ các tầng lớp, đủ các lứa tuổi.

Bác Hồ kêu gọi toàn quốc kháng chiến

Về đến Hà Nội, Hồ Chủ tịch liên họp Chính phủ và Ban thường trực Quốc hội, đặt những tổ chức để thi hành bản Tạm ước, đồng thời đề phòng những sự phản bội của thực dân Pháp. Một kế hoạch xây dựng kinh tế được đặt ra, Chủ tịch tự mình đặt kế hoạch cho một vùng kiểu mẫu. Tất cả mọi việc đều nhằm mục đích củng cố hòa bình và xây dựng đời sống mới.

Nhưng tình hình thành phố Hải Phòng bị quân đội Pháp tấn công. Đây là ngày 20 tháng 11 năm 1946. Ngày hôm sau, thực dân Pháp lại tấn công Lạng Sơn.

Hồ Chủ tịch và tướng Moóc-li-e (Morliere), Tư lệnh quân đội Pháp ở Bắc Bộ, cử những phái đoàn đến Hải Phòng thi hành mệnh lệnh ngừng bắn. Nhưng quân đội Pháp không ngừng bắn. Hải quân, không quân,

lục quân Pháp đồng thời tàn sát ngót vạn đồng bào ở Hải Phòng.

Đã mấy lần, Chủ tịch gửi những bức điện văn cấp bách cho Chính phủ, Quốc hội và nhân dân Pháp, yêu cầu chấm dứt chiến tranh. Song Chính phủ Pháp không trả lời những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch.

Trái lại Chính phủ Pháp gửi thêm viện binh. Nhiều đội quân nhảy dù và đội quân lê dương đổ bộ ở Hải Phòng, Đà Nẵng và Hà Nội.

Tình hình thêm nghiêm trọng.

Nhân dân Hà Nội phải chuẩn bị những phương án an toàn. Họ đắp chướng ngại vật và đào hầm hào trú ẩn. Nhiều gia đình tản cư.

Hàng ngày máy bay Pháp thị uy trên không phận Hà Nội, thậm chí lượn qua cả dinh Hồ Chủ tịch. Binh lính Pháp tăng thêm khiêu khích.

Ngày 17 tháng 12, lính Pháp dùng vũ lực đòi chiếm trụ sở của Bộ Tài chính.

Tướng Moóc-li-e, Tổng tư lệnh quân đội Pháp ở Bắc Bộ gửi cho Chính phủ ta một bức tối hậu thư đòi giải giáp đội tự vệ, và quân đội Pháp càng khiêu khích già.

Mặc dầu tất cả những việc đó, Hồ Chủ tịch vẫn cố dàn xếp mọi việc một cách hòa bình.

Tối 19 tháng 12, quân đội Pháp bắt đầu liên tiếp tấn công Hà Nội và những thành phố khác.

Sáng ngày 20 tháng 12, tại đại bản doanh ở ngoại ô Hà Nội, Hồ Chủ tịch kêu gọi nhân dân toàn quốc kháng chiến. Thực dân Pháp tin chắc là chúng sẽ thắng. Chúng tưởng rằng chỉ trong vài ngày chúng sẽ

hoàn toàn chiếm được Hà Nội. Nhưng chúng đã lầm to. Hà Nội chiến đấu anh dũng. Sau hai tháng chống cự kịch liệt, quân ta an toàn rút khỏi Hà Nội.

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến:

"... Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa.

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp, cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc, ai cũng phải ra sức chống thực dân cứu nước".

Ngày 25 tháng 12 năm 1946, Hồ Chủ tịch nghe tin ông Mu-tê (Marius Moutet), Bộ trưởng Bộ Hải ngoại Pháp đã đến Đông Dương. Chủ tịch gửi cho ông ta một bức điện chúc mừng lễ Nô-en và mời ông này đến nói chuyện tìm cách cứu vãn hòa bình.

Nhưng cao ủy Pháp Đác-giăng-li-ơ đã tổ chức một màn kịch khủng bố để làm cho ông Mu-tê khiếp sợ. Ông Mu-tê chỉ ở lại có một ngày rồi đi ngay, không đến gặp Hồ Chủ tịch.

Như vậy là hy vọng dàn xếp hòa bình đã tiêu tan. Hồ Chủ tịch cùng với nhân dân Việt Nam quyết định kháng chiến đến cùng.

Chính sách của Hồ Chủ tịch rất giản đơn và rõ ràng: Thống nhất toàn quốc và độc lập thật sự. Hợp tác bình đẳng và thành thật với nhân dân Pháp.

Hồ Chủ tịch nói với nhân dân:

"Kháng chiến, kháng chiến trường kỳ. Kháng chiến nữa, kháng chiến đến cùng. Kháng chiến cho đến khi nước Việt Nam giành được thống nhất và độc lập!".

Và nhân dân Việt Nam, muôn người như một, nghe theo lời Hồ Chủ tịch, vì họ hoàn toàn tin tưởng ở Hồ Chủ tịch, họ hoàn toàn kính yêu Hồ Chủ tịch. Không có gì so sánh được với lòng dân Việt Nam kính mến tin tưởng lãnh tụ Hồ Chí Minh.

*(Theo Trần Dân Tiên trong cuốn
Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch,
NXB Văn học, Hà Nội, 2007)*

Phần II

NHỮNG CHUYỆN KỂ VỀ NHÂN CÁCH BÁC HỒ

Bác thăm dân trước Tết độc lập đầu tiên

Tấm lòng lo nước thương dân của Hồ Chủ tịch thể hiện trong mọi hoạt động hằng ngày của Bác, nhất là trong dịp Tết. Không những Bác đến với dân trong những ngày Tết, mà còn đến sớm hơn, trước cả những ngày Tết, để tìm hiểu đời sống và công việc của nhân dân, kiểm tra quan hệ và trách nhiệm của các cấp lãnh đạo trong việc dân việc nước. Sau đây là một số ghi chép của Nguyễn Văn Khoan về một số hoạt động của Bác trước ngày Tết độc lập đầu tiên của đất nước, có thể cho ta biết thêm về tấm lòng lo nước thương dân của Bác:

Còn hơn chục ngày nữa là đến Tết độc lập đầu tiên của đất nước, của dân tộc... Sáng hôm ấy, sau khi dự lễ khai giảng trường Đại học Tổng hợp ở phố Lê Thánh Tôn, Bác bảo đồng chí lái xe chạy qua cầu Long Biên, rồi rẽ phải theo đường số 5 về hướng Hải

Dương. Trong xe có ông Nguyễn Xiển, chủ tịch Ủy ban hành chính Bắc Bộ, kỹ sư đê điều Đỗ Xuân Dung, bác sĩ Đỗ Xuân Hợp và một nhà báo...

Đến ngã ba phố Nôi, xe rẽ về Hưng Yên, lướt qua những cánh đồng, nơi thì xanh mạ, nơi thì mới cày ải... Vụ đoi đầu năm ngoái trong tập ảnh mà Bác gửi cho thiếu tá Pat-ti xem cuối năm 1944 đầu năm 1945 tại Tỉnh Tây lại trở về trong tâm tư Bác...

Xe dừng lại trụ sở Ủy ban hành chính tỉnh Hưng Yên, tỉnh một thời gian đã nổi tiếng như "thứ nhất kinh kỳ, thứ nhì phố Hiến"... Ông Chủ tịch ủy ban quá bất ngờ, vội vàng mời Bác vào văn phòng. Bác nhận lời rồi vòng ra phía sau thấy có nhiều luống khoai, vườn cải, Giàn đậu.

Chỉ vài chục phút sau, tin Bác Hồ về tỉnh truyền đi rất nhanh trong thị xã. Nhân dân tự động kéo đến trước trụ sở, cờ đỏ tưởng như một rừng hoa. Bác đề nghị mời các đại biểu phụ lão, các đoàn thể phụ nữ, thanh niên, nhi đồng vào nhà khách. Chủ tịch nước ân cần hỏi thăm đời sống của nhân dân, việc học hành của các em nhỏ, việc tăng gia sản xuất thế nào, chống giặc đói ra sao, chuẩn bị ăn Tết đến đâu rồi... Tiếng hô "Hồ Chí Minh muôn năm" vang lên trước trụ sở. Bác đề nghị bà con ra về, vì Người còn phải đi công tác tiếp.

Trưa hôm ấy, dùng xong bữa cơm thanh đạm ở Ủy ban tỉnh, xe Bác lại lên đường. Bác cho xe dừng lại tại công trường đắp đê sông Luộc, cùng kỹ sư Đỗ Xuân Dung đến thăm hàng ngàn bà con nông dân đang đắp con đê quai ngăn nước mặn. Bác đi dọc

theo con đê, hỏi han căn kẽ tốc độ đắp đê, kinh nghiệm lán biển, động viên nhân dân đắp xong con đê để phát triển sản xuất, chống đói... Làm việc với cán bộ chỉ huy công trường xong, Bác lại lên xe thăm đê Hưng Nhân rồi về thị xã Thái Bình.

Cán bộ trong Ủy ban tỉnh và đại biểu tỉnh bộ Việt Minh chiều hôm ấy thấy một xe ô tô tiến vào trụ sở của Ủy ban, nơi xưa kia là nhà công sứ Pháp. Bác mặc bộ quần áo ka ki, đầu đội mũ "cát", chân đi giày vải bắt tay các vị chủ nhà ra đón. Đồng chí Ngô Duy Cảo mời Bác lên phòng khách nhưng Bác lại vào nhà bếp. Nhìn nồi cá kho, Bác hỏi:

- Cá diếc kho khô à?

Đồng chí cấp dưỡng cứ cuống lên không biết nói như thế nào. Chị Đỗ Thị Hạnh, đại biểu Việt Minh tỉnh đỡ lời:

- Thưa Cụ, cá kho để lấy nước chấm rau ạ.

Bác hỏi:

- Chủ tịch tỉnh cũng ăn cá kho thôi à?

Đồng chí cấp dưỡng bấy giờ mới thưa:

- Dạ thưa Cụ, ông Chủ tịch cũng ăn chung cả ạ...

Bác gật đầu nhìn nồi cơm nói:

- Ăn như thế này là hơn dân lắm rồi.

Bác sang nhà anh em cảnh vệ ở. Đồng chí đội trưởng đứng thẳng người, chân diện "ghệt", áo sơ mi, cổ thắt cà vạt lú lười báo cáo chẳng nên lời.

Bác cầm cái cà vạt của tiểu đội trưởng hỏi:

- Cảnh vệ cũng thắt cái này à?

Chủ tịch nước vừa quay đi, tiểu đội trưởng đã tháo cái "thắt cổ" giấu biến.

Lên phòng Ủy ban, Bác giải thích việc Đảng tuyên bố tự giải tán, căn dặn phải đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân, thân hào, thân sĩ, giáo, lương. Bác nói:

- Vì vỡ đê nên mất mùa, không cày cấy được nên dân ta đói. Cần đắp nhanh các quãng đê vỡ. Không được để dân đói, nhất là vào dịp gần Tết. Dân đói, Chính phủ có lỗi.

Đang làm việc, có tin báo đại biểu nhân dân xin được "yết kiến" Chủ tịch. Bác đồng ý mời vào tiếp chuyện. Sau khi hỏi thăm sức khỏe mọi người rồi, Bác nói:

- Phải quyết tâm đắp lại những quãng đê vỡ. Muốn làm được tốt, phải dựa vào dân. Dựa vào dân là có gạo, có tre, cán bộ phải xung phong, phải học hỏi kinh nghiệm của dân, tham khảo ý kiến của cán bộ kỹ thuật.

Đại biểu ra về, Chủ tịch mời Bác dùng cơm chiều vì cũng đã muộn. Bác nói:

- Đi thăm tỉnh bị lụt thì còn ăn uống nổi gì...

Lúc này đông đảo nhân dân được tin Hồ Chủ tịch về, đã kéo nhau đến đến ngàn người vây tay, hô lớn: "Yêu cầu Ủy ban cho dân gặp Cụ Hồ...".

Biết tin này, Bác đồng ý. Vừa bước ra, thanh niên đã ùa đến công kênh Chủ tịch ra trước cổng. Bác đứng trên bàn, vây tay rồi chấp tay, đáp lại lời hô chúc tụng của đồng bào.

Đồng chí Bùi Đăng Chi, cán bộ Ủy ban đưa Bác cái loa sắt tây.

Cầm loa, Bác nói:

- Nhiệm vụ của đồng bào lúc này là chống giặc đói. Mọi người phải trồng thêm ngô, khoai, sắn.

Chống được giặc đói, giặc lụt là thiết thực cùng đồng bào cả nước chống giặc ngoại xâm. Mọi người, già, trẻ, lương, giáo, thành thị, thôn quê phải cùng nhau đoàn kết. Đoàn kết được thì việc gì cũng làm nên.

Trước khi ra về, Bác lấy thuốc lá tặng các đồng chí trong Ủy ban, nhưng không ai hút mà giữ làm kỷ niệm. Người nói:

- Làm sao đắp đê xong trước mùa nước. Đắp đê xong, ra Tết tôi lại sẽ về thăm...

Trời đã về chiều. Xe chạy gần đến Hà Nội. Bác cho dừng. Người tìm một chỗ sạch bên đường, có bãi cỏ ngồi xuống.

Người hỏi bác sĩ Đỗ Xuân Hợp:

- Chú Hợp có mấy cháu?

- Dạ, thưa Bác ba ạ.

Bác móc trong túi ra năm chiếc kẹo:

- Của chú một, ba cháu mỗi cháu một, còn cái thứ 5 là phần của cô.

Tết chưa đến mà bác sĩ Hợp đã cảm thấy mùa xuân về. Xuân của đất - trời, của Tổ quốc. Xuân trong lòng nhân dân, trong lòng vị Chủ tịch nước kính yêu.

Từ cái học đến cái ăn

Cuối năm 1945, tôi được gọi đến phủ Chủ tịch để lái xe riêng cho Bác. Những ngày đầu ở Chính phủ, tôi cũng như tất cả nhân viên khác - đều làm việc cách mạng mà không lĩnh lương. Nhưng tôi lại thấy

bao điều hạnh phúc khác trước kia, lái xe thuê cho chủ, có tiền mà vẫn nhọc...

Trên xe, Bác hay nói chuyện với mọi người ví von, vui vẻ lắm. Hầu như tối nào Bác cũng xuống sinh hoạt, nói chuyện với cán bộ, kể cả "lưu dung"⁽¹⁾ làm việc trong Bắc Bộ phủ. Mỗi khi có địa phương biếu quà, Bác đều chia cho anh em bảo vệ và phục vụ, tính cách như ông bố già trong gia đình, cùng lắm là nhận một phần rất nhỏ về mình. Có lẽ nỗi lo lắng hơn cả đối với anh em phục vụ Bác là trình độ hiểu biết, tiến bộ của họ. Thấy tôi văn hóa thấp, lại ít xem sách báo, những khi ít việc, Bác gọi tôi lên, bảo ngồi bên cạnh phòng Bác làm việc rồi đưa sách báo cho đọc. Thỉnh thoảng Bác lại mở cửa sang kiểm tra.

Một lần, thấy Bác đang tiếp khách ở phòng bên xem chừng còn lâu, đang tuổi ăn, tuổi ngủ, tôi bèn mở tờ báo để trên bàn, dựa lưng vào ghế, định bụng "làm" một giấc, Bác có vào là tỉnh dậy ngay, vờ cầm lấy báo đọc. Ai ngờ tôi thảng một giấc ngon lành, Bác vào cũng không biết, ra cũng không hay. Sau đó, khi lên xe rồi, Bác mới nói với tôi:

- Mới đọc, chưa hiểu dễ buồn ngủ. Đọc hiểu rồi sẽ ham. Ham đọc rồi sẽ không buồn ngủ.

Bác chỉ nhẹ nhàng có thế mà tôi cứ xót xa, thấm thía mãi...

1. Công chức của chính quyền cũ, nay ở lại làm việc cho bộ máy của chính quyền mới.

Trong đợt "Tuần lễ vàng", "Cứu đói", Bác và các anh đều nhìn ăn vào chiều thứ 7 hàng tuần. Riêng các lái xe, Bác không cho nhìn. Bác nói:

- Cái con tì con vị của các chú thanh niên đến bữa phải cho nó ăn, không là nó réo sôi lên đấy. Đói không lái được đâu. Các chú phải ăn để bảo vệ sinh mệnh các cán bộ của đoàn thể trong lúc cán bộ vô cùng quý giá...

(Nguyễn Tiết (tức Tía) - nguyên đội trưởng đội xe Nhà máy Cơ khí Duyên Hải - Hải Phòng, trong Bác Hồ với chiến sĩ, tập 2, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001)

Bác hát bài "Anh hùng xưa"

Một buổi chiều chụp ảnh. Trong ảnh rõ ràng hai thế hệ. Các cụ ngồi ngay ngắn. Đằng sau là các đồng chí bộ trưởng, mỗi người một vẻ.

Chụp xong, Cụ Hồ nắm lấy cánh tay tôi:

- Tối hôm nay, cụ tổ chức lửa trại nhé!
- Máy ông cụ già với máy ông trẻ đây lo nghĩ, lửa trại vui được khó quá.
- Cứ vui đấy!

Bỗng một ý nghĩ qua óc tôi, tôi thưa:

- Cụ cho lệnh tổ chức, tôi xin làm. Nhưng thưa Cụ, ở lửa trại thì người giữ lửa có quyền to lắm, ai cũng phải nghe đấy.

- Nhất định thế.

Bọn chúng tôi vẫn có cái thói cứ hay "chọc" Cụ một cách kính mến, không dám làm Cụ bí, vì Cụ có bí bao giờ đâu, nhưng để xem Cụ đối phó thế nào, rồi cười cùng nhau, lý thú về cách trả lời của Cụ. Cụ cũng hiểu thế và mỉm cười.

Mọi người đã ngồi quanh đống lửa. Tôi châm lửa và tuyên bố:

- Thi hành quyền lực của trùm lửa trại, tôi xin đề nghị Cụ Chủ tịch hát mở đầu cuộc vui.

Mọi người nhìn cả về phía Cụ. Cụ nhẹ nhàng đứng dậy, vừa đi quanh vừa hát bài hướng đạo về Đỉnh Bộ Lĩnh:

*Anh hùng xưa nhớ hồi là hồi niên thiếu,
Dậy binh lấy lau làm cờ,
Quên mình là mình giúp nước...*

Già trẻ ai nấy con mắt long lanh, nhìn âu yếm Cụ Chủ tịch của mình, mà như thế là cuộc lửa trại vui lên.

(Hoàng Đạo Thúy - nguyên Cục trưởng Cục Thông tin liên lạc, trong Bác Hồ với chiến sĩ, tập 2, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001)

Chúc ông rồi lại chúc bà

Cuối năm 1945, chị Thường được cấp trên giao nhiệm vụ nấu cơm phục vụ Bác tại một địa điểm bí mật. Tuy thỉnh thoảng mới qua lại cơ quan này, nhưng Bác rất quan tâm đến cuộc sống và tiến bộ của từng người. Bấy giờ đồng chí Lý là một cán bộ bảo vệ của Bác, biết chị Thường, ban đầu chỉ là quen nhau trong công tác, sau lại "để ý" tới chị. Đất nước mới được độc lập, thù trong giặc ngoài còn đầy rẫy, đồng chí Lý ngại không dám nói ra với bạn bè, chỉ tâm sự riêng với anh Cả⁽¹⁾. Một hôm đồng chí Nguyễn Lương Bằng hỏi chị Thường:

- Cô đã đính hôn với ai chưa?

Chị Thường then đỏ mặt trả lời:

- Chưa ạ!

- Ở đây có người yêu thương cô, Bác đã biết. Bác có ý định tác thành cho hai người, ý cô thế nào?

Chị Thường xin khất sẽ trả lời sau, tuy trong bụng rất vui.

Một tuần lễ trôi qua. Vào một buổi tối, Bác cho gọi chị Thường và đồng chí Lý. Bác hỏi thăm tỉ mỉ quê quán, gia đình chị Thường rồi hỏi về việc riêng tư. Chị Thường ấp a ấp úng thưa:

- Dạ thưa Cụ, con...

- Để Bác làm mối nhé!

1. Đồng chí Nguyễn Lương Bằng.

Đầu tháng 1 năm 1946, Bác, đồng chí Nguyễn Lương Bằng và một số cán bộ khác tới dự đám cưới của hai anh chị Thường - Lý. Một bữa cơm thân mật được dọn ra để chúc mừng hạnh phúc cô dâu, chú rể. Mọi người kính mời Bác làm chủ hôn.

Bác bảo mọi người nâng cốc và đọc hai câu thơ:

"Chúc ông rồi lại chúc bà,

Con cháu đầy nhà cả gái lẫn trai".

Hai anh chị cùng đứng lên cảm ơn Bác, hứa với Bác vui duyên mới không quên nhiệm vụ.

*(Bích Hạnh ghi theo Nguyễn Minh San,
trong Bác Hồ với chiến sĩ, tập 2,
NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001)*

Được Bác làm mối...

Bác không có gia đình riêng, nhưng có một gia đình lớn là đồng bào trong nước. Một gia đình to hơn nữa là nhân dân lao động, các bạn bè quốc tế trong bốn biển, năm châu. Bác lại hay "làm mối" chấp sọt tơ hồng cho nhiều đôi cán bộ, chiến sĩ.

Năm 1950, sau khi gặp đồng chí Lê Giới, Bác cho mời Cục trưởng Cục Vận tải là cấp trên của đồng chí đến. Bác nói:

- Chú Giới, đại đội trưởng xe cần cù, chịu khó, cũng đã lớn tuổi, chú là lãnh đạo, chú phải lo hạnh phúc gia đình cho chú ấy chứ.

Cục trưởng Trần Cư thưa:

- Dạ, cháu cũng có ý định giới thiệu cô Quách Thị Vinh cho đồng chí Giới nhưng còn ngại.

- Ngại gì...

- Thưa Bác, cô Vinh là học sinh, đỗ "đíp-lôm"⁽¹⁾ rồi mà đồng chí Giới thì văn hóa lớp 3.

Bác cười:

- Đó không phải là điều ngại. Nếu cô Vinh thực sự yêu thương chú Giới, chú Giới cũng thực sự yêu thương cô Vinh thì cô Vinh sẽ dạy văn hóa cho chồng, chú Giới sẽ dạy cho vợ về kỹ thuật.

Ít lâu sau, đám cưới của cô Vinh và chú Giới được tổ chức.

Ít lâu sau nữa, đồng chí Lê Giới đã có trình độ kỹ sư...

(Nhiều tác giả, trong Bác Hồ với chiến sĩ, tập 2, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001)

Gặp lại chị và người anh cả

Hôm ấy là đầu năm 1946, từ quê làng Sen, bà Nguyễn Thị Thanh ra Hà Nội đến Bắc Bộ phủ (nơi Bác Hồ ở và làm việc) để gặp em, xem có đúng Chủ tịch Hồ Chí Minh là em mình không? Nghe tin có

1. Danh từ tiếng Pháp chỉ người có trình độ năm thứ tư - trung học dưới thời thuộc Pháp.

người ở quê ra thăm, Bác Hồ cho người đón bà Thanh vào nhà khách riêng. Hai chị em gặp nhau sau hơn ba mươi năm xa cách... Em ôm chị, chị nắm vai em gây rõ cả xương... Em nhìn chị mà bồi hồi xúc động, nước mắt cứ trào ra. Hơn ba mươi năm dằng dẳng, ra đi lúc tuổi còn trẻ, đầu còn xanh, nay trở về râu tóc đã bạc trắng... bà Thanh cũng đầy nước mắt.

Vì bận việc nước, Bác Hồ chỉ dành rất ít thời gian để tiếp chị... Lúc hai chị em chia tay, Bác Hồ còn cố níu bà Thanh lại không muốn rời xa.

Bà Thanh trở về quê, ít lâu sau người anh cả của Bác là ông Nguyễn Tất Đạt cũng ra Hà Nội gặp Bác. Ông Nguyễn Tất Đạt đến cổng Bắc Bộ phủ nhờ anh bộ đội đứng gác chuyển vào Bác Hồ mảnh giấy con ghi mấy chữ: "Đạt thăm Thành". Bác Hồ xem ngay và nói với người lính bảo vệ:

- Ông anh mình đấy, nhờ chú ra đón.

Cuộc hàn huyên (gặp nhau, trò chuyện) của hai anh em bao ngày xa cách thật cảm động nhưng hai anh em lại phải chia tay.

Ngày 9 - 11 - 1950, tại chiến khu Việt Bắc, Bác Hồ nhận được tin ông Nguyễn Tất Đạt từ trần. Nhận được tin ấy, vì chiến tranh, vì đường sá xa xôi cách trở, Bác Hồ không về chịu tang được, Bác đành đánh điện ngay về quê:

"Nghe tin anh cả mất, lòng tôi rất buồn rầu. Vì việc nước nặng nhiều, đường sá xa cách, lúc anh đau yếu, tôi không thể trông nom; lúc anh tạ thế tôi

không thể lo liệu. Than ôi! Tôi xin chịu tội bất đễ⁽¹⁾ trước linh hồn anh và xin bà con nguyên lượng cho một người con đã hy sinh tình nhà vì phải lo việc nước".

(Theo đồng chí Vũ Kỳ)

Nghĩ về mẹ

Hôm ấy, chiếc ô tô chở Bác đang bon bon trên đường. Khi ô tô đi ngang một cổng trường học thì cũng vừa lúc tan học, học sinh ríu rít đổ ra các nẻo đường trở về nhà. Nhìn đoàn học sinh, số cháu gái rất đông với những bộ quần áo đủ màu sắc, nét mặt hân hoan, hồn nhiên, Bác Hồ bỗng nói với những người cùng ngồi trên xe, giọng trầm hẳn, xúc động: "Các cháu gái ngày nay được học hành sung sướng thật. Các chú có biết không, mẹ của Bác là con một thầy giáo ở nông thôn, thế mà có được đến trường đi học đâu!".

Nói xong, Bác Hồ lặng im suy nghĩ. Bác Hồ đang nghĩ về người mẹ đã qua đời lúc Bác mới mười một tuổi.

(Theo đồng chí Vũ Kỳ)

1. Bất đễ: không trọn tình anh em.

Xưa và nay

Ngày 19 - 5- 1946, lần đầu tiên nhân dân ta tổ chức kỷ niệm ngày sinh của Bác Hồ.

Hôm ấy, các đoàn thể và nhân dân ta tập nập đến chúc thọ Người. Có đoàn do một nhà văn ở Ban Vận động đời sống mới dẫn đầu.

Nhân lúc trò chuyện, nhà văn thưa với Bác: "Nhân hôm nay đến chúc thọ cụ Chủ tịch, xin Cụ cho Ban chúng tôi một khẩu hiệu để Ban chúng tôi hoạt động".

Bác vui vẻ nói: "Khẩu hiệu à? Khẩu hiệu là: Cần, kiệm, liêm, chính; chí công vô tư".

Nhà văn thành thực thưa lại với Bác:

- Thưa cụ Chủ tịch, nghe nó cổ cổ thế nào ấy ạ.

Bác cười:

- Ở hay, cổ ả? Cơm các cụ ăn, bây giờ chúng ta ăn cũng thấy ngon, thế thì nó cổ ở chỗ nào. Cái hay của tổ tiên ta thì ta học.

Bữa ăn của vị Chủ tịch nước

Còi Nhà hát lớn báo hiệu mười một giờ. Một chiếc xe hòm từ từ đi vào Bắc Bộ phủ. Máy đồng chí Vệ quốc đoàn gác bên trong xì xào:

- Xe đến đón Bác về nghỉ!

Nhưng không! Cửa xe mở, một đồng chí bảo vệ xách một chiếc cặp lồng nhỏ nhanh nhẹn bước xuống. Tiểu đội phó Hồng Quân thở dài:

- Bác lại bận việc, hôm nay lại ăn cơm trưa ở đây, không về nghỉ.

Trên phòng khách, bọn sĩ quan cao cấp của Tưởng Giới Thạch đang vẫn í ố, chưa về. Đồng chí bảo vệ xách cặp lồng rẽ xuống một căn phòng nhỏ ngồi đợi. Một chiến sĩ trẻ đến bên hỏi, vẻ băn khoăn:

- Này đồng chí, Bác ăn có được khỏe không?

- Một bữa Bác chỉ ăn ba lưng bát.

- Thế thì các đồng chí phải tăng nhiều thức ăn bổ cho Bác mới được! - Người chiến sĩ trẻ sốt sắng nói, y như một người có thẩm quyền ra lệnh vậy.

Mình không ăn thì đồng bào ăn

Cứ mỗi lần cơ quan đến một địa điểm mới, Bác lại nhắc nhở các chiến sĩ cảnh vệ cuốc đất trồng rau, trồng chuối, v.v...

Lần này, có lệnh chuyển cơ quan sau Tết Nguyên đán. Nhận lệnh, cán bộ, chiến sĩ ngăn người! Vườn rau su hào, bắp cải chưa thu hoạch được là bao. Su su mới ra quả... Tiếc đến đứt ruột! Một số chiến sĩ bàn nhau cứ thu hoạch vớt vát, mang đi được phần nào hay phần ấy! Một số còn sang vườn Bác định lấy cả ớt và rau thơm nữa!

Không ngờ, tới vườn Bác thấy Người đang trồng bầu, trồng bí. Các chiến sĩ ngạc nhiên hỏi Bác:

- Thưa Bác, cơ quan không chuyển nữa ạ?

- Sao lại không chuyển? - Bác hỏi lại.

- Vì chúng cháu thấy Bác đang trồng bầu, trồng bí nên chúng cháu tưởng là không chuyển nữa ạ!

Bác cười và bảo:

- Sao các chú nghĩ lạ vậy? Ta cứ trồng, mình không ăn thì đồng bào ăn. Đường này các chú cũng còn đi lại. Lúc đó sẽ có sẵn rau mà ăn.

Nghe Bác dạy, các chiến sĩ hiểu ra, vội chạy về vườn của đơn vị nhắc nhau ngừng ngay tay thu nhặt, vun bón lại các khóm rau, gốc ớt và trồng thêm bầu, bí.

Bác không đồng ý

Ngày 28-4-1946, sau khi dự lễ khánh thành đê Hưng Nhân, Thái Bình xong, khi về, Bác bảo không đi xe theo đường cũ, tức là đường Nam Định - Phủ Lý - Hà Nội, mà đi qua đất Hưng Yên - Phố Nối - Hà Nội. Đoàn đi có ba xe. Tôi lái xe cho Bác đi đầu, cụ Huỳnh Thúc Kháng và các đồng chí cùng đi ngồi ở hai xe sau. Không hiểu ai đã tiết lộ đường về của Bác mà nhân dân ở các làng xã hai bên đường tổ chức mít tinh đón Bác với nghi lễ như đón vua vi hành qua địa phương mình. Làng nào cũng tổ chức rước kiệu bát cống (kiệu không có mui do mười sáu người khiêng bằng tám chiếc đòn) ở trên để ảnh Bác, có hoa, quả. Dàn nhạc bát âm, có cầm cờ, lọng, tán... Bác rất không hài lòng về việc làm rùm beng tốn thì giờ, tiền

bạc của nhân dân. Nhưng trước sự nhiệt tình ấy, Bác vẫn vui vẻ đáp lại. Bác bảo tôi hạ cửa kính xe và cho xe chạy chậm chậm. Người tươi cười vẫy tay qua cửa xe bên nọ, lại bên kia. Hình thức của nhân dân xưa cũ vậy, nhưng nhiệt tình và cử chỉ của họ thì hoàn toàn khác. Từ các cụ đến trẻ con, không có trật tự nào, xô cả ra lòng đường chỉ mong sờ được vào tay Bác, lực lượng tự vệ không ngăn nổi. Có lúc xe không đi được. Không hiểu do sáng kiến của ai, hai đồng chí tự vệ từ lúc nào đã nhảy lên ngồi hai bên tai xe, chĩa súng ra hai bên. Họ đề nghị Bác cho bắn chỉ thiên để dẹp đường. Bác không đồng ý. Cứ nhích dần, nhích dần giữa dòng người như vậy, chật vật lắm xe Bác mới về đến Hà Nội.

(Nguyễn Tiết, trong Bác Hồ với chiến sĩ, tập 2, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001)

"Đừng viết ra văn mật mã"

Cuối năm 1951, nhà báo Quang Đạm có dịch một số sách từ tiếng Trung Quốc ra tiếng Việt. Bác Hồ có đọc. Những chỗ nào khó hiểu Bác đề nghị dịch lại. Bác nói với nhà báo:

- Chú dịch như thế này là để cho những người như chú xem thôi. Phải dịch để cho quần chúng xem.

Có lần khi tranh luận với một người khác, nhà báo thường hay viết những câu lắt léo. Biết nhà báo

Quang Đạm trước đó công tác ở phòng Mật mã Bộ Tổng tham mưu, Bác nói:

- Chú viết sao cho ra văn báo chí chứ đừng viết ra văn mật mã. Văn báo chí thì mọi người đọc đều hiểu được. Còn văn mật mã thì tất cả mọi người, trừ các chú mật mã, lại phải không hiểu thì mới được...

(Thủy Xuân, trong Bác Hồ với chiến sĩ, tập 2,
NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001)

Chú làm như thế là không được

Vào khoảng năm 1947, bác sĩ Chánh được giao nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe Bác Hồ. Lần đầu tiên đến gặp Bác, bác sĩ thấy Bác đang nằm trên võng ở cửa đình Hồng Thái. Thấy bác sĩ đến, Bác ngồi dậy hỏi:

- Chú đi đâu đấy?

- Thưa Bác, cháu là bác sĩ được phân công sang phục vụ Bác.

- Bác không ốm đâu. Chú xuống văn phòng, chỗ chú Phan Mỹ mà ở và chăm sóc sức khỏe cho các chú ở dưới đó...

Ngày kháng chiến ở với Bác, đồng chí Chánh thấy Bác ít bị ốm đau. Lần Bác bị sốt rét, Bác mời bác sĩ Chánh lên thăm bệnh cho Bác. Khi thấy Bác bị sốt cao, bác sĩ đang tính xem nên dùng thuốc gì thì Bác đã bảo:

- Bác "ra lệnh" cho chú chữa hai hôm là phải hết sốt.

Bác sĩ Chánh lo quá. Bác sốt cao như thế, chữa hai ngày thì khỏi hẳn làm sao được. Sau khi bác sĩ tiêm cho Bác, cơn sốt hạ dần... Bác cười nói:

- Đấy, chú xem, Bác "ra lệnh" chữa hai ngày phải khỏi, thế mà đúng như thế đấy!

Một lần, nghe tin vợ bác sĩ đến công tác ở vùng gần đấy, Bác cử bác sĩ đi công tác nơi vợ bác sĩ đang làm việc, có ý cho hai vợ chồng gặp nhau. Vì thời gian gấp, xong công việc bác sĩ về ngay, không ghé vào thăm vợ. Khi về tới cơ quan, bác sĩ Chánh gặp Bác, chưa kịp báo cáo công việc thì Bác đã hỏi ngay:

- Thím ấy có khỏe không?

Khi biết bác sĩ Chánh không gặp được vợ, Bác tỏ ý không vui. Bác nói:

- Bác cử chú đi công tác là để cho cô chú gặp nhau. Đã tới đó mà không vào thăm và động viên thím ấy, chú làm như thế là không được!

*(Minh Hiền, trong Bác Hồ với chiến sĩ,
tập 2, NXB Quân đội nhân dân,
Hà Nội, 2001)*

Tặng tiêu chuẩn cho chiến sĩ

Năm 1952, khi vùng tự do đã được mở rộng sau nhiều chiến dịch lớn, các đại đoàn chủ lực đã được thành lập. Chính sách thuế nông nghiệp được ban

hành, nhân dân nhiều vùng ra sức đóng góp thuế nông nghiệp để nuôi quân.

Bác đề nghị tăng gấp đôi tiêu chuẩn cho bộ đội (lúc đó chiến sĩ được tiêu chuẩn 1kg gạo/ ngày, kể cả ăn và tiêu vật), cán bộ thì được hơn.

Chủ trương đó được phổ biến tới Tổng cục Hậu cần và Cục Quân lương. Các đồng chí quân lương nhiều lần làm đề án trình Bác, căn cứ vào thực tế thóc có trong kho và tính toán cân đối với Bộ Tài chính, thì tăng gấp đôi cho cán bộ từ trung đội phó trở lên, còn chiến sĩ chỉ thêm hai lạng tức là mỗi ngày được tiêu chuẩn 1,2kg gạo.

Tôi thấy nhiều đêm Bác thao thức về vấn đề này. Có lần đến phiên tôi trực, Bác hỏi: "Sức trai như chú mỗi bữa ăn mấy bát cơm thì no?". Lúc ấy ăn uống thức ăn chẳng có gì, chủ yếu là ăn cơm. Tôi hiểu tâm trạng Bác hỏi là có ý, nên đã thưa thực:

- Thưa Bác, như sức cháu mỗi bữa ăn năm bát mới no.

- Năm bát cơm phải một bơ bò đầy gạo tức là 0,33 kg, ngày ba bữa, riêng ăn đã là 1 kg rồi.

Vào một đêm tháng Chạp năm đó, trời rét như cắt thịt. Tôi thu mình trong chiếc áo dạ chiến lợi phẩm đứng dưới nhà sàn của Bác. Ánh đèn trên nhà sàn vẫn sáng. Khoảng 1 giờ sáng có tiếng lẹp xẹp trên sàn nứa, tôi đoán Bác lại suy tư điều gì, xuống hỏi tôi đây.

Đúng như dự đoán, chỉ hơn một phút sau, Bác đã đứng cạnh tôi, Bác đưa cho tôi một miếng thuốc lá hút cho đỡ rét rồi hỏi:

- Chú ăn cơm chiều lúc mấy giờ?

- Thưa Bác, lúc 5 giờ rưỡi ạ!

- Chú đã đói chưa?

Biết là không thể nói dối Bác được, tôi thú thật:

- Thưa Bác, đói rồi ạ!

Bác vui hẳn lên như tìm ra một vật quý và nói - giọng nói đầy thương yêu:

- Đúng rồi, chú bảo vệ ở hậu phương mà lúc này đói, thì các chiến sĩ công đồn, phục kích quân địch, vào lúc này chắc sẽ đói gấp đôi. Vậy mỗi chú chỉ có 1,2 kg gạo thì đánh giặc sao nổi.

Bác lên sàn rồi quay lại rất nhanh đưa cho tôi một bấp ngô nếp luộc rất to.

- Phần của chú đây, chú ăn đi cho đỡ đói để mà làm nhiệm vụ.

Tôi biết không thể từ chối, nên cầm bấp ngô ăn, trong bụng vẫn băn khoăn không biết đêm nay Bác đã ăn gì chưa?

Khi nhà sàn tắt đèn, tôi liếc nhìn đồng hồ thì đã 2 giờ sáng. Những gì diễn ra tiếp đó thì tôi không được rõ, chỉ biết rằng đầu tháng sau các chiến sĩ bảo vệ chúng tôi cũng được tăng tiêu chuẩn 2 kg gạo/ ngày.

(Hồ Vũ, theo lời kể của đồng chí Ma Văn Trường, trong Bác Hồ với chiến sĩ, tập 2, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001)

"Ít địch nhiều, yếu đánh mạnh"

Vào một đêm mùa thu năm 1948, tại rừng Việt Bắc, Bác rời khỏi lán làm việc ra sân tìm tôi và nói:

- Chú cho tập hợp anh em trong đội tới đây, Bác có ý kiến.

Năm phút sau anh em chúng tôi đã có mặt, chuyện trò rôm rả quây quần quanh Bác. Để cho anh em thoải mái, rồi Bác giơ hai tay:

- Các chú trật tự, ngồi xuống, Bác có ý kiến.

Mọi người ngồi quanh Bác thành một vòng tròn có đường kính khoảng bốn mét. Bác đứng giữa nói:

- Quân ta còn yếu hơn quân địch. Vì nước Pháp có một nền công nghiệp đã gần hai trăm năm, còn nước ta là một nước thuộc địa nửa phong kiến với nền nông nghiệp lạc hậu nên không có máy bay, xe bọc thép, súng lớn như quân địch. Muốn thắng địch ta phải vận dụng cách đánh giặc của ông cha ta "ít địch nhiều, yếu đánh mạnh".

Bác bảo tôi và anh Kháng⁽¹⁾ ngồi vào vòng tròn để làm ví dụ.

- Giả dụ chú Trường và chú Kháng ngồi kia là quân địch, Bác là quân ta, như vậy quân địch đông hơn quân ta gấp đôi. Nếu đánh vào phía trước quân địch thì quân ta bị tiêu diệt, chỉ còn cách đánh phía

1. Đồng chí Hoàng Hữu Kháng.

sườn và phía sau lưng, nhưng chỉ đánh một, làm sao cho quân địch không ứng cứu được cho nhau.

Nói đoạn, Bác dùng một thế võ "tấn công" phía sườn phải của tôi, quật tôi ngã ngửa ra mà anh Kháng ngồi sát bên cạnh cũng không kịp đỡ. Anh em vỗ tay cười khoái trá và tỏ ra hiểu bài.

Đến ví dụ về "yếu đánh mạnh", Bác cho tôi về chỗ, còn lại anh Kháng là một thanh niên to khỏe, lực lưỡng, rồi Bác nói:

- Bác yếu hơn chú Kháng nhiều, hai người vật nhau, nếu cứ cân sức thì Bác thua, nhưng nếu Bác lợi dụng những chỗ sơ hở của chú Kháng thì Bác sẽ vật ngã chú Kháng.

Nói rồi hai tay Bác bá vai anh Kháng. Trong tư thế đó, anh Kháng cũng làm theo. Cũng đẩy tới đẩy lui đến hai ba phút, khi anh Kháng bước chân phải lên chông đỡ, Bác liền kéo mạnh rồi bỏ tay khỏi vai anh Kháng mà cầm chân phải lôi mạnh, anh Kháng ngã ngửa, anh em lại được một trận vỗ tay và cười khoái trá.

(Hồ Vũ ghi lời kể của Ma Văn Trường, trong Bác Hồ với chiến sĩ, tập 2, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001)

Hỏa tốc, thủy tốc

Đội liên lạc đặc biệt Trung ương cử một chiến sĩ liên lạc chạy công văn "hỏa tốc" đưa đến tận tay Bác.

Bác đọc xong công văn, mỉm cười rồi bảo đồng chí liên lạc:

- Chú xuống trạm nghỉ, sáng mai Bác trả lời.

- Thưa Bác, đại đội trưởng dặn là cháu phải đi cùng với Bác về ngay ạ.

- Được, cháu cứ đi nghỉ.

Sáng mai, cơm nước xong, Bác cho gọi đồng chí liên lạc:

- Cháu mang thư này về cho đại đội. Bác cảm ơn đại đội đã mời Bác ăn liên hoan "mộc tồn"⁽¹⁾. Cháu cứ đi bình thường, không phải "hỏa tốc" đâu.

Về đến đơn vị, đại đội trưởng thấy trên bì thư Bác ghi chữ "Thủy tốc".

Anh em nhìn nhau, biết là Bác dặn những công văn mời liên hoan không nên chạy "hỏa tốc".

(Sơn Cúc, trong Bác Hồ với chiến sĩ, tập 1, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001)

1. "Mộc" âm Hán Việt là cây, "tồn" là còn, cây còn nói lái là con cây, chỉ món thịt cây, thịt chó.

Đón vua hay đón Bác

Hồi còn bé, tôi được thấy một lần nhân dân huyện Thiệu Hóa tổ chức đón Bảo Đại đến khánh thành trường tiểu học của huyện.

Không biết thợ ở đâu về, họ dựng cổng chào bằng gỗ, bằng mây, bằng cành dừa, đan, cài hoa lá, viết chữ, treo cờ, giăng đèn rất công phu... Các quan sở tại từ các xã xa về, mũ, áo thụng xanh, giày hia súng sính chấp tay chờ đợi. Lính tráng súng ống canh gác nghiêm ngặt. Trông đến lạ mắt...

Lớn lên, theo cách mạng, tôi được chứng kiến một số lần các cơ quan, đơn vị, đoàn thể, hội nghị đón Bác...

Lần Bác đến dự lễ kỷ niệm thành lập quân đội ở nhà khách quốc tế trên đường Phạm Ngũ Lão. Bác từ một chiếc xe không được đẹp lắm bước xuống, anh em chúng tôi quên cả kỷ luật chạy ra vây lấy Bác. Mấy đồng chí bảo vệ xô bật chúng tôi ra. Bác chỉ nói nhẹ nhàng:

- Các cháu để Bác đi. Các chú đừng làm thế.

Lần Bác vào Vinh, sáng sớm hoa trong vườn tươi là thế mà mới chín, mười giờ đã rủ xuống làm cho các vị chủ nhà héo hắt cả ruột gan.

Bác ra vườn, cầm một cây hoa nhỏ lên. Thì ra không phải là cây hoa trồng, mà mới cắm... Bác cũng nhẹ nhàng nói:

- Không nên làm thế...

Năm 1953, Trung ương Hội Phụ nữ mời Bác đến thăm. Chị em hô hào nhau quét nhà trong, vườn ngoài, đầu công sạch sẽ. Các chị căng một khẩu hiệu cắt dán chữ "Hồ Chí Minh muôn năm" nhưng không dán các dấu. Lại làm một cổng chào kết lá, cài hoa rừng... Ai cũng bảo mặc quần áo thật đẹp rồi xếp hai hàng, từ cổng vào nhà như kiểu "hàng rào danh dự", hồi hộp, đợi chờ...

Sương sớm Việt Bắc đã tan, trời đã đẹp. Chờ mãi không thấy khách đến. Chủ tịch hội đã sốt ruột hết đi ra, lại đi vào. Bỗng có tiếng báo:

- Chị Xuyên ơi! Bác ở trong này rồi!...

Thế là hàng rào danh dự tan! Ùa vào trong nhà đã thấy Bác đang thăm vườn rau, giếng nước... Bác bước ra cổng. Bác nói:

- Chào các cô, các cháu. Vào nhà thấy vắng, Bác đoán ngay là tất cả ở ngoài này!

Nhìn lên khẩu hiệu, Bác cười:

- Tiếng Việt ta có dấu, phát âm rất hay, phân biệt rõ ràng. Dán chữ thế này, đọc thế nào cũng được, sai ý của mình đi.

Vào đến hội trường, Bác hỏi:

- Các cô đón ai thế?

Mọi người ngớ ra, không rõ ý Bác là thế nào.

- Thưa Bác, đón Bác đấy ạ!

Bác ôn tồn nói:

- À ra thế. Các cô đón Bác, chứ có phải đón ông vua ông quan nào đâu mà sửa soạn trang trí cầu kỳ như thế!...

Nghĩ thương các chị mất vui, Bác "rê" sang chuyện khác khen:

- Sạch sẽ, gọn gàng thường xuyên hay chỉ được hôm nay thôi đấy?...

Bấy giờ chị em mới dám "bắt chuyện":

- Dạ thưa Bác, thường xuyên ạ.

*(Thảo Hạnh, trong Bác Hồ với chiến sĩ, tập 1,
NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001)*

"Thế thì chúng ta đã gặp nhau rồi"

Chuyện xảy ra vào một buổi tối cuối năm tại một thung lũng thuộc núi rừng Việt Bắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp.

Hôm ấy, khi đồng chí Tường đang ngâm mình dưới nước để đóng chân cầu thì bỗng một cụ già đi ngang qua. Dưới ánh đuốc sáng, biết mọi người đang khẩn trương hoàn thành chiếc cầu phục vụ chiến dịch sắp tới, ông cụ dừng lại chăm chú quan sát và hướng về đồng chí Tường, đang ngâm mình dưới nước lạnh.

Khi Tường lên bờ nghỉ cho đỡ rét, cụ lại gần, nhìn bộ quần áo ướt anh đang mặc, hỏi:

- Đồng chí có quần áo thay chưa?

Tường thật thà đáp chưa. Thấy vậy, cụ liền lấy một chiếc áo trong gói đem theo, đưa cho Tường và nói:

- Đồng chí cầm lấy.

Từ chối không được, Tường ôm chầm lấy cụ và cảm ơn. Ông cụ chống gậy, theo con đường nhỏ khuất trong buổi tối mờ sương.

Sau đó ít lâu, Tường được đi dự Đại hội Chiến sĩ thi đua toàn quốc và được nghe Hồ Chủ tịch nói chuyện...

Trong bản báo cáo thành tích, Tường đã kể lại câu chuyện gặp ông cụ già và được ông cụ tặng chiếc áo trong ngày giá lạnh ấy.

Lần đó, Bác Hồ thưởng huy hiệu cho nhiều đại biểu đến dự Đại hội. Đến lượt gắn huy hiệu cho Tường, Bác mỉm cười hỏi:

- Thế đồng chí không nhớ tên cụ nông dân mà đồng chí vừa kể à?

- Cháu rất tiếc là đã quên không hỏi, nhưng hy vọng sẽ còn ngày cháu gặp lại cụ ấy! - Tường thưa với Bác.

Hồ Chủ tịch mỉm cười, siết chặt tay anh và nói:

- Thế thì chúng ta đã gặp nhau rồi.

*(Đức Bảo, trong Bác Hồ với chiến sĩ, tập 1,
NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001)*

Bác Hồ thi đua tặng gia sản xuất với chiến sĩ

Mùa đông năm 1952, lúc đó tôi đang công tác ở Văn phòng Trung ương Đảng. Trụ sở cơ quan đứng chân tại đèo De (núi Hồng). Cơ quan phủ Chủ tịch

cũng ở sát ngay cạnh đó. Sau hội nghị chính quyền lần thứ 5 (tháng 3 - 1952), Chính phủ đã phát động một phong trào tăng gia sản xuất tiết kiệm sâu rộng trong toàn quốc.

Ở Trung ương, cơ quan này thi đua tăng gia với cơ quan khác. Vì hai cơ quan gần nhau, tôi được công đoàn cử ra thi đua với cơ quan bên phủ Chủ tịch. Bên Văn phòng phủ Chủ tịch lại cử Bác là đại diện cá nhân thi đua tăng gia với cơ quan Văn phòng Trung ương.

Buổi lễ phát động thi đua diễn ra thật sôi nổi. Tôi đang sức trẻ nên thay mặt anh em đứng lên thách thức thi đua: Cùng một khoảng đất như nhau 36m², trong một thời gian nhất định, tôi xin trồng rau ăn với sản lượng cao nhất.

Bác cũng đứng lên: Bác xin thách thức thi đua tăng gia với chú Thông với mảnh đất 36m² trong một thời gian bằng nhau, đạt sản lượng rau nhiều hơn chú Thông. Mọi người vỗ tay hoan hô âm lên. Một số đồng chí xì xào: "Một cuộc thi đua không cân sức. Bác đã cao tuổi lại bận nhiều việc, địch sao được với cậu Thông khỏe như voi, trồng rau đã quen, lại có kỹ thuật". Có người nêu: "Giải thưởng thi đua là một con gà trống 2kg". Mọi người lại hoan hô tán thưởng. Một số đồng chí ở Văn phòng Trung ương nói to: "Nhất định chuyên này chúng ta được ăn gà của phủ Chủ tịch". Bác nói vui: "Các chú muốn ăn gà của Chủ tịch thì phải tích cực tăng gia để có nhiều rau xanh cung cấp cho nhà bếp cơ quan".

Tôi về suy nghĩ: Để chắc ăn và có năng suất cao thì trồng cải củ, vì cải củ ở vùng này rất to, rất nặng. Tôi trao đổi với anh em công đoàn, mọi người ủng hộ và cho là sáng kiến.

Sau một tuần tôi đã làm đất và trồng xong 36m² cải củ. Mảnh đất của Bác ngay sát mảnh đất của tôi, Bác và anh em bên phủ Chủ tịch làm rất kỹ, đất nhỏ, mịn và sạch cỏ. Hơn một tuần thì Bác gieo hạt cải mào gà (cải xanh lá xoăn). Anh em Văn phòng phủ Chủ tịch làm chỗ đi tiểu gần nhà rồi cho người mua một nồi hông lớn để hứng nước tiểu. Phía Văn phòng Trung ương tôi cũng huy động anh em làm nhà tiêu để lấy phân bón.

Sau một tuần cải củ và cải xanh mọc đều và đẹp, Bác lấy nước tiểu pha loãng tưới. Còn tôi lấy phân bắc tưới hòa ra tưới.

Sau một tháng hai vạt rau tốt ngang nhau. Nhiều người ủng hộ tôi, cho rằng tôi sẽ thắng vì củ cải lớn rất nhanh.

Một hôm Bác nhổ rau bán cho nhà bếp chỉ được 15kg. Bác để lại những cây to, khỏe, mỗi cây cách nhau chừng hai gang tay. Một số anh em lo lắng vì thấy vườn rau của Bác nhổ đi xơ xác mà chỉ được có 15kg rau cải con. Ba buổi chiều liền, sau giờ làm việc, Bác đều ra vườn dùng chiếc rằm xới đất cho cải và tưới nước giải đều.

Sau hai tháng mười ngày thì củ cải của tôi đã to bằng bắp tay và có cây đã có nụ. Tôi nhổ và cân cho nhà bếp được 60kg. Tôi vui mừng vì thắng lợi. Nhưng cũng lúc đó, cây cải mào gà của Bác đã to bằng cái

nơm, cứ năm ngày một lần Bắc tĩa tàu cân cho nhà bếp khoảng 10kg. Kỳ lạ thay cải mào gà càng tĩa cây càng lớn, tàu càng to và càng trẻ lâu. Sau hai tháng rưỡi cây cải mới có ngồng. Lúc đó Bắc nhổ cả cây cân cho nhà bếp muối dưa. Bắc còn đem biểu cụ già dân tộc gần đó hai cây rất to làm giống. Cụ già sung sướng khoe với mọi người: "Rau cải Cụ Hồ tốt thật". Mở sổ nhà bếp ra cộng:

- Cải con: 15kg.
 - Tàu cải canh: 14 lần x 10kg = 140kg
 - Cây cải làm dưa nén: 20kg.
- Cộng: 175kg.

Vậy tôi thua đã rõ ràng. Công đoàn Văn phòng Trung ương phải nộp con gà trống nuôi được cho công đoàn Văn phòng phủ Chủ tịch. Trong buổi tổng kết mọi người thật vui vẻ. Nhờ có rau tăng gia mà cả mùa đông nhà bếp đủ rau nấu, không phải ra dân mua. Tôi đứng dậy xin thua với Bắc. Bắc nói chuyện với anh em: Khi tăng gia, các cô các chú phải lưu ý bốn điều kiện: giống, cần, phân, nước. Giống nên chọn loại rau trồng một lần ăn nhiều lần, củ cải dễ trồng, năng suất cao nhưng chỉ được ăn một lần thì không bằng cải mào gà trẻ lâu, tĩa ăn được nhiều lần. Cần: người trồng rau phải chăm chỉ, chọn đúng thời vụ trồng loại rau cho hợp khí hậu rau mới tốt. Vun xới phải đúng cách. Cải mào gà khi tốt cứ mười ngày xới một lần làm cho rễ con đứt, chúng ra nhiều nhánh rễ hơn và hút được nhiều phân bón, muối khoáng trong đất. Phân: phải chọn loại phân bón thích hợp. Cải xanh rất hợp với nước tiểu pha loãng.

Thú phân tươi chú Thông bón cũng tốt đấy nhưng mất vệ sinh lắm. Nước: phải tưới đều và tưới đủ độ ẩm, rau mới trở lâu và xanh tốt.

Lần ấy thua Bác, tôi hết chủ quan và rút được bài học mới về tăng gia.

*(Hồ Vũ, trong Bác Hồ với chiến sĩ, tập 1,
NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001)*

Nước nóng nước nguội

Buổi đầu kháng chiến chống Pháp, có một đồng chí cán bộ trung đoàn thường hay quát mắng chiến sĩ. Đồng chí này đã từng là giao thông, bảo vệ Bác đi ra nước ngoài trước Cách mạng tháng Tám.

Được tin nhân dân "dư luận" về đồng chí này, một hôm, Bác cho gọi lên Việt Bắc. Bác dặn trạm đón tiếp khu ATK, dù có đến sớm, cũng giữa trưa mới cho đồng chí ấy vào gặp Bác.

Trời mùa hè, nắng chang chang, đi bộ đúng ngo, đồng chí cán bộ vã cả mồ hôi, người như bốc lửa.

Đến nơi, Bác đã chờ sẵn. Trên bàn có đặt hai cốc nước, một cốc nước sôi ý chừng vừa mới rót, bốc hơi nghi ngút, còn cốc kia là nước lạnh.

Sau khi chào hỏi xong, Bác chỉ vào cốc nước nóng nói:

- Chú uống đi.

Đồng chí cán bộ kêu lên:

- Trời! Nắng thế này mà Bác lại cho nước nóng, làm sao cháu uống được.

Bác mỉm cười:

- À ra thế. Thế chú có thích uống nước nguội, nước mát không?

- Dạ, có ạ.

Bác nghiêm nét mặt, nói:

- Nước nóng, cả chú và tôi đều không uống được. Khi chú nóng, cả chiến sĩ của chú, cả tôi cũng không tiếp thu được. Hòa nhã, điềm đạm cũng như cốc nước nguội dễ uống, dễ tiếp thu hơn.

Hiểu ý Bác giáo dục, đồng chí cán bộ nhận lỗi và hứa sẽ sửa chữa...

*(Hạnh Thảo, trong Bác Hồ với chiến sĩ,
tập 1, NXB Quân đội nhân dân,
Hà Nội, 2001)*

Đời sống của dân quan trọng hơn

Năm 1951, hai nhà quay phim chiến sĩ miền Nam Nguyễn Thế Đoàn, Lê Minh Hiền được tham gia vào đoàn cán bộ miền Nam ra Việt Bắc.

Đoàn đã được Bác Hồ tiếp thân mật và tổ chức đón tiếp long trọng tại Văn phòng Chủ tịch nước. Riêng mấy anh em điện ảnh miền Nam còn được Bác mời đến trong một cuộc liên hoan lửa trại đêm ấm. Anh

em đề nghị Bác cho phép "quay" một số cảnh làm việc, sinh hoạt của Bác. Bác đồng ý. Với chiếc máy quay phim "cổ lỗ sĩ" và số mét phim ít ỏi, Lê Minh Hiền đã ghi được một số hình ảnh rất quý giá - cho đến ngày nay là vô giá - về Bác Hồ.

Đồng chí Hiền và đồng chí Đoàn vẫn còn áy náy là Bác mặc quần áo giản dị quá, sợ mang về miền Nam chiếu lên, đồng bào có thể hoặc là quá xúc động, hoặc là chê trách người quay phim. Đồng chí Đoàn bàn với đồng chí Hiền là đề nghị Bác mặc bộ ka ki đại cán, kiểu Tôn Trung Sơn, bộ độc nhất của Bác để quay "cho đẹp".

Tưởng Bác đồng ý, nào ngờ Bác nói:

- Bác như thế đấy, có thể nào các chú cứ thế mà quay.

"Thua" keo này, lại bày keo khác. Lâu lâu, hai anh em lại "xin" Bác mặc đại cán. Bác thấy các nghệ sĩ cứ năn nỉ mãi, Bác cũng đành mặc hai ba lần, những khi cần thiết... Tổ làm phim còn quay được một số ảnh Bác đánh máy chữ, trồng rau xanh, đi công tác, lội suối, cưỡi ngựa. Anh em còn định xin quay một số cảnh nữa về đời sống hằng ngày của Bác.

Bác nói:

- Thôi! Đời sống của Bác lúc này không quan trọng bằng đời sống nhân dân.

(Nhiều tác giả, trong Bác Hồ với chiến sĩ, tập 2, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001).

"Có nặng không"

Những năm kháng chiến, trên Việt Bắc, ông Cụ thường hay cho đốt lửa trại kiểu Hướng đạo.

Một lần, chúa lửa rơi vào tay ông bác sĩ Trần Duy Hưng, thị trưởng Hà Nội. Thấy đốc tờ Hưng nói nhỏ với các chú bảo vệ điều gì đó. Rồi ông ta tuyên bố: "Kháng chiến đã thành công, đồng bào miền Nam hôm nay đón Cụ Chủ tịch vào thăm. Mời Cụ lên máy bay". Đã thấy hai chú lính ra vòng tay làm kiệu, nâng Cụ lên, chẳng nói chẳng rằng chạy luôn quanh đồng lửa... Trần Duy Hưng bảo các trại viên ù ù lúc trầm bổng, cao thấp ra vẻ máy bay đang bay. Độ hai vòng lửa, máy bay dừng lại. Hưng lại chủ động "tấn công": "Cụ Chủ tịch đã đến, xin mời Cụ nói chuyện với đồng bào". Cụ sửa lại áo. Vỗ vai hai "phi công" hỏi:

- Có nặng không...?

Rồi Cụ nghiêm trang nói:

- Thưa đồng bào, tôi được vào đây, mừng lắm. Nhưng đi tàu bay xấu, xóc nhiều, mệt. Xin nhờ đồng chí Trần Duy Hưng thưa chuyện với đồng bào...

Đốc tờ bị "phản kích" lúng túng vì chưa chuẩn bị diễn văn. Cụ Phan⁽¹⁾ ngồi gần tôi cười toáng lên: "Hưng ơi! Chết chưa!".

*(N.V.H. ghi lời kể của Hoàng Đạo Thúy
trong Bác Hồ với chiến sĩ, tập 2,
NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001)*

1. Cụ Phan Kế Toại.

Hồ hết mà không làm

Cuối năm 1952, đoàn cán bộ, chiến sĩ miền Nam ra Việt Bắc được gặp Bác Hồ.

Bác ân cần hỏi thăm sức khỏe từng đồng chí, đi đường có ai ốm đau gì không, đã có đủ áo ấm chưa, đã được cấp phát những gì...

Thay mặt cho hơn năm mươi anh em, một đồng chí báo cáo:

- Thưa Bác, từ khi đến đất Khu 4 rồi lên Việt Bắc đến nay, chưa được cấp phát gì cả ạ.

Bác quay sang đồng chí Võ Nguyên Giáp nói:

- Chú Văn phải lo việc này cho các chú ấy. Chú Văn phải chiêu đãi các chú nhân dịp ta vừa chiến thắng Nghĩa Lộ...

Sau đó, Bác mời cả đoàn đi ăn cơm. Bác nhìn hết đồng chí này đến đồng chí kia, gấp thức ăn cho từng người quên cả ăn.

Tan tiệc, Bác tặng mỗi đại biểu một cái kẹo, một điều thuốc lá "Đại Tiền Môn" của Trung Quốc, quà của cố vấn nước bạn tặng Bác, Bác nói:

- Kẹo và thuốc lá của các cố vấn Trung Quốc biếu Bác, Bác biếu lại các chú.

Đếm người, thấy thiếu một đồng chí, Bác hỏi:

- Ai không có mặt?

Anh em thưa:

- Thưa Bác, có đồng chí Hoàng mệ, không đến được ạ.

Bác bèn chia phần kẹo, thuốc lá cho đồng chí Hoàng.

- Bác gửi quà cho chú Hoàng.

Bác còn dặn thêm phải giữ ấm ngực, năng tập thể dục, ít ngủ trưa...

Một buổi sáng, như thường lệ, Bác vẫn dậy sớm, tập thể dục...

Bác đến từng lán của các đại biểu chính trị, quân sự, miền Trung, miền Nam giục xuống sân. Đến một lán khuất Bác nghe hô "một hai, một hai..." nhưng không nghe tiếng chân giậm. Đến nơi, thì chẳng thấy một ai cả.

Người trèo lên sàn, lật chăn, kéo chân "chư vị đại biểu" trách nhẹ:

- Này, các chú nằm trên giường tập thể dục bằng mồm à...

(Nhiều tác giả, trong Bác Hồ với chiến sĩ, tập 2, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001)

Những lần gặp Bác

Sau ngày 7 tháng 5 năm 1954 lịch sử, tôi vinh dự được Bộ chỉ huy Mặt trận cử làm trưởng đoàn chiến sĩ thi đua của mặt trận về báo cáo thắng lợi vĩ đại này với Đảng, Chính phủ và Bác Hồ kính yêu.

Bao mệt mỏi, căng thẳng sau trận chiến đấu dài ngày, cực kỳ ác liệt bỗng tan biến đâu hết, trong lòng chỉ thấy phấn chấn và mong đợi.

Chúng tôi mang theo về các thứ huân chương, lon thiếu tướng Đờ Cát, một lá cờ Pháp đã rách, một cái máy thu thanh nhỏ Đờ Cát vẫn dùng. Tất cả ngồi trên một chiếc xe ô tô vận tải quân sự do đồng chí Thành lái. Thật là hai cảnh trái ngược nhau, chứa đựng bao điều muốn nói: Khi đi phải thật bí mật, trèo đèo lội suối, vai vác nặng, mồ hôi lúc nào cũng thấm áo; khi về thì rong ruổi "ngựa xe" giữa cảnh đông vui náo nức như ngày hội - hội chiến thắng. Tuy vậy chúng tôi phải mất gần tuần lễ mới về tới hậu phương.

Đọc đường, lúc nào tôi cũng nghĩ khi về gặp Bác thì phải báo cáo với Bác những điều gì. Hình ảnh Bác gọi lên báo cáo kế hoạch tiến công Đông Khê lại hiện về rất rõ trong tâm trí tôi.

Về đến cơ quan Tổng cục Chính trị, anh Nguyễn Chí Thanh đã tổ chức đón đoàn chúng tôi rất trọng thể, có dựng cổng chào kết hoa trên đường vào cơ quan... và anh bố trí cho tôi được nói chuyện ngay với Bác qua điện thoại.

Tôi vui sướng và thực sự hồi hộp:

- Báo cáo Bác, cháu phụ trách đoàn chiến sĩ thi đua từ mặt trận Điện Biên Phủ về mừng sinh nhật Bác.

- Ai bảo các chú bày vẽ việc này? - Bác nghiêm nghị hỏi.

Tôi đang ấp úng không biết trả lời thế nào, thì đầu dây bên kia Bác đã gỡ bí:

- Chú Hoàng Cầm đây phải không?

- Vâng ạ! Thưa Bác, cháu là Hoàng Cầm đây ạ!

- Các chú ở trên đó có đói không?

- Báo cáo Bác, không đói nhưng thiếu ạ!

Bác hỏi tiếp:

- Có khổ không?

Anh Nguyễn Chí Thanh đứng gần vui vẻ nhắc tôi cứ báo cáo thật với Bác là khổ lắm.

- Báo cáo Bác, có khổ ạ!

Bác ôn tồn nói:

- Đối với nhiệm vụ của Trung ương Đảng, Chính phủ giao cho, các chú phải chịu đựng gian khổ, phải có tinh thần hy sinh, dũng cảm chiến đấu thì mới giành được thắng lợi vẻ vang.

Rồi Bác lại hỏi tiếp:

- Các chú có thuốc Lào hút không?

- Báo cáo, có ạ!

Xin mở vòng ngoặc lưu ý bạn đọc về chuyện thuốc Lào ở Điện Biên Phủ, tuy không phải là vấn đề cơ bản của chiến đấu, nhưng lại là một nhu cầu thực tế không thể thiếu. Bộ đội ta lúc ấy, nhiều người nghiện thuốc Lào, mà đã "nghiện" thì như câu ca đã đúc kết: "đã chôn điếu xuống lại đào điếu lên". Không có thuốc hút là người cứ bản thân.

Hiểu cái nhu cầu tuy nhỏ nhưng không thể thiếu được ấy, Chính phủ và Bác đã chỉ thị cho cơ quan cung cấp ở hậu phương chú ý lo cho bộ đội khoản thuốc Lào gửi lên mặt trận cùng với súng, đạn, gạo, muối và thuốc men, nhưng do cuộc chiến đấu kéo dài, cảnh thiếu thuốc hút vẫn là vấn đề thời sự ở mặt trận.

Từ đầu dây bên kia, giọng nói Bác chậm rãi, thân mật ân cần:

- Bác được tin các chú về thăm Bác, nhưng hôm nay Bác bận họp Hội đồng Chính phủ, chưa gặp được. Các chú cứ nghỉ ngơi cho khỏe, chờ Bác họp xong, Bác cháu ta sẽ gặp mặt cùng vui.

Ôi! Bác nói những lời sao mà gần gũi, cảm động đến thế!

Do yêu cầu nhiệm vụ, tôi được lệnh phải về tiếp tục chuẩn bị kế hoạch hoạt động ở Vĩnh Yên nên không được gặp Bác. Nhưng sau đó tôi đã nhận được huy hiệu của Bác gửi tặng.

Sau này, vào dịp Tết dương lịch năm 1964, Bác về thăm Sư đoàn 312, tôi có báo cáo với Bác rằng sau chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, tôi được Bộ chỉ huy Mặt trận giao nhiệm vụ dẫn đầu đoàn chiến sĩ thi đua về chúc thọ Bác, Bác chỉ gật đầu:

- Hôm đó Bác đang bận họp, nên chỉ nói chuyện với chú qua điện thoại.

Tôi không ngờ. Một câu chuyện nhỏ đã qua mười năm rồi mà Bác còn nhớ rất rành rọt như vậy.

Còn tôi thì vẫn ghi lòng tạc dạ những lời dạy bảo ân cần của Bác. Suốt đời tôi nguyện làm theo lời Bác với tinh thần quyết chiến quyết thắng của Điện Biên Phủ trong bất cứ nhiệm vụ nào.

(Thượng tướng Hoàng Cầm kể, Nhật Tiến ghi, trong Như có Bác trong tim, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001)

Bác Hồ chọn Phó Thủ tướng

Bạn tôi đã kể lại câu chuyện ba chục năm về trước, khi anh Đỗ Mười đang được Trung ương Đảng giao phụ trách việc chi viện chiến trường miền Nam. Vào lúc Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc, anh Mười ngày đêm phải lo đối phó với âm mưu của địch cắt đứt mọi đường tiếp tế của hậu phương lớn cho chiến trường, chỉ đạo việc xây dựng đường ống dẫn dầu từ biên giới phía Bắc đến các vùng căn cứ kháng chiến miền Trung, cho đến Tây Ninh tiếp giáp với Sài Gòn. Một ngày đầu năm mới, anh Mười "kéo quân" về Hải Phòng để kiểm tra và giải tỏa các kho tàng ở cảng để chủ động đối phó với bước leo thang mới của Mỹ, đồng thời bàn bạc với các đồng chí lãnh đạo địa phương về kế hoạch đánh trả không lực Hoa Kỳ. Công việc đang được tiến hành rất khẩn trương thì một hôm, mới 6 giờ sáng có điện thoại từ Thủ đô Hà Nội gọi về. Văn phòng của Bác báo tin Bác muốn gặp anh Đỗ Mười vào 10 giờ sáng hôm nay. Anh Trúc nhận điện giữa lúc anh Mười đang tập thể dục ở trên gác. Khi được báo, anh Mười nói ngay:

- Cậu báo cho đồng chí lái xe ăn sáng và chuẩn bị. Còn tài liệu báo cáo về kho cảng và kế hoạch đối phó với địch thì cậu để sẵn vào cặp cho mình.

Anh Mười gọi mọi người đến phân công những việc cần làm tiếp theo chương trình và hẹn có thể sáng mai trở lại sớm. Nhưng đến một giờ chiều thì nghe

tiếng anh Mười gọi điện thoại về báo tin chuẩn bị để chiều nay sẽ làm việc trực tiếp với một số đơn vị.

Buổi tối, trong giờ ăn cơm với một số cán bộ đi theo, khi anh em hỏi: "Bác gọi về có việc gì gấp thế?", anh Mười kể lại: Bác hỏi về tình hình kho bãi, khi mình báo cáo xong thì Bác lại hỏi sang chuyện khác, Bác hỏi nhiều chuyện lắm, cả đời sống và tinh thần bộ đội, nhân dân... Cuối cùng thì Bác bảo ăn cơm với Bác. Cơm của Bác thanh đạm mà rất ngon, mình ăn đến ba bát, Bác xới cơm cho và cứ gấp thức ăn vào bát mình. Thấy mình ăn khỏe, Bác vui lắm. Rồi Bác hỏi thăm:

- Chú ngủ được mấy tiếng?

- Thưa Bác, được bốn tiếng hoặc hơn một chút.

Bác bảo cố gắng ngủ không dưới bốn tiếng và không làm việc quá sức, vì Bác đã biết và theo dõi sức khỏe của mình mấy năm trước khi mình đau ốm, Bác và Bộ Chính trị bắt phải nghỉ để chữa bệnh.

Mọi người nghe kể chuyện về cuộc gặp Bác rất vui, càng phấn khởi lao vào công việc. Nửa tháng sau thì được tin có quyết định anh Mười là Phó Thủ tướng, tiếp tục lo công tác chi viện chiến trường miền Nam và phụ trách khối kinh tế. Tiếp theo quyết định này là một chỉ thị của Bộ Chính trị gửi sang, nội dung có đoạn nói rõ: "Đồng chí Đỗ Mười không được họp vào buổi tối". Ở mục "Nơi nhận để thi hành" là Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Phó Thủ tướng Đỗ Mười, Đảng ủy Văn phòng phủ Thủ tướng.

Sau này, anh Trúc mới được biết: Trước khi Bác có cuộc gặp nói chuyện trên, Thủ tướng Chính phủ đã

trình lên Bác một danh sách mấy đồng chí để lựa chọn, đưa lên Ban thường vụ Quốc hội xin đưa vào chức vụ Phó Thủ tướng. Bác hỏi ngay:

- Bộ Chính trị có ý kiến thế nào?

- Thưa Bác, Bộ Chính trị xin Bác cho ý kiến.

Bác đọc danh sách, thấy đồng chí nào cũng có quá trình phấn đấu đáng tin cậy. Nhưng Bác suy nghĩ và phân tích: Chú này trình độ khái quát nhanh, chú kia chặt chẽ về tài chính... nhưng làm Phó Thủ tướng, ngoài năng lực, ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm, cần phải sâu sát tình hình thực tiễn, tổ chức, thực hiện, kiểm tra đôn đốc để các chủ trương của Đảng và Nhà nước biến thành hành động của nhân dân. Bác thấy chú Mười có đủ các tiêu chuẩn vừa nói, nhưng để Bác xem thêm sức khỏe thế nào...

Khối lượng công việc rất lớn, mà anh Mười thì không chịu được cách làm việc hời hợt, chung chung, việc gì anh cũng muốn bàn và chỉ đạo cụ thể, khuyến khích tranh cãi để thông suốt chủ trương, kế hoạch. Một hôm anh nói với đồng chí chủ nhiệm Văn phòng Nông nghiệp triệu tập lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và các ngành hữu quan để làm việc vào buổi tối. Ăn cơm chiều xong, anh tới Phủ Thủ tướng thấy vắng vẻ quá. Anh hỏi đồng chí cán bộ thường trực:

- Hôm nay có cuộc họp, sao không thấy có đèn đóm gì, họp ở đâu?

- Thưa anh, em không được biết.

Anh gọi điện thoại cho đồng chí chủ nhiệm Văn phòng Nông nghiệp. Bên kia đầu dây có tiếng trả lời: "Thưa anh, đã có chỉ thị của Bác cấm anh làm việc buổi

tối kia mà! Tôi là Bí thư Đảng ủy, không dám làm trái chỉ thị của Bác". Anh Mười hỏi lại: "Nhiều việc mà không tranh thủ thời gian thì để đến bao giờ?". "Thưa anh, tôi đã triệu tập vào đầu giờ sáng mai rồi, vẫn đảm bảo tinh thần khẩn trương, không để công việc trì trệ, anh ạ".

Anh Đỗ Mười vui vẻ bước lên xe ra về, sau khi nghe đồng chí Bí thư Đảng ủy nhắc đến một lời dặn ân cần của Bác...

(Phan Hiền, Bác Hồ với sự nghiệp trồng người,
NXB Trẻ, Hà Nội, 1999)

Câu chuyện cái đồng hồ

Năm 1954, các cán bộ tham gia cải cách ruộng đất đang dự hội nghị tổng kết ở Hiệp Hòa (Hà Bắc) để rút kinh nghiệm làm tốt đợt mới ở vùng giải phóng, thì có lệnh Trung ương rút bớt một số người đi học lớp tiếp quản Thủ đô. Ai nấy đều háo hức muốn đi. Nhất là những người quê Hà Nội. Bao năm xa nhà, nhớ Thủ đô, nay được dịp về công tác, anh em bàn tán rất sôi nổi. Nhiều người đề nghị cấp trên chiếu cố nổi niềm riêng đó và cho được toại nguyện. Tư tưởng cán bộ dự hội nghị có chiều phân tán... Ban lãnh đạo ít nhiều thấy khó xử.

Giữa lúc đó thì Bác Hồ đến thăm hội nghị. Hôm đó giữa mùa thu, nhưng trời vẫn còn nóng. Bác bước lên diễn đàn, mồ hôi ướt đầm hai bên vai áo nâu của

Bác... Khi tiếng vỗ tay đã ngớt, Bác hiền từ nhìn khắp hội trường và nói chuyện về tình hình thời sự. Nói đến nhiệm vụ của toàn Đảng trong lúc này, Bác bỗng rút trong túi áo giơ ra một chiếc đồng hồ quả quýt và hỏi:

- Các chú có trông thấy cái gì đây không?

Mọi người đồng thanh:

- Cái đồng hồ ạ.

- Thế trên mặt đồng hồ có những chữ gì?

- Có những chữ số ạ.

- Những cái kim ngắn, kim dài để làm gì?

- Để chỉ giờ, chỉ phút ạ.

- Cái máy bên trong dùng để làm gì?

- Để điều khiển cái kim chạy ạ.

Bác mỉm cười, hỏi tiếp:

- Thế trong cái đồng hồ, bộ phận nào là quan trọng?

Mọi người còn đang suy nghĩ thì Bác lại hỏi:

- Trong cái đồng hồ, bỏ một bộ phận đi có được không?

- Thưa không được ạ.

Nghe mọi người trả lời, Bác bèn giơ cao chiếc đồng hồ lên và kết luận:

- Các chú ạ, các bộ phận của một chiếc đồng hồ cũng ví như các cơ quan của một nhà nước, như các nhiệm vụ của cách mạng. Đã là nhiệm vụ của cách mạng thì đều là quan trọng, đều cần phải làm. Các chú thử nghĩ xem: trong một chiếc đồng hồ mà anh kim đòi làm anh chữ số, anh máy lại đòi ra ngoài làm

cái mặt đồng hồ... cứ tranh nhau chỗ đứng như thế thì có còn là cái đồng hồ được không?

Chỉ trong ít phút ngắn ngủi, câu chuyện chiếc đồng hồ của Bác đã khiến cho ai nấy đều thấm thía, tự đánh tan được những suy nghĩ riêng tư vô lý.

Quê hương nghĩa nặng tình sâu

Ngày 14-6-1957, Bác Hồ về thăm quê - làng Sen, Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An sau hơn năm mươi năm xa quê.

Nghe tin ngày mai Bác về, dân làng thao thức. Mọi người đều nghĩ tới ngày đón người con của quê hương nhưng cũng là đón vị Chủ tịch nước chắc phải thật long trọng.

Sáng ấy, Bác về với bộ quần áo ka ki và đôi dép cao su quen thuộc. Hình ảnh ấy đã xua tan cái cảm giác xa cách nửa thế kỷ, trái lại bà con cảm thấy gần gũi, thân thiết lạ thường như mới gặp Bác ngày hôm qua vậy. Bác vẫy tay cất tiếng chào mọi người. Một chú mời Bác vào nhà tiếp khách mới xây ở gần nhà Bác, nhưng Bác ngăn lại:

- Tôi xa nhà, xa quê đã lâu, nay mới có dịp về, tôi phải về thăm nhà đã, còn đây là nhà tiếp khách để dành cho khách, tôi có phải là khách đâu!

Ngôi nhà mà Bác Hồ nhắc tới là ngôi nhà năm gian được xây dựng năm 1901. Chú cán bộ hướng dẫn Bác đi vào ngõ cạnh nhà ngang. Chiếc cổng tre gắn một tấm biển nhỏ: "Nhà Bác Hồ", Bác cười vui:

- Đây là nhà cụ Phó bảng⁽¹⁾ chứ có phải nhà Bác Hồ đâu!

Bác ngập ngừng trong giây lát rồi thông thả dọc theo hàng rào bước tiếp đến góc của mảnh vườn rồi rẽ tay phải dọc theo hàng rào râm bụi ở trước ngôi nhà chính. Bác nhẹ tay vạch rào râm bụi đi thẳng vào sân, vừa đi Bác vừa nhắc chú cán bộ địa phương:

- Các chú mở lối đi đằng ấy sai rồi. Cổng nhà cụ Phó bảng ở hướng đông này chứ!

Bác đứng giữa sân, nhìn quanh rồi lần lượt chỉ cho mọi người biết, trong vườn này ngày xưa chỗ nào là cây ổi, chỗ nào là cây thanh yên. Bác đi một lượt từ nhà trên xuống nhà dưới. Bác lại đi ra ngõ, nhìn quanh chòm xóm, nhìn ra núi Chung, nơi xưa kia Bác thường chơi thả diều.

Một cụ già chờ Bác ở ngõ, Bác lên tiếng hỏi ngay:

- Có phải ông Điền không?

- Vâng... anh Công⁽²⁾... Bác, Bác Hồ!

Bác nhanh nhẹn bước tới, nắm tay ông cụ đang run run vì cảm động, Bác hỏi:

- Anh Điền, anh vẫn khỏe chứ?

Cụ già đó là ông Điền, người bạn thời niên thiếu của Bác, đã từng cùng nhau đi câu cá, đi thả diều. Hai tiếng "anh Điền" làm cho cụ già cảm động. Trước mặt cụ vẫn là người bạn năm xưa dù Bác đã trở thành Chủ tịch nước.

1. Cụ Phó bảng: Chỉ cụ Nguyễn Sinh Sắc, thân phụ của Bác Hồ.

2. Công: Tên gọi của Bác Hồ hồi còn nhỏ.

Bác nói với bà con dân làng:

"Tôi xa quê hương đã năm mươi năm rồi. Thường tình người ta xa nhà, lúc trở về thì mừng mừng tủi tủi. Nhưng tôi không tủi, mà chỉ thấy mừng. Bởi vì khi tôi ra đi, nhân dân ta còn nô lệ, bị bọn phong kiến đế quốc đè đầu cưỡi cổ. Bây giờ tôi về thì đất nước đã được giải phóng, nhân dân ta đã được tự do".

Nói rồi Bác đọc câu thơ:

*Quê hương nghĩa trọng tình cao
Năm mươi năm ấy biết bao nhiêu tình.*

(Theo đồng chí Vũ Kỳ)

Có một bức ảnh

Có một đơn vị bộ đội ở thị xã Cao Lãnh (tỉnh Đồng Tháp) trước khi lên đường ra Bắc tập kết (năm 1954) đã sửa sang và xây lại ngôi mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc để tỏ lòng tôn kính người cha đã sinh ra Bác Hồ.

Sau khi tu sửa xong, các chú bộ đội đã chụp ảnh ngôi mộ Cụ. Tháng 7-1954 các chú bộ đội tập kết ra Bắc và đã mang theo bức ảnh chụp ngôi mộ Cụ Nguyễn Sinh Sắc. Các chú bộ đội đã tặng Bác Hồ bức ảnh này. Bác Hồ rất cảm động khi nhận bức ảnh ấy. Bình thường, những tặng phẩm như thế gửi đến Bác, sau khi xem xong, Người vẫn đưa các chú giúp việc cất đi. Nhưng riêng bức ảnh ấy không thấy Bác trao lại.

Thời gian trôi qua... Cuối năm 1969, sau khi Bác qua đời, khi sắp xếp lại các đồ vật trong căn nhà sàn của Bác, các cô chú phục vụ rất xúc động tìm thấy bức ảnh chụp ngôi mộ năm xưa. Bức ảnh ấy Bác đã để trên ngăn cao nhất trong giá sách của Bác ngay kê nơi Bác ngồi làm việc. Bức ảnh được cất cẩn thận trong một hộp gỗ khảm đục thiếp in hoa của khách nước ngoài tặng Bác.

(Theo đồng chí Vũ Kỳ)

Bác chỉ muốn các cháu được học hành

Sau khi Pháp rút quân khỏi Hà Nội, trên đường đi công tác, Bác thăm một thôn nhỏ. Thôn này nằm trong vùng du kích của những ngày kháng chiến chống giặc Pháp. Khắp thôn, những mái nhà nhỏ vừa dựng lại.

Hay tin Bác đến, nhân dân trong thôn mừng cuống, chạy tới quanh Người mà vẫn ngờ ngợ chưa tin. Bác hỏi thăm các cụ già, các cháu thanh niên về việc đánh giặc, chia ruộng đất, chuyện xây dựng lại làng xóm. Bác chia kẹo cho các cháu thiếu nhi. Các cháu rất sung sướng, vừa bóc ăn, vừa nhìn người lớn như muốn chia sẻ niềm vui. Có một cháu gái chừng năm, sáu tuổi tay cầm kẹo trân trân nhìn Bác không chớp mắt. Thấy vậy, đồng chí cán bộ đứng bên cạnh Bác âu yếm bảo cháu:

- Ăn kẹo đi cháu!

- Cháu để phần mẹ cháu!

Tiếng cháu nhỏ nhỏ, đủ nghe. Câu trả lời của cháu làm mọi người phải chú ý. Đồng chí cán bộ liền lấy phần kẹo khác đưa cháu và bảo:

- Cháu ăn phần kẹo này đi, còn phần trước để dành mẹ cháu.

Cháu bé cầm lấy kẹo nhưng vẫn không ăn, cứ mãi nhìn Bác. Chia kẹo xong, Bác quay nhìn cháu bé và bảo:

- Cháu bé ăn kẹo đi!

- Cháu chờ mẹ cháu cùng ăn ạ!

Nghe câu trả lời dễ thương của cháu nhỏ, Bác cúi xuống vuốt mái tóc của cháu và hỏi:

- Cháu tên là gì?

- Mẹ cháu gọi cháu là cái Chiến.

Bác gật đầu, nhắc lại:

- Tên cháu là Chiến.

Như đã quen với việc giải thích về cái tên của mình, cháu bé nói luôn:

- Mẹ cháu bảo phải đuổi hết giặc đi mới sống được, nên gọi là cái Chiến.

Bác kéo bé Chiến vào lòng. Một cụ già trong thôn liền kể Bác nghe về gia cảnh của cháu Chiến: Ông cháu bị giặc Pháp bắt đi phu không thấy về, bố cháu giặc Pháp giết hại khi cháu vừa ra đời. Mẹ cháu vừa sản xuất, vừa chiến đấu nuôi cháu bằng ngân ấy tuổi, vì vậy cháu rất quý mẹ và căm thù giặc.

Nghe chuyện, Bác rất cảm động. Người khuyên bà con chăm sóc các cháu, các gia đình thương binh - liệt sĩ.

Đứng bên Bác Hồ, nghe cụ già kể chuyện về mình, bé Chiến tỏ vẻ nóng ruột như muốn hỏi Bác điều gì. Khi thấy các chú cán bộ cùng đi với Bác lên xe, bé Chiến níu tay Bác hỏi:

- Bác ơi! Cháu lớn lên còn giặc để đánh không?

Nghe cháu hỏi, Bác cúi xuống thơm lên trán của cháu, rồi Người nhẹ nhàng bảo:

- Bác chỉ muốn các cháu được học hành, lớn lên xây dựng đất nước.

Bà con trong thôn tiễn Bác lên xe rồi, bé Chiến còn đứng ngây người nhìn theo xe Bác...

*(Ngọc Châu, Những ngày được gần Bác,
NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001)*

Chúng ta còn quên gì không?

Một lần ở căn cứ địa Việt Bắc, vào khoảng mùa xuân năm 1951, anh Phạm Văn Khoa được đồng chí Trần Đăng Ninh gọi tới dặn:

- Chuẩn bị đi công tác biên giới nhé.

Khi đó anh Khoa vừa được cử phụ trách xây dựng ngành điện ảnh, công việc đang rất bận, ngán người, không hiểu lên biên giới có việc gì.

Anh Trần Đăng Ninh nói nhỏ:

- Đi theo Bác đấy, cần giữ kín, nếu có một máy quay phim thì tốt.

Anh Khoa chuẩn bị chút hành trang. Hôm sau tới chỗ hẹn, Bác đã sẵn sàng và chỉ dặn:

- Đường đi khá xa, mỗi ngày ta đi khoảng ba chục cây số để giữ sức. Đi một giờ nghỉ mười phút. Đồ đạc gọn gàng, không được để quên thứ gì.

Đường mòn xuyên rừng, vượt suối, thế mà Bác chống gậy, vai vắt khăn, đi thoăn thoắt. Nơi Bác chọn nghỉ thường thoáng đãng, ven suối, nhất là chỗ nào có hoa rừng, Bác ngồi lâu hơn, vừa uống nước, vừa ngắm hoa. Có lần thấy anh em mệt, Bác nói:

- Chú Khoa mau miệng, thỉnh thoảng chú kể chuyện vui cho mọi người nghe.

Vắt vả nhất là anh quay phim. Có khi phải vượt lên, chọn nơi lá rừng thưa đủ sáng để ghi hình Bác. Thế mà có lần Bác vượt qua rất nhanh không kịp bấm máy.

Các anh bảo vệ mấy lần thưa:

- Bác đi chậm một chút cho đỡ mệt.

Bác trả lời:

- Mình đã định cách đi, chậm lại là nhờ việc. Bác cháu mình gắng lên một chút.

Một bữa, Bác cháu nghỉ bên con suối, trái tằm bặt, ăn cơm. Bỗng Bác ngừng ăn, nhìn sang bên kia suối, nơi ven rừng thấy có nấm mộ, trên đóng chiếc cọc gỗ như tấm bia. Bác im lặng, uống nước. Mọi người dọn đồ để lên đường. Cũng như mọi khi, Bác hỏi:

- Chúng ta còn quên gì không?

- Dạ, không quên gì ạ.

Bác tần ngần nhìn qua suối:

- Chúng ta còn quên chưa chào người dưới mộ.

Tất cả sững người, ngược nhìn qua suối.

Bác nói xúc động:

- Bác cháu mình đi công tác, lo việc nước. Người nằm dưới mộ không rõ là ai, già hay trẻ, nam hay nữ, chết chắc khi đất nước còn nô lệ. Bác cháu mình lo sao cho người nằm dưới mộ được yên nghỉ trên đất nước được giải phóng.

Bác nhìn quanh:

- Ta không có hương, các chú hái mấy bông hoa rừng sang viếng mộ rồi lên đường.

Nghe Bác nói, ai cũng xúc động. Khi đặt hoa lên mộ, có người rơi nước mắt, thấm thía về tấm lòng của Bác, nghĩ tới người sống, và nghĩ tới cả người nằm trong nắm mộ cô quạnh ven rừng.

*(Trung Sơn, Chuyện kể về Bác Hồ,
tập 4, NXB Nghệ An, 2000)*

Bác muốn biết sự thật kia

Hòa bình lập lại, mặc dù rất bận, Bác vẫn dành thời gian đi thăm bà con nông dân.

Lần ấy, vào vụ thu hoạch mùa. Anh em cảnh vệ chúng tôi được lệnh đến trước và bố trí một số chiến sĩ cùng gặt với bà con để tiện cho việc bảo vệ Bác.

Trên cánh đồng lúa vàng trải rộng, có khoảng năm, sáu tổ đang khẩn trương gặt hái, mấy tổ gặt ở kề ngay đường, còn một nhóm gặt mãi xa trong cánh đồng lầy lội. Chúng tôi nghĩ, chắc là Bác sẽ đến thăm mấy tổ gần đường, vì vậy một số anh em bảo vệ trà trộn cùng dân gặt trong những nhóm đó.

Chuẩn bị xong, chúng tôi yên trí chờ đợi... Một lúc sau xe Bác đến và dừng lại gần chỗ chúng tôi bố trí. Bác xuống xe nhưng không lại chỗ bà con đang gặt gần đường. Người xấn quần, tháo dép đi thẳng ra nhóm đang gặt ở đằng xa. Thấy vậy, một đồng chí trong chúng tôi lúng túng gợi ý:

- Thưa Bác, chỗ đằng kia nông dân gặt đông quá ạ!

Bác quay lại nói ngay:

- Đông gì? Các chú bố trí đấy!

Rồi Bác tiếp tục đi. Chúng tôi anh nọ nhìn anh kia ngượng quá.

Đến chỗ bà con nông dân đang gặt ở giữa đồng, Bác ân cần hỏi han từ chuyện trong nhà đến việc ngoài đồng... Do hóa trang rất khéo, vả lại buổi đi thực tế của Bác rất bất ngờ, nên bà con nông dân cứ ngỡ là một cán bộ già đi qua đường xuống thăm, nói chuyện với Bác rất tự nhiên, vui vẻ.

Lúc về tới nhà, Bác bảo chúng tôi: "Các chú nên rút kinh nghiệm, nếu làm việc gì cần phải bí mật, thì phải làm sao để không ai phát hiện được (hóa ra Bác đã nhìn thấy trong đám gặt gần đường có cả những anh "nông dân" mặc quần áo ka ki đi gặt). Bác nói tiếp:

- Lần này đi thăm bà con nông dân, Bác muốn nói chuyện thật tự nhiên để biết rõ tình hình thực tế. Bác thì Bác muốn biết sự thật kia! Đối với nông dân, điều đầu tiên là phải chân thực!

(Trần Minh Trường, theo lời kể của các đồng chí Hồng Long, Văn Nam, Văn Phan, Cục Cảnh vệ, Bác Hồ với chiến sĩ, tập 1, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001)

Thế mà cũng khoe...

Lần ấy, trên đường đi thăm bà con nông dân xã Gia Thượng - Gia Lâm, xe Bác đi qua trường Sĩ quan Hậu cần. Cán bộ, học viên chiến sĩ ùa ra cổng mời Bác vào thăm. Có anh còn níu áo khoe: "Thưa Bác, trường cháu có nhiều thành tích tăng gia ạ". Ý chừng nói thế để muốn thưa với Bác, là đơn vị mình cũng xứng đáng được Bác đến thăm.

Vào sân trường, Bác ra hiệu cho mọi người ngồi xuống rồi Bác hỏi:

- Các cô, các chú có thi đua đạt được nhiều thành tích không?

Nhiều tiếng "có, có" ồn ào. Một cán bộ đứng dậy:

- Thưa Bác, chúng cháu tăng gia giỏi nhất toàn quân về chăn nuôi và trồng rau ạ.

Bác gật đầu, hỏi thêm:

- Ở vùng này có mấy đơn vị đóng quân?

- Dạ, có thông tin, cao xạ... sáu, bảy đơn vị.
 - Thế các đơn vị ấy tăng gia có giỏi như các chú không?
 - Thưa Bác không ạ. Chúng cháu nhất đây ạ...
- Bác cười hóm hỉnh, rồi lắc đầu:
- Chỉ biết thi đua một mình, không giúp đỡ bạn. Thế mà cũng khoe!
- Tất cả mọi người ngồi im re. Anh chàng khoe với Bác không tìm được nơi nào để "độn thổ".

*(Quốc Tuấn, trong Bác Hồ với chiến sĩ, tập 2,
NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001)*

Lựa gió đánh lửa

Chuẩn bị đón đoàn khách quý của Nhà nước, Bác cho gọi một số cán bộ của Trung đoàn 600 tới Chủ tịch phủ để lựa chọn sĩ quan tùy tùng.

Bác giải thích: "Đoàn khách này là khách quý của Nhà nước. Họ rất quý mến Việt Nam, ta cần tranh thủ bạn. Song, họ có cuộc sống cao, lại rành giao tiếp, vì vậy việc đón tiếp cần phải lưu ý từ những chi tiết nhỏ. Các chú đều đánh giặc giỏi, trách nhiệm bảo vệ phải cao. Nhưng trong giao tiếp ngoại giao, còn nhiều điểm chưa tìm hiểu. Nay Bác cần các chú học thêm về giao tiếp, từ cách cúi chào, bắt tay sao vừa lịch sự, lại vừa đàng hoàng, khiêm tốn, nhã nhặn. Phải học ngoại ngữ, và cả khiêu vũ nữa. Đây là nói với các

chú, còn bây giờ thời gian gấp, Bác lựa một vài chú, mở lớp cấp tốc để đảm hôm nữa vào việc".

Nghe Bác, các cán bộ bảo vệ đều phấn khởi đứng nghiêm để Bác chọn.

Bác nhìn một lát rồi mỉm cười, nói: "Bác sẽ chọn tất cả các chú, vì chú nào cũng đẹp và hùng. Song, trước hết cần một chú thôi".

Bác chỉ đồng chí Nhân, đại úy, đại đội phó của Tiểu đoàn 144 - Tiểu đoàn bảo vệ Bộ Quốc phòng.

Sau mấy ngày học môn lễ nghi, một số từ tiếng Anh trong giao tiếp và khiêu vũ, đồng chí Nhân được Bác gọi lên kiểm tra. Bác hỏi:

- Chú đã học cách thắp tùng nguyên thủ quốc gia chưa?

- Dạ! Học rồi ạ!

- Chú đã học cách ăn tiệc với khách chưa?

- Dạ! Cháu tưởng khi ăn tiệc thì cháu đứng gần đó để bảo vệ.

Đại úy Nhân đi bảo vệ dịp này, luôn nghĩ đến chuyện: Phần Khoái phò Lưu Bang, trong Hồng Môn hội yến thời Hán Sở tranh hùng; hay Quan Công phò Lưu Bị hội yến cùng Chu Du - được hiện đại hóa, có cái thuận tiện là trên đất mình. Nay Bác lại bảo cùng ăn tiệc, lại cùng khiêu vũ, chưa rõ ra sao?

Bác nhìn Nhân, biết Nhân chưa hiểu rõ, chưa hình dung được công việc sẽ được tiến hành ra sao! Bác nhẹ nhàng chỉ bảo:

- Công việc của chú là có phần bảo vệ, nhưng phần khác là thực hiện nghi thức ngoại giao. Bác tiếp nguyên thủ bạn. Chú phải lo tiếp sĩ quan tùy tùng

bạn. Hai người phải luôn sát bên nhau. Khéo léo mời họ ăn các món ăn của Việt Nam, hiểu đất nước, con người của chúng ta. Họ hỏi thì nói, phải ngắn gọn. Vì sĩ quan tùy tùng của họ đi nước ngoài, họ luôn lo lắng, bảo vệ nguyên thủ của họ. Phải làm cho họ yên tâm. Ở Việt Nam còn chia cắt hai miền, nhưng ở miền Bắc thì trật tự, luật pháp rất vững vàng.

Ngừng một lát để Nhân kịp lĩnh hội, Bác lại dặn:

- Phải khéo gợi ý, khéo trả lời. Biết cách nắm bắt ý khách. Mình cùng họ ăn, uống là để họ ăn uống vui vẻ. Còn mình rất chừng mực. Mời món gì cũng là để giới thiệu, còn để họ tự do. Chớ có gấp đây bát đĩa của người ta, làm mất tự do của người ta, là khách sẽ không bằng lòng đâu! Bác sẽ dặn Bộ Ngoại giao bố trí phiên dịch đi gần chú. Nên nhớ trung tá tùy thân của vị trưởng đoàn này rất được lòng Tổng thống của nước họ!

Vỡ lẽ ra, Nhân vừa cảm kích những lời căn dặn của Bác, vừa ngạc nhiên về những điều tỉ mỉ trong giao tiếp, ngoại giao mà Bác dạy. Sau đó Bác mới đặt vấn đề:

- Chú là cán bộ quân sự, hãy đặt các tình huống để xử lý. Vậy Bác đưa ra một tình huống để chú tập: Ngày thường Bác thường để hộp thuốc lá ở túi. Khi hút, Bác tự lấy ra hút. Nhưng khi ra sân bay, đón khách trước nhiều khách quốc tế, các nhà báo, Bác không thể như ở nhà. Khi Bác muốn hút thuốc chỉ nhìn lại, sĩ quan tùy tùng phải tiến lên mở hộp để Bác lấy thuốc, chú bật lửa, động tác này phải rất khéo, lịch sự...

Nói xong, Bác hỏi:

- Ta tập ngay cảnh này...

Đồng chí Nhân vội cầm hộp thuốc lá của Bác đặt vào túi áo của mình. Bác đứng như đón khách, vừa ra hiệu, Nhân tiến lại bật hộp thuốc lá. Bác nhón một điếu, đặt lên môi. Nhân bật lửa. Động tác vừa nghiêm trang vừa lịch sự, lại rất tình cảm. Nhất là khi Bác vừa nhả khói thì Nhân dậm gót chân lùi xuống một bước để quay về vị trí phía sau. Con người của Nhân đã đẹp, cao mét bảy mươi, hơi gầy, thanh tao, thấp tùng Bác rất hợp. Khi thực hiện các động tác lại nghiêm trang, nhuần nhị.

Các cán bộ, chiến sĩ bảo vệ tham gia bất giác vỗ tay vang lên. Có chiến sĩ khẽ kêu: "Hoan hô đồng chí Nhân - động tác đẹp quá!"

Bác cũng tỏ vẻ hài lòng nhưng Người ra hiệu để mọi người im lặng rồi nói:

- Chú thực hiện động tác quá tốt, nhưng đây là trong phòng. Ra sân bay có nhiều khách, sẽ làm chú mất bình tĩnh. Lại có gió, mùa này, phần nhiều là gió đông nam, song đôi khi đổi chiều gió tây nam, hay gió đông bắc. Chú bật lửa mà không lựa chiều gió sẽ cháy râu Bác. Các cháu thiếu nhi nó bắt đền, chú lấy râu đâu mà đền!

Cả phòng vang tiếng cười. Câu đùa dí dỏm của Bác làm Nhân bật ra sáng kiến.

Nhân xin phép Bác cho tập lại, tự đề ra tình huống:

- Mùa này phần nhiều là gió đông nam, cháu xin làm lại động tác. Cháu sẽ đứng trước gió. Động tác

bước lên là phía trái để khi bật lửa thì đứng trước Bác, râu Bác theo gió hất phía bên phải ạ!

Bác đồng ý, Nhân làm lại động tác. Tập xong, Bác rất hài lòng và bảo:

- Đây là tập ở nhà. Ra sân bay cần phải bình tĩnh và lúc ấy, gió hướng nào phải lựa gió mà đánh lửa.

- Rõ ạ!

(Ngọc Châu, Những ngày được gần Bác,
NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001)

Bao giờ thì "đủ úy"

Đầu năm 1960, tôi đến thăm gia đình đồng chí Nguyễn Lương Bằng ở phố Thiên Quang, Hà Nội. Đã chiều tối, tôi đang ở trong nhà chợt nghe ngoài hành lang các cháu reo lên: "Bác Hồ, Bác Hồ". Hồi hộp và lúng túng, tôi vội đứng nép vào sau cánh cửa.

Bước chân vào nhà, Bác kéo cánh cửa ra và hỏi:

- Ai trốn trong này?

- Dạ thưa cháu ạ.

Bác chỉ vào tôi nói:

- Trông cô này Bác gặp ở đâu mà quen quá.

- Thưa Bác ở Đại hội Phụ nữ trên Việt Bắc năm 1950 ạ.

Bác gật đầu rồi vào phòng khách...

Tôi định xin phép ra về, nhưng chị Bằng gọi tôi:

- Bác bảo cô ra, Bác hỏi chuyện.

Tôi bước ra:

- Cháu chào Bác ạ.

Bác cho tôi ngồi xuống ghế cạnh Bác và hỏi:

- Cô công tác ở đâu?

Tôi chưa kịp trả lời vì còn cảm động quá, anh Cả đỡ lời cho:

- Cô ấy công tác ở Cục Quân y.

- Cấp gì rồi?

- Dạ, thiếu úy.

- Thế bao giờ cô "đủ úy"? - Bác hỏi tôi.

- Dạ thưa Bác, cháu xin phấn đấu... cố gắng ạ...

Anh Cả thưa với Bác là tôi quê ở Huế. Bác nói:

- Hồi còn nhỏ, Bác có ở Huế. Cô ở Huế có biết ca Huế không?

- Thưa Bác có, nhưng cháu ca không hay ạ.

Tôi đứng dậy vòng ra phía sau lưng Bác, cất giọng hò mái nhì mấy câu thơ "Rét Thái Nguyên, rét về Yên Thế, gió qua rừng Đèo Khế gió sang...". Sau đó tôi ca bài "Nước non ngàn dặm" ...theo điệu Nam Bình.

Bác ngồi lặng im hồi lâu.

*(Nguyễn Thị Thuần Hoa¹¹ kể, Việt Hồng ghi,
trong Bác Hồ với chiến sĩ, tập 2,
NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001)*

1. Cháu ngoại Tôn Thất Thuyết, thiếu tá quân đội đã nghỉ hưu, tham gia phong trào nữ sinh Huế từ trước Cách mạng Tháng Tám.